

KINH PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ YẾU GIẢI

佛說阿彌陀經要解

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch Kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa Môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú giải vào đời Thanh

清西有沙門藕益智旭解

Dịch giả: Như Hòa

CHÚ THÍCH

Phần Việt dịch được trích từ “Kinh A Di Đà Yếu Giải Giảng Ký” của Pháp Sư Tịnh Không, Như Hòa chuyển ngữ.

清蓮宗九祖北天日堂尊者智旭大師



清蓮宗九祖北天日堂尊者智旭大師

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	6
GIẢI THÍCH HUYỀN NGHĨA	8
Thích Danh.....	8
Biện Thể.....	9
Minh Tông	11
Minh Lực Dụng.....	16
Minh Giáo Tướng.....	19
GIẢI THÍCH CHÁNH KINH.....	20
PHẦN TỰ'	22
I. Thông tự.....	22
II. Biệt tự	29
PHẦN CHÁNH TÔNG.....	36
I. Giảng rộng về y báo và chánh báo để khơi gợi lòng tin	36
II. Riêng khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh.....	67
III. Chỉ thẳng pháp trì danh [nhằm khuyên hành giả] lập hạnh.....	73
[PHẦN LƯU THÔNG]	89
I. Phở Khuyên.....	89
1. Khuyên tín lưu thông.....	89
2. Khuyên Nguyện Lưu Thông.....	100
3. Khuyên hạnh lưu thông	103
II. Kết Khuyên	108
LỜI BẠT	110

Lời Tựa

原夫諸佛憫念群迷。隨機施化。雖歸元無二。而方便多門。然於一切方便之中。求其至直捷。至圓頓者。則莫若念佛。求生淨土。又。於一切念佛法門之。求其至簡易。至穩當者。則莫若信願專持名號。是故淨土三經。並行於世。而古人獨以阿彌陀經。列為日課。豈非有見於持名一法。普被三根。攝事理以無遺。統宗教而無外。尤為不可思議也哉。古來註疏。代不乏人。世遠就湮。所存無幾。雲棲和尚。著為疏鈔。廣大精微。幽谿師伯。述圓中鈔。高深洪博。蓋如日月中天。有目皆睹。特以文富義繁。邊涯莫測。或致初機淺識。信願難階。故復弗揣庸愚。再述要解。不敢與二翁競異。亦不必與二翁強同也。譬如側看成峰。橫看成嶺。縱皆不盡廬山真境。要不失為各各親見廬山而已。

Nguyên phù chư Phật mẫn niệm quần mê, tùy cơ thi hóa. Tuy quy nguyên vô nhị, nhi phương tiện đa môn. Nhiên, ư nhất thiết phương tiện chi trung, cầu kỳ chí trực tiếp, chí viên đốn giả, tắc mặc nhược niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

Hựu, ư nhất thiết Niệm Phật pháp môn chi trung, cầu kỳ chí giản dị, chí ổn đáng giả, tắc mặc nhược tín nguyện chuyên trì danh hiệu. Thị cố, Tịnh Độ tam kinh tịnh hành ư thế, nhi cổ nhân độc dĩ A Di Đà Kinh liệt vi nhật khóa. Khởi phi hữu kiến ư trì danh nhất pháp, phổ bị tam căn, nhiếp Sự, Lý dĩ vô di, thống Tông, Giáo nhi vô ngoại, vu vi bất khả tư nghị dã tai!

Cổ lai chú sớ, đại bát pháp nhân. Thế viễn, tị yên, sở tồn vô kỷ! Vân Thê hòa thượng trước vi Sớ Sao, quảng đại tinh vi. U Khê sư bá thuật Viên Trung Sao, cao thâm hồng bác. Cái như nhật nguyệt trung thiên, hữu mục giai đồ. Đặc dĩ, văn phú, nghĩa phồn, biên nhai mặc trắc, hoặc trí sơ cơ thiên thức, tín nguyện nan giai.

Cổ phục phát sử dụng ngu, tái thuật Yếu Giải. Bất cảm dữ nhị ông cạnh dị, diệc bất tất dữ nhị ông cường đồng dã. Thí như trắc khán thành phong, hoành khán thành lãnh. Túng giai bất tận Lô Sơn chân cảnh, yếu bất thất vi các các thân kiến Lô Sơn nhi dĩ. Tương thích kinh văn, ngữ trùng huyền nghĩa.

Nguyên vì chư Phật nghĩ thương xót quần mê, tùy theo từng căn cơ mà lập cách hóa độ. Trở về nguồn thì chẳng hai, nhưng phương tiện có nhiều cửa. Trong hết thấy các phương tiện, cầu lấy một phương tiện thẳng chóng nhất, viên đốn nhất, thì không gì bằng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lại nữa, trong hết thấy các pháp môn Niệm Phật, cầu lấy một pháp đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa

nhất, thích đáng nhất, thì không gì bằng “tín, nguyện, chuyên trì danh hiệu”. Vì thế, ba kinh Tịnh Độ cùng được lưu hành trong cõi đời, nhưng cổ nhân lại xếp riêng kinh A Di Đà vào khóa tụng thường ngày, há chẳng phải là vì thấy pháp Trì Danh thích hợp trọn khắp ba căn, thâm nhiếp Sự lẫn Lý chẳng sót, bao trùm Tông lẫn Giáo chẳng thừa, thật là chẳng thể nghĩ bàn đó ư?

Từ xưa đến nay, không đời nào thiếu người chú sớ kinh này, nhưng thời đại đã lâu, khiến những bản văn ấy bị mất mát, chẳng còn lại được mấy. Hòa thượng Vân Thê trước tác bộ Sớ Sao, rộng lớn, tinh vi. Sư bá U Khê soạn cuốn Viên Trung Sao, cao sâu, mệnh mông, bát ngát. Giống hệt như mặt trời, mặt trăng giữa trời, kẻ nào có mắt đều trông thấy, nhưng vì văn nhiều, nghĩa lắm, khó lòng được bến bờ; chắc sẽ đến nỗi khiến cho kẻ sơ cơ, kém hiểu biết, khó thành tựu tín nguyện. Vì thế, tôi chẳng nề hà chính mình tầm thường, ngu muội, lại viết cuốn Yếu Giải. Chẳng dám ganh đua cho khác với hai ông, mà cũng không nhất thiết phải gượng ép cho giống với hai vị. Ví như nhìn đọc thành ngọn, nhìn ngang thành rặng, dầu đều chẳng thể thấy trọn hết cảnh Lô Sơn, chỉ cốt sao ai nấy chẳng đánh mất cảnh Lô Sơn theo như chính mình đã thấy mà thôi! Kinh văn được giải thích theo năm tầng huyền nghĩa.



GIẢI THÍCH HUYỀN NGHĨA

THÍCH DANH

第一释名. 此经以能说所说人为名. 佛者, 此土能说之教主, 即释迦牟尼. 乘大悲愿力, 生五浊恶世. 以先觉觉後觉, 无法不知, 无法不见者也. 说者, 悦所怀也. 佛以度生为怀, 众生成佛机熟, 为说难信法, 令究竟脱, 故悦也. 阿弥陀, 所说彼土之导师, 以四十八愿, 接信愿念佛众生生极乐世界, 永阶不退者也. 梵语阿弥陀, 此云无量寿, 亦云无量光. 要之功德智慧, 神通道力, 依正庄严, 说法化度, 一一无量也. 一切金口, 通名为经. 对上五字, 是通别合为题也. 教行理三, 各论通别, 广如台藏所明.

Đệ nhất thích danh. Thử kinh dĩ năng thuyết, sở thuyết nhân vi danh. Phật giả, thử độ năng thuyết chỉ giáo chủ, tức Thích Ca Mâu Ni. Thừa đại bi nguyện lực, sanh ngũ trước ác thế, dĩ tiên giác giác hậu giác. Vô pháp bất tri, vô pháp bất kiến giả dã.

Thuyết giả, duyệt sở hoài dã. Phật dĩ độ sanh vi hoài, chúng sanh thành Phật cơ thực, vị thuyết nan tín pháp, linh cứu cánh thoát, cố duyệt dã.

A Di Đà, sở thuyết bỉ độ chỉ đạo sư. Dĩ tứ thập bát nguyện, tiếp tín nguyện niệm Phật chúng sanh, sanh Cực Lạc thế giới, vĩnh giai bất thoái giả dã. Phạn ngữ A Di Đà, thử vân Vô Lượng Thọ, diệc vân Vô Lượng Quang.

Yếu chỉ, công đức, trí huệ, thần thông, đạo lực, y chánh, trang nghiêm, thuyết pháp, hóa độ, nhất nhất vô lượng dã. Nhất thiết kim khẩu, thông danh vi Kinh. Đối thượng ngũ tự, thị thông biệt hiệp vi đề dã. Giáo, Hạnh, Lý tam, các luận thông biệt. Quảng như Thai tạng sở minh.

Thứ nhất là giải thích tên kinh. Kinh này dùng người nói và người được nói để đặt tên. Phật là đức giáo chủ nói kinh trong cõi này, tức Thích Ca Mâu Ni Phật. Do đại bi nguyện lực, sanh trong đời ác ngũ trước, dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác, không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng thấy.

Thuyết là thỏa lòng mong mỏi. Phật mang chí nguyện độ sanh, căn cơ thành Phật của chúng sanh đã chín muồi, bèn giảng cho họ biết pháp khó tin, khiến họ được giải thoát rốt ráo, cho nên Phật vui sướng.

A Di Đà, là đấng đạo sư của cõi đang được nói đến. Ngài dùng bốn mươi tám nguyện tiếp độ chúng sanh tín nguyện niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc,

vĩnh viễn đạt đến địa vị Bất Thoái. Tiếng Phạn là A Di Đà, cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang.

Nói tới những điểm trọng yếu thì công đức, trí huệ, thần thông đạo lực, sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, thuyết pháp, hóa độ, mỗi mỗi đều vô lượng. Hết thảy những gì do kim khẩu [của đức Phật] nói ra đều gọi chung là Kinh. Chữ Kinh đem phối hợp với năm chữ trước (*tức Phật Thuyết A Di Đà*) là đem ghép cả Thông lẫn Biệt¹ thành tựa đề kinh. Ba món Giáo, Hạnh, Lý mỗi thứ đều luận định Thông và Biệt, giảng giải chi tiết thì như trong kinh sách của tông Thiên Thai đã giảng.

BIỆN THỂ

第二辨体. 大乘经皆以实相为正体. 吾人现前一念心性, 不在内, 不在外, 不在中间. 非过去, 非现在, 非未来. 非青黄赤白, 长短方圆. 非香, 非味, 非触, 非法. 觅之了不可得, 而不可言其无. 具造百界千如, 而不可言其有. 离一切缘虑分别, 语言文字相. 而缘虑分别, 语言文字, 非离此别有自性. 要之离一切相, 即一切法. 离故无相, 即故无不相, 不得已强名实相. 实相之体, 非寂非照, 而复寂而恒照, 照而恒寂. 照而寂, 强名常寂光土. 寂而照, 强名清净法身. 又照寂强名法身, 寂照强名报身. 又性德寂照名法身, 修德寂照名报身. 又修德照寂名受用身, 修德寂照名应化身. 寂照不二, 身土不二, 性修不二, 真应不二, 无非实相. 实相无二, 亦无不二. 是故举体作依作正, 作法作报, 作自作他. 乃至能说所说, 能度所度, 能信所信, 能愿所愿, 能持所持, 能生所生, 能赞所赞, 无非实相正印之所印也.

Đệ nhị, biện Thể. Đại Thừa kinh giai dĩ Thật Tướng vi chánh thể. Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tánh, bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian, phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai, phi thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên, phi hương, phi vị, phi xúc, phi pháp, mịch chi liễu bất khả đắc, nhi bất khả ngôn kỳ vô. Cụ tạo bách giới thiên như, nhi bất khả ngôn kỳ hữu. Lý nhất thiết duyên lực, phân biệt, ngữ ngôn văn tự tướng, nhi duyên lực, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự, phi ly thủ, biệt hữu tự tánh.

¹ Thông thường, các vị cổ đức chú giải thường chia tên gọi của một bộ kinh ra làm hai phần: Thông Đề và Biệt Đề. Thông Đề là tên chung của các kinh (*chỉ gồm một chữ Kinh*), và Biệt Đề là tên riêng của kinh đó. Chẳng hạn, Phật Thuyết A Di Đà Kinh thì Kinh là Thông Đề, còn Biệt Đề là Phật Thuyết A Di Đà.

Yếu chi, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly cố, vô tướng. Tức cố, vô bất tướng. Bất đắc dĩ, cường danh Thật Tướng. Thật Tướng chi Thể, phi tịch, phi chiếu, nhi phục tịch, nhi hằng chiếu, chiếu nhi hằng tịch. Chiếu nhi tịch, cường danh Thường Tịch Quang độ. Tịch nhi chiếu, cường danh Thanh Tịnh Pháp Thân. Hựu, chiếu tịch, cường danh Pháp Thân. Tịch chiếu, cường danh Báo Thân. Hựu, tánh đức tịch chiếu, danh Pháp Thân. Tu đức chiếu tịch, danh Báo Thân.

Hựu tu đức chiếu tịch, danh Thụ Dụng Thân. Tu đức tịch chiếu, danh Ứng Hóa Thân. Tịch chiếu bất nhị, thân độ bất nhị. Tánh tu bất nhị, chân ứng bất nhị, vô phi Thật Tướng. Thật Tướng vô nhị, diệt vô bất nhị. Thị cố, cử Thể tác y, tác chánh, tác pháp, tác báo, tác tự, tác tha. Nãi chí năng thuyết, sở thuyết, năng độ, sở độ, năng tín, sở tín, năng nguyện, sở nguyện, năng trì, sở trì, năng sanh, sở sanh, năng tán, sở tán, vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã.

Thứ hai, biện định cái Thể. Các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Chánh Thể. Một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là hiện tại, chẳng phải là tương lai, chẳng phải là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải Hương, chẳng phải Vị, chẳng phải Xúc, chẳng phải Pháp. Tìm thì trọn chẳng thể được, nhưng chẳng thể nói là Không. Tạo đầy đủ bách giới thiên như, nhưng chẳng thể nói là Có. Là hết thấy duyên lực², phân biệt và tướng ngôn ngữ, văn tự, nhưng duyên lực, phân biệt và tướng ngôn ngữ, văn tự chẳng là khỏi điều này mà có tự tánh riêng biệt.

Nói tóm gọn thì là hết thấy tướng chính là hết thấy pháp. Do “là” nên không có tướng, do “chính là” nên chẳng phải là không có tướng. Bất đắc dĩ, cường gọi là Thật Tướng. Thể của Thật Tướng chẳng Tịch, chẳng Chiếu, nhưng lại Tịch và luôn luôn Chiếu, tuy Chiếu nhưng luôn Tịch. Tuy Chiếu mà vẫn Tịch nên cường gọi là Thường Tịch Quang Độ. Tuy Tịch nhưng vẫn Chiếu, nên cường gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân. Lại nữa, do Chiếu mà Tịch nên cường gọi là Pháp Thân. Tuy Tịch nhưng lại Chiếu nên cường gọi là Báo Thân. Hơn nữa, do Tánh Đức tuy Tịch mà Chiếu nên gọi là Pháp Thân.

Do Tu Đức tuy Chiếu mà Tịch nên gọi là Báo Thân. Lại nữa, Tu Đức tuy Chiếu nhưng vẫn Tịch nên gọi là Thụ Dụng Thân, Tu Đức tuy Tịch nhưng có thể

² **Duyên lực:** Gọi đủ là “tâm duyên niệm lực”. Đây là từ ngữ diễn tả sự phân biệt, chấp trước của thức thứ sáu. Do tâm (vọng tâm) tiếp xúc (duyên) trần cảnh (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp), khởi lên suy nghĩ, so đo, tính toán, yêu ghét v.v... Những ý niệm đó đều gọi chung là “tâm duyên niệm lực”.

Chiếu nên gọi là Ứng Hóa Thân. Tịch và Chiếu chẳng hai, thân và cõi nước chẳng hai, Tánh và Tu không hai, Chân và Ứng không hai, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Thật Tướng không hai, mà cũng chẳng không hai. Vì thế, toàn bộ cái Thể có thể làm thành y báo, làm thành chánh báo, tạo thành Pháp Thân, tạo thành Báo Thân, tạo thành Tự, tạo thành Tha, cho đến người nói, đối tượng được nói, người hóa độ, kẻ được hóa độ, người tin, pháp được tin, người phát nguyện, điều được phát nguyện, người trì, pháp được trì, người sanh về, cõi để sanh về, người khen ngợi, đối tượng được khen ngợi, không gì chẳng được Thật Tướng Chánh Ấn in vào.

MINH TÔNG

第二辨体. 大乘经皆以实相为正体. 吾人现前一念心性, 不在内, 不在外, 不在中间. 非过去, 非现在, 非未来. 非青黄赤白, 长短方圆. 非香, 非味, 非触, 非法. 觅之了不可得, 而不可言其无. 具造百界千如, 而不可言其有. 离一切缘虑分别, 语言文字相. 而缘虑分别, 语言文字, 非离此别有自性. 要之离一切相, 即一切法. 离故无相, 即故无不相, 不得已强名实相. 实相之体, 非寂非照, 而复寂而恒照, 照而恒寂. 照而寂, 强名常寂光土. 寂而照, 强名清净法身. 又照寂强名法身, 寂照强名报身. 又性德寂照名法身, 修德寂照名报身. 又修德照寂名受用身, 修德寂照名应化身. 寂照不二, 身土不二, 性修不二, 真应不二, 无非实相. 实相无二, 亦无不二. 是故举体作依作正, 作法作报, 作自作他. 乃至能说所说, 能度所度, 能信所信, 能愿所愿, 能持所持, 能生所生, 能赞所赞, 无非实相正印之所印也.

第三明宗. 宗是修行要径, 会体枢机, 而万行之纲领也. 提纲则众目张, 挈领则襟袖至. 故体後应须辨宗. 此经以信愿持名为修行之宗要. 非信不足启愿, 非愿不足导行, 非持名妙行不足满所愿而证所信. 经中先陈依正以生信, 次劝发愿以导行, 次示持名以径登不退. 信则信自, 信他, 信因, 信果, 信事, 信理. 愿则厌离娑婆, 欣求极乐. 行则执持名号, 一心不乱. 信自者, 信我现前一念之心, 本非肉团, 亦非缘影; 竖无初後, 横绝边涯; 终日随缘, 终日不变. 十方虚空微尘国土, 元我一念心中所现物. 我虽昏迷倒惑, 苟一念回心, 决定得生自心本具极乐, 更无疑虑. 是名信自. 信他者, 信释迦如来决无诳语, 弥陀世尊决无虚愿, 六方诸佛广长舌决无二言. 随顺诸佛真实教诲, 决志求生, 更无疑惑. 是名信他. 信因者, 深信散乱称名, 犹为成佛种子, 况一心不乱, 安得不生净土. 是名信因. 信果者, 深信净土, 诸善聚会, 皆从念佛三昧得生, 如种

瓜得瓜, 种豆得豆, 亦如影必随形, 响必应声, 决无虚弃. 是名信果. 信事者, 深信只今现前一念不可尽故, 依心所现十方世界亦不可尽. 实有极乐国在十万亿土外, 最极清净庄严, 不同庄生寓言. 是名信事. 信理者, 深信十万亿土, 实不出我今现前介尔一念心外, 以吾现前一念心性实无外故. 又深信西方依正主伴, 皆吾现前一念心中所现影. 全事即理, 全妄即真, 全修即性, 全他即自. 我心遍故, 佛心亦遍, 一切众生心性亦遍. 譬如一室千灯, 光光互遍, 重重交摄, 不相妨碍. 是名信理. 如此信已, 则娑婆即自心所感之秽, 而自心秽, 理应厌离. 极乐即自心所感之净, 而自心净, 理应欣求. 厌秽须舍至究竟, 方无可舍. 欣净须取至究竟, 方无可取. 故《妙宗》云: 取舍若极, 与不取舍亦非异辙. 设不从事取舍, 但尚不取不舍, 即是执理废事. 既废於事, 理亦不圆. 若达全事即理, 则取亦即理, 舍亦即理. 一取一舍, 无非法界. 故次信而明愿也. 言执持名号一心不乱者, 名以召德, 德不可思议, 故名号亦不可思议. 名号功德不可思议, 故使散称为佛种, 执持登不退也. 然诸经示净土行, 万别千差. 如观像, 观想, 礼拜供养, 五悔六念等, 一一行成, 皆生净土. 唯持名一法, 收机最广, 下手最易. 故释迦慈尊, 无问自说, 特向大智舍利弗拈出, 可谓方便中第一方便, 了义中无上了义, 圆顿中最极圆顿. 故云: 清珠投于浊水, 浊水不得不清; 佛号投於乱心, 乱心不得不佛也. 信愿持名, 以为一乘真因. 四种净土, 以为一乘妙果. 举因则果必随之, 故以信愿持名为经正宗. 其四种净土之相, 详在《妙宗钞》, 及《梵网玄义》, 兹不具述. 俟後释依正文中, 当略示耳.

Đệ tam, minh Tông. Tông thị tu hành yếu kính, hội Thể xu cơ, nhi vạn hạnh chi cương lĩnh dã. Đề cương, tặc chúng mục trương; khiết lãnh, tặc khâm tự chỉ. Cố Thể hậu, ưng tu biện Tông.

Thử kinh dĩ “tín nguyện trì danh” vi tu hành chi tông yếu. Phi Tín, bất túc khai Nguyện. Phi Nguyện, bất túc đạo Hạnh. Phi trì danh diệu hạnh, bất túc mãn sở nguyện, nhi chứng sở tín.

Kinh trung, tiên trần y chánh dĩ sanh Tín. Thứ khuyến phát nguyện dĩ đạo Hạnh. Thứ thị trì danh dĩ kính đặng Bất Thoái. Tín tặc tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý. Nguyện tặc yếm ly Sa Bà, hân cầu Cực Lạc. Hạnh tặc chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.

Tín Tự giả, tín ngã hiện tiền nhất niệm chi tâm, bốn phi nhục đoàn, diệt phi duyên ảnh. Thụ vô sở hậu, hoành tuyệt biên nhai. Chung nhật tùy duyên, chung nhật bất biến. Thập phương hư không vi trần quốc độ, nguyên ngã nhất niệm tâm

trung sở hiện vật. Ngã tuy hôn mê, đảo hoặc, cầu nhất niệm hồi tâm, quyết định đắc sanh tự tâm bốn cụ Cực Lạc, cánh vô nghi lự. Thị danh Tín Tự.

Tín Tha giả, tín Thích Ca Như Lai quyết vô cuống ngữ, Di Đà Thế Tôn quyết vô hư nguyện, lục phương chư Phật quảng trường thiết, quyết vô nhị ngôn. Tùy thuận chư Phật chân thật giáo hối, quyết chí cầu sanh, cánh vô nghi hoặc. Thị danh Tín Tha.

Tín Nhân giả, thâm tín tán loạn xưng danh, do vì thành Phật chủng tử, hướng nhất tâm bất loạn, an đắc bất sanh Tịnh Độ? Thị danh Tín Nhân.

Tín Quả giả, thâm tín Tịnh Độ, chư thiện tụ hội, giai từng Niệm Phật tam-muội đắc sanh, như chúng qua đắc qua, chúng đậu đắc đậu. Diệc như ảnh tất tùy hình, hưởng tất ứng thanh, quyết vô hư khí. Thị danh Tín Quả.

Tín Sự giả, thâm tín chỉ kim hiện tiền nhất niệm bất khả tận cố. Y tâm sở hiện thập phương thế giới, diệc bất khả tận. Thật hữu Cực Lạc quốc tại thập vạn ức độ ngoại, tối cực thanh tịnh trang nghiêm, bất đồng Trang Sinh ngụ ngôn. Thị danh Tín Sự.

Tín Lý giả, thâm tín thập vạn ức độ, thật bất xuất ngã kim hiện tiền giới nhĩ nhất niệm tâm ngoại. Dĩ ngô hiện tiền nhất niệm tâm tánh thật vô ngoại cố. Hựu thâm tín Tây Phương y, chánh, chủ, bạn, giai ngô hiện tiền nhất niệm tâm trung sở hiện ảnh. Toàn Sự tức Lý, toàn vọng tức chân, toàn Tu tức Tánh, toàn Tha tức Tự. Ngã tâm biến cố, Phật tâm diệc biến. Nhất thiết chúng sanh tâm tánh diệc biến. Thí như nhất thất thiên đặng, quang quang hồ biến, trùng trùng giao nhiếp, bất tương phương ngại. Thị danh Tín Lý.

Như thử tín dĩ, tắc Sa Bà tức tự tâm sở cảm chi ứ, nhi tự tâm ứ, lý ưng yếm ly. Cực Lạc tức tự tâm sở cảm chi tịnh, nhi tự tâm tịnh, lý ưng hân cầu. Yếm ứ, tu xả chí cứu cánh, phương vô khả xả. Hân tịnh, tu thủ chí cứu cánh, phương vô khả thủ. Cố Diệu Tông vân: “Thủ xả nhược cực, dữ bất thủ xả diệc phi dị triệt”. Thiết bất từng Sự thủ xả, đản thượng bất thủ bất xả, tức thị chấp Lý phế Sự. Ký phế ư Sự, Lý diệc bất viên. Nhược đạt toàn Sự tức Lý, tắc thủ diệc tức Lý, xả diệc tức Lý. Nhất thủ, nhất xả, vô phi pháp giới. Cố thứ Tín nhi minh Nguyên dã.

Ngôn chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn giả. Danh dĩ triệu đức. Đức bất khả tư nghị cố, danh hiệu diệc bất khả tư nghị. Danh hiệu công đức bất khả tư nghị cố, sử tán xưng vi Phật chủng, chấp trì đặng Bất Thoái dã. Nhiên chư kinh thị Tịnh Độ hạnh, vạn biệt thiên sai. Như Quán Tượng, Quán Tướng, Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối, Lục Niệm đặng; nhất nhất hạnh thành, giai sanh

Tịnh Độ. Duy Trì Danh nhất pháp, thân cơ tối quảng, hạ thủ tối dị. Cổ Thích Ca từ tôn vô vấn tự thuyết, đặc hướng Đại Trí Xá Lợi Phất niệm xuất.

Khả vị phương tiện trung đệ nhất phương tiện, liễu nghĩa trung vô thượng liễu nghĩa, viên đốn trung tối cực viên đốn. Cổ vân: “Thanh châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh. Phật hiệu đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật dã”.

Tín nguyện trì danh, dĩ vi Nhất Thừa chân nhân. Tứ chủng Tịnh Độ, dĩ vi Nhất Thừa diệu quả. Cử nhân, tắc quả tất tùy chi. Cổ dĩ “tín nguyện trì danh” vi kinh chánh tông. Kỳ tứ chủng Tịnh Độ chi tướng, tường tại Diệu Tông Sao, cập Phạm Võng Huyền Nghĩa, tư bất cụ thuật. Sĩ hậu, thích y chánh văn trung, đương lược thị nhĩ.

Thứ ba là nêu rõ Tông. Tông là con đường trọng yếu để tu hành, là mấu chốt để thấu hiểu Thể, là cương lĩnh của muôn hạnh. Giờ cái lưới lên thì các mắt lưới đều căng ra, nắm cổ áo thì tay áo xuôi theo. Vì thế, sau phần Thể, cần phải biện định Tông.

Kinh này lấy Tín Nguyện Trì Danh làm tông yếu tu hành. Nếu không có Tín, sẽ chẳng đủ để khơi gọi Nguyện. Không có Nguyện, sẽ chẳng đủ để hướng dẫn Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh, chẳng đủ để thỏa mãn Nguyện, hòng chứng thực Tín.

Trong kinh, trước hết nêu bày y báo, chánh báo để sanh lòng tin. Kế đó là khuyên phát nguyện để hướng dẫn Hạnh, tiếp đến là dạy Trì Danh hòng mau đạt lên Bất Thoái. Tín là tín Tự, tín Tha, tín Nhân, tín Quả, tín Sự, tín Lý. Nguyện thì chán lìa Sa Bà, vui ưa Cực Lạc. Hạnh thì chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.

Tín Tự là tin cái tâm một niệm hiện tiền của ta vốn chẳng phải là quả tim thịt, cũng chẳng phải là duyên ảnh (*bóng dáng của các duyên*), theo chiều dọc thì chẳng có trước sau, theo chiều ngang thì trọn không ngăn mé. Suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến. Các cõi nước trong mười phương hư không số nhiều như vi trần vốn chỉ là vật được biến hiện trong một niệm tâm của ta. Ta tuy hôn mê, điên đảo, mê hoặc, nhưng nếu một niệm hồi tâm sẽ quyết định được sanh về cõi Cực Lạc sẵn có trong tự tâm, chẳng còn ngờ vực gì. Đây gọi là Tín Tự (*tin vào chính mình*).

Tín Tha là tin Thích Ca Như Lai quyết chẳng nói dối. Di Đà Thế Tôn quyết chẳng nguyện sông. Tướng lưới rộng dài của sáu phương chư Phật quyết chẳng

nói hai lời. Tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, chẳng còn ngờ vực gì, đây gọi là Tín Tha (*tin vào người khác*).

Tín Nhân là tin tưởng sâu xa, tâm tán loạn xưng danh vẫn còn tạo nên hạt giống thành Phật [trong tương lai], hướng hồ nhất tâm bất loạn, lẽ nào chẳng được sanh về Tịnh Độ? Đây gọi là Tín Nhân (*tin vào Nhân*).

Tín Quả là tin tưởng Tịnh Độ sâu xa là nơi các vị thiện nhân tụ hội, đều do Niệm Phật Tam-muội mà được vãng sanh, như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu; cũng như bóng nương theo hình, tiếng vang ứng theo âm thanh, quyết chẳng luống uổng. Đó gọi là Tín Quả (*tin vào quả*).

Tín Sự là tin tưởng sâu xa, chỉ một niệm hiện tiền trong hiện tại đã chẳng thể cùng tận, nên mười phương thế giới do tâm biến hiện cũng chẳng thể cùng tận. Quả thật có cõi Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, thanh tịnh, trang nghiêm tột bậc, chẳng giống như chuyện ngụ ngôn của Trang Sinh (*Trang Tử*). Đó gọi là Tín Sự (*tin vào Sự*).

Tín Lý là tin tưởng sâu xa mười vạn ức cõi thật sự chẳng ngoài một tâm niệm nhỏ nhoi của ta trong hiện tiền, bởi một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta quả thật chẳng có gì ra ngoài nó được. Lại tin sâu xa rằng Y Báo, Chánh Báo, chủ, bạn trong cõi Tây Phương đều là bóng dáng hiện trong một niệm tâm hiện tiền của ta. Toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể Vọng chính là Chân, toàn thể Tu chính là Tánh, toàn thể Tha chính là Tự. Do tâm ta trọn khắp, tâm Phật cũng trọn khắp, mà tâm tánh của tất cả chúng sanh cũng trọn khắp. Ví như một ngàn ngọn đèn thấp trong một căn phòng, ánh sáng đan xen trọn khắp, trùng trùng giao thoa với nhau, giao thoa với nhau hề ngăn ngại. Đây gọi là Tín Lý (*tin vào Lý*).

Đã tin như thế rồi thì Ta Ba chính là nhờ uế do chính tâm mình cảm thành, đối với sự nhờ uế trong tự tâm, theo đúng lý phải nên chán lìa. Cực Lạc chính là sự thanh tịnh do tự tâm cảm vơi, đối với sự thanh tịnh trong tự tâm, theo đúng lý phải nên ưa cầu. Chán uế thì phải bỏ đến rốt ráo, mới không còn có gì để bỏ được nữa. Ưa tịnh thì phải giữ lấy đến mức rốt ráo thì mới không còn gì để giữ lấy nữa.

Vì thế, sách Quán Kinh Diệu Tông Sao có câu: “*Nếu lấy và bỏ đến mức cùng cực thì sẽ hoàn toàn không khác gì chẳng lấy, chẳng bỏ*”. Nếu chẳng dựa trên mặt Sự để lấy, bỏ; chỉ chuộng “*chẳng lấy, chẳng bỏ*” thì chính là chấp Lý phệ Sự. Đã phệ Sự thì Lý cũng chẳng trọn vẹn. Nếu thấu hiểu toàn thể Sự chính là Lý thì lấy cũng chính là Lý, mà bỏ cũng chính là Lý. Một lấy, một bỏ, không gì chẳng phải là pháp giới. Vì thế, sau Tín phải nói rõ về Nguyên.

Nguyện chính là “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”. Danh để triệu vời đức. Do đức chẳng thể nghĩ bàn, nên danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, nên khiến cho tâm tán loạn xung danh vẫn tạo thành hạt giống Phật, hề chấp trì danh hiệu bèn đạt Bất Thoái. Nhưng các kinh dạy hạnh Tịnh Độ muôn ngàn sai khác, như Quán Tượng, Quán Tướng, Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối, Lục Niệm, v.v... Mỗi một hạnh thành tựu thì đều sanh về Tịnh Độ. Chỉ có pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rộng nhất, thực hiện dễ dàng nhất, nên Thích Ca Từ Tôn chẳng ai hỏi mà tự nói, đặc biệt hướng đến Đại Trí Xá Lợi Phất nêu bày.

Pháp Trì Danh đáng gọi là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, là vô thượng liễu nghĩa trong các liễu nghĩa, là viên đốn tối cực trong các pháp viên đốn. Vì thế nói: *“Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; Phật hiệu gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không trở thành tâm Phật”*.

Tín nguyện trì danh là cái nhân chân thật của Nhất Thừa, là chánh tông của kinh. Tướng trạng của bốn cõi Tịnh Độ đã được giảng tường tận trong bộ Diệu Tông Sao và Phạm Võng Huyền Nghĩa. Ở đây, tôi không trình bày cặn kẽ, đợi đến đoạn sau, trong phần giải thích kinh văn sẽ trình bày đại lược.

MINH LỰC DỤNG

第四明力用。此经以往生不退为力用。往生有四土，各论九品。且略明得生四土之相：若执持名号，未断见思，随其或散或定，於同居土分三辈九品；若持至事一心不乱，见思任运先落，则生方便有余净土；若至理一心不乱，豁破无明一品，乃至四十一品，则生实报庄严净土，亦分证常寂光土；若无明断尽，则是上上实报，究竟寂光也。不退有四义：一念不退。破无明，显佛性，径生实报，分证寂光。二行不退。见思既落，尘沙亦破，生方便土，进趋极果。三位不退。带业往生，在同居土，莲华托质，永离退缘。四毕竟不退。不论至心散心，有心无心，或解不解，但弥陀名号，或六方佛名，此经名字，一经於耳，假使千万劫後，毕竟因斯度脱。如闻涂毒鼓，远近皆丧，食少金刚，决定不消也。复次只带业生同居净证位不退者，皆与补处俱，亦皆一生必补佛位。夫上善一处，是生同居，即已横生上三土，一生补佛。是位不退，即已圆证三不退。如斯力用，乃千经万论所未曾有。较彼顿悟正因，仅为出尘阶渐，生生不退，始可期於佛阶者，不可同日语矣。宗教之士，如何勿思。

Đệ tứ, minh lực dụng. Thử kinh dĩ “vãng sanh bất thoái” vì lực dụng. Vãng sanh hữu tứ độ, các luận cửu phẩm. Thả lược minh đắc sanh tứ độ chi tướng.

Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn Kiến Tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, ư Đồng Cư độ phân tam bối cửu phẩm.

Nhược trì chí Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Tư nhậm vận tiên lạc, tắc sanh Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ.

Nhược chí Lý nhất tâm bất loạn, khoát phá vô minh nhất phẩm, nãi chí tứ thập nhất phẩm, tắc sanh Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ, diệc phân chứng Thường Tịch Quang độ.

Nhược vô minh đoạn tận, tắc thị thượng thượng Thật Báo, cứu cánh Tịch Quang dã.

Bất Thoái hữu tứ nghĩa, nhất Niệm Bất Thoái, phá vô minh, hiển Phật tánh, kính sanh Thật Báo, phân chứng Tịch Quang.

Nhị Hạnh Bất Thoái, Kiến Tư ký lạc, Trần Sa diệc phá, sanh Phương Tiện độ, tiến xu cực quả.

Tam Vị Bất Thoái, đời nghiệp vãng sanh, tại Đồng Cư độ, liên hoa thác chất, vĩnh ly thoái duyên.

Tứ Tắt Cánh Bất Thoái, bất luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc giải, bất giải, đản Di Đà danh hiệu, hoặc lục phương Phật danh, thử kinh danh tự nhất kinh ư nhĩ, giả sử thiên vạn kiếp hậu, tắt cánh nhân tư độ thoát. Như văn đồ độc cổ, viễn cận giai táng. Thực thiếu kim cang, quyết định bất tiêu dã.

Phục thứ, chỉ đời nghiệp sanh Đồng Cư tịnh, chứng Vị Bất Thoái giả, giai dữ Bồ Xứ câu, diệc giai nhất sanh tất bổ Phật vị. Phù thượng thiện nhất xứ, thị sanh Đồng Cư. Tức dĩ hoành sanh thượng tam độ, nhất sanh bổ Phật.

Thị Vị Bất Thoái. Tức dĩ viên chứng Tam Bất Thoái. Như tư lực dụng, nãi thiên kinh vạn luận sở vị tăng hữu. Giáo bỉ đốn ngộ chánh nhân, cần vi xuất trần giai tiệm. Sanh sanh bất thoái, thủy khả kỳ ư Phật giai giả, bất khả đồng nhất ngữ hỹ. Tông giáo chi sĩ, như hà vật tư.

Thứ tư, nói về lực dụng. Kinh này lấy “vãng sanh bất thoái” làm lực dụng. Vãng sanh có bốn cõi, trong mỗi cõi đều luận định chín phẩm, nên bèn giảng đại lược về tướng trạng của bốn cõi.

Nếu chấp trì danh hiệu mà chưa đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tùy theo

tán tâm hay định tâm, sẽ sanh vào cõi Đồng Cư, chia ra thành ba bậc, chín phẩm.

Nếu trì đến mức Sự nhất tâm bất loạn, giữa Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tùy ý đoạn trước một thứ, sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ.

Nếu trì đến mức Lý nhất tâm bất loạn, phá rỗng toang từ một phẩm vô minh cho đến bốn mươi một phẩm vô minh, sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ và cũng chứng một phần cõi Thường Tịch Quang.

Nếu đoạn sạch vô minh, sẽ là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang.

Bất Thoái có bốn nghĩa:

1. Niệm Bất Thoái: Phá vô minh, hiển Phật tánh, mau chóng sanh về cõi Thật Báo, chứng một phần cõi Tịch Quang.

2. Hạnh Bất Thoái: Đã trừ được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, cũng phá được Trần Sa Hoặc, sanh về cõi Phương Tiện, tiến hướng Cực Quả.

3. Vị Bất Thoái: Đối nghiệp vãng sanh, ở trong cõi Đồng Cư, gởi thân nơi hoa sen, vĩnh viễn lìa khỏi duyên thoái thất.

4. Tất Cánh Bất Thoái: chẳng cần biết là chí tâm hay tán tâm, hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu; chỉ cần danh hiệu Di Đà, hoặc danh hiệu của chư Phật trong sáu phương và tên gọi kinh này, vừa nghe thoảng qua tai, giả sử ngàn vạn kiếp sau, rốt ráo sẽ do điều này mà được độ thoát. Như nghe tiếng cái trống có bôi chất độc, xa hay gần đều bị chết. Ăn một chút kim cang, quyết định mãi chẳng tiêu.

Hơn nữa, những người chỉ cần đối nghiệp vãng sanh Đồng Cư Tịnh Độ, chứng Vị Bất Thoái, đều cùng ở chung với các vị Bồ Xứ, cũng sẽ đều trong một đời ắt dự vào địa vị Bồ Xứ làm Phật. Phàm ở chung với các bậc thượng thiện, tức là sanh vào cõi Đồng Cư thì là đã sanh ngang sang ba cõi trên, trong một đời được bồ xứ thành Phật.

Đây là [hể dự vào] Vị Bất Thoái thì là đã chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Lực dụng như vậy chính là điều chưa hề có trong ngàn kinh vạn luận. So với những chánh nhân đốn ngộ khác thì chúng đều chỉ là thoát khỏi cõi trần dần dần theo thứ tự, phải đời đời bất thoái thì mới có thể mong thành Phật được. Dẫu nói suốt ngày cũng chẳng thể nói trọn hết [lực dụng của kinh này]. Những bậc tu hành bên Tông, bên Giáo có sao lại chẳng suy nghĩ?

MINH GIÁO TƯỚNG

第五教相. 此大乘菩薩藏攝. 又是无問自說, 徹底大慈之所加持, 能令末法多障有情, 依斯徑登不退. 故當來經法滅盡, 特留此經住世百年, 廣度含識. 阿伽陀藥, 萬病總持, 絕待圓融, 不可思議. 華嚴奧藏, 法華秘髓, 一切諸佛之心要, 菩薩萬行之司南, 皆不出於此矣. 欲廣叹述, 窮劫莫盡, 智者自當知之.

Đệ ngũ, giáo tướng. Thử Đại Thừa Bồ Tát Tạng nhiếp. Hựu thị vô vấn tự thuyết, triệt để đại từ chi sở gia trì, năng linh Mạt Pháp đa chương hữu tình, y tư kinh đẳng Bất Thoái. Cố đương lai kinh pháp diệt tận, đặc lưu thử kinh trụ thế bách niên, quảng độ hàm thức. A Già Đà dược, vạn bệnh tổng trì, tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị.

Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy, nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi tư nam, giai bất xuất ư thử hỷ.

Dục quảng thán thuật, cùng kiếp mạc tận. Trí giả tự đương tri chi.

Thứ năm là giáo tướng. Kinh này thuộc về Đại Thừa Bồ Tát Tạng. Lại là kinh không ai hỏi mà Phật tự nói, được lòng đại từ triệt để gia trì, có thể khiến cho hữu tình lăm chương trong đời Mạt Pháp nương vào kinh này sẽ mau chóng chứng Bất Thoái. Vì thế, trong tương lai khi kinh pháp diệt sạch, riêng lưu lại kinh này một trăm năm trong cõi đời để rộng độ hàm thức³.

Thuộc A Già Đà trị chung muôn bệnh, dứt bất đối đãi⁴ một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn.

Tạng sâu màu của kinh Hoa Nghiêm, cốt tủy bí mật của Pháp Hoa, tâm yếu của tất cả chư Phật, là kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát, đều chẳng ra ngoài kinh này.

Muốn khen ngợi, nêu bày rộng rãi thì dù hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn, người trí hãy nên tự biết lấy.



³ **Hàm thức** (Sattva): Còn dịch là Tát Đỏa, Hữu Tình, Hàm Linh, Hàm Sanh, Bẩm Thức, hoặc Chúng Sanh, tức là hết thấy những sinh vật có tâm thức. Từ ngữ này thường được dùng chỉ cho hết thấy chúng sanh trong lục đạo.

⁴ Trong chữ “tuyệt đãi”, đãi là “đối đãi”, tức là thấy có hai bên, có tương đối. Hễ thấy Có thì phải thấy Không, thấy Khổ thì sẽ thấy Lạc. “Đối đãi” còn được gọi bằng danh xưng “nhị biên”. Gọi là tuyệt đãi viên dung vì không còn thấy có nhị biên, nhưng cũng chẳng thấy là chính mình không thấy còn có đối đãi.

GIẢI THÍCH CHÁNH KINH

入文分三. 初序分. 二正宗分. 三流通分. 此三名初善. 中善. 後善. 序如首. 五官具存. 正宗如身. 腑臟無闕. 流通如手足. 運行不滯. 故智者釋法華. 初一品皆為序. 後十一品半. 皆為流通. 又一時跡本二門. 各分三段. 則法師等五品. 皆為跡門流通. 蓋序必提一經之綱. 流通則法施不壅. 關係非小. 後人不達. 見經文稍涉義理. 便判入正宗. 致序及流通. 僅存故套. 安所稱初語亦善. 後語亦善也哉.

Nhập văn phân tam: Sơ Tự Phần, nhị Chánh Tông Phần, tam Lưu Thông Phần. Thử tam danh Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện.

Tự như thủ, ngũ quan cụ tồn. Chánh Tông như thân, phủ tạng vô khuyết. Lưu Thông như thủ túc, vận hành bất trệ. Cố, Trí Giả thích Pháp Hoa, sơ nhất phẩm giai vì Tự, hậu thập nhất phẩm bán, giai vì Lưu Thông. Hựu nhất thời Tích Bốn nhị môn, các phân tam đoạn, tắc Pháp Sư đẳng ngũ phẩm, giai vì Tích Môn lưu thông.

Cái Tự tất đề nhất kinh chi cương, Lưu Thông tắc pháp thí bất ứng, quan hệ phi tiểu. Hậu nhân bất đạt, kiến kinh văn sảo thiệp nghĩa lý, tiện phán nhập Chánh Tông, trí Tự cập Lưu Thông cận tồn cố sáo, an sở xưng “sơ ngữ diệc thiện, hậu ngữ diệc thiện” dã tai?

(giáp) sơ tự phân nhị: Sơ thông tự, nhị biệt tự. (ất) sơ trung nhị: Sơ tiêu pháp hội thời xử, nhị dẫn đại chúng đồng văn. (bính) kim sơ.

Bước vào phần kinh văn, chia thành ba phần: Một là Tự Phần, hai là Chánh Tông Phần, ba là Lưu Thông Phần. Ba phần này gọi là Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện.

Tự giống như đầu, ngũ quan⁵ đầy đủ. Chánh Tông như thân, tạng phủ chẳng thiếu. Lưu Thông như chân tay, đi lại không trở ngại. Vì thế, ngài Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, coi một phẩm đầu là Tự Phần, mười một phẩm cuối trong phần cuối đều thuộc Lưu Thông Phần. Lại trong một thời, chia thành hai môn Tích và Bốn, đối với mỗi môn đều chia thành ba đoạn, tức là năm phẩm như phẩm Pháp Sư v.v... đều thuộc Lưu Thông Phần của Tích Môn.

Bởi lẽ, Tự Phần ắt phải nêu lên cương lĩnh của một bộ kinh, Lưu Thông Phần chính là pháp thí không ứng tắc. Quan hệ chẳng nhỏ! Người đời sau chẳng

⁵ **Ngũ Quan:** Thông thường, Ngũ Quan được hiểu là mắt, mũi, tai, miệng, lưỡi.

thông hiểu, hễ thấy phần kinh văn nào dính dáng đôi chút nghĩa lý bèn phán định thuộc phần Chánh Tông, đến nỗi Tự Phần và Lưu Thông Phần chỉ còn là khuôn sáo cũ kỹ, đâu đáng được gọi là *“những câu nói trong phần đầu cũng tốt lành, những lời nói cuối cùng cũng tốt lành”* đó ư?

PHẦN TƯ



I. Thông tự

Chánh kinh:

如是我聞. 一時佛在舍衛國. 祇樹給孤獨園.

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thu, Cấp Cô Độc viên.

Ta nghe như thế này, một thời đức Phật tại nước Xá Vệ, trong vườn ông Cấp Cô Độc, cây của Thái Tử Kỳ Đà.

Giải:

如是, 标信顺. 我闻, 标师承. 一时, 标机感. 佛, 标教主. 舍卫等, 标说经处也. 实相妙理, 古今不变名如. 依实相理, 念佛求生净土, 决定无非曰是. 实相非我非无我, 阿难不坏假名, 故仍称我. 耳根发耳识, 亲聆圆音, 如空印空名闻. 时无实法, 以师资道合, 说听周足名一时. 自觉觉他, 觉行圆满, 人天大师名佛. 舍卫, 此云闻物, 中印度大国之名, 波斯匿王所都也. 匿王太子名只陀, 此云战胜. 匿王大臣名须达多, 此云给孤独. 给孤长者布金买太子园, 供佛及僧. 只陀感叹, 施余未布少地. 故并名只树给孤独园也.

“Như thị” tiêu tín nguyện, “ngã văn” tiêu sư thừa, “nhất thời” tiêu cơ cảm, “Phật” tiêu giáo chủ. “Xá Vệ đẳng” tiêu thuyết kinh xứ dã. Thật Tướng diệu lý cổ kim bất biến, danh Như. Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi, viết Thị. Thật Tướng phi ngã, phi vô ngã, A Nan bất hoại giả danh, cố nhưng xưng Ngã. Nhĩ Căn phát sanh nhĩ thức, thân linh viên âm, như không ẩn không, danh Văn. Thời vô thực pháp, dĩ sư tư đạo hợp, thuyết thánh châu túc, danh Nhất Thời. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nhân thiên đại sư, danh Phật.

Xá Vệ, thủ văn Văn Vật, Trung Ấn Độ đại quốc chi danh, Ba Tư Nặc vương sở đô dã. Nặc vương Thái Tử danh Kỳ Đà, thủ văn Chiến Thắng. Nặc vương đại thần danh Tu Đạt Đa, thủ văn Cấp Cô Độc. Cấp Cô trưởng giả, bố kim mãi Thái Tử viên, cúng Phật cập Tăng. Kỳ Đà cảm thán, thí dư vị bố thiếu địa. Cố tịnh danh Kỳ Thu Cấp Cô Độc viên dã.

Chữ “như thị” nêu bày tín nguyện, “ngã văn” nêu sư thừa, “nhất thời” nêu sự cơ cảm. Chữ “Phật” nói về vị giáo chủ. “Xá Vệ...” chỉ ra chỗ nói kinh. Diệu

lý Thật Tướng xưa nay chẳng biến đổi, nên gọi là Như. Nương vào lý Thật Tướng để niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng sai, thì gọi là Thị. Thật Tướng chẳng phải là ngã, chẳng phải là vô ngã, nhưng ngài A Nan chẳng bỏ giả danh nên vẫn xưng là Ngã (*ta*). Căn tai phát sanh ra nhĩ thức, đích thân nghe viên âm, giống như hư không in vào hư không, nên gọi là Văn (*nghe*). “Thời” không phải là pháp thật có, do thầy và trò đạo hợp, người nói kẻ nghe xong xuôi thì gọi là “nhất thời”. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, là bậc đại sư của người và trời thì gọi là Phật.

Xá Vệ, cõi này (*Trung Hoa*) dịch là Văn Vật, là tên một nước⁶ lớn ở Trung Ấn Độ, kinh đô của vua Ba Tư Nặc. Thái Tử của vua Ba Tư Nặc tên là Kỳ Đà, cõi này dịch là Chiến Thắng. Đại thần của vua Ba Tư Nặc tên là Tu Đạt Đa, cõi này dịch là Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc trải vàng [lót đất] để mua khu vườn của Thái Tử [hòng lập tinh xá] cúng Phật và Tăng. Kỳ Đà cảm động, than thở, bố thí chút đất còn lại chưa kịp lót vàng, nên gọi gộp chung [khu vườn ấy] là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên.

声闻居首者, 出世相故, 常随从故, 佛法赖僧传故. 菩萨居中者, 相不定故, 不常随故, 表中道义故. 天人列后者, 世间相故, 凡圣品杂故, 外护职故.

Thanh Văn cư thủ giả, xuất thế tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố. Bồ Tát cư trung giả, tướng bất định cố, bất thường tùy cố, biểu Trung Đạo nghĩa cố. Thiên nhân liệt hậu giả, thế gian tướng cố, phàm thánh phẩm tạp cố, ngoại hộ chức cố.

Thanh Văn được xếp lên đầu [trong hàng thánh chúng nghe pháp] vì mang hình tướng xuất thế, vì là những người thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để lưu truyền. Bồ Tát được xếp vào giữa, vì hình tướng bất định, vì chẳng thường theo Phật, vì nhằm biểu thị ý nghĩa Trung Đạo. Trời người được kể sau cùng, vì mang hình tướng thế gian, vì phẩm vị thánh phàm xen tạp, vì mang chức trách làm người bảo vệ bên ngoài.

Chánh kinh:

⁶ Chữ “nước” ở đây không hẳn là một quốc gia mà phải hiểu gần như là “quận quốc” tức nước phong của vua chư hầu tại Trung Hoa, hoặc các nước nhỏ ở Trung Hoa thời Xuân Thu Chiến Quốc. Xá Vệ vừa là tên của một vương triều lớn (tức vương triều Kiền Tát La - Kasi Kosala) ở Ấn Độ, vừa là tên của đô thành vương triều ấy. Tại Ấn Độ thuở ấy có nhiều vương triều tồn tại, đồng thời, lãnh thổ của mỗi vương triều ấy thường được kinh điển gọi là Quốc, và người thời ấy có thói quen thường đồng nhất tên kinh đô với tên quốc gia. Do vậy, chữ “Xá Vệ Quốc” ở đây nếu nói tỉ mỉ thì là kinh thành Xá Vệ của vương quốc Xá Vệ.

與大比丘僧. 千二百五十人俱.

Dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

Cùng với các vị đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp.

Giải:

大比丘, 受具足戒出家人也. 比丘梵语, 含三义: 一, 乞士, 一钵资身, 无所蓄藏, 专求出要; 二, 破恶, 正慧观察, 破烦恼恶, 不堕爱见; 三, 怖魔, 发心受戒, 羯磨成就, 魔即怖也. 僧者, 具云僧伽, 此翻和合众. 同证无为解脱, 名理和. 身同住, 口无诤, 意同悦, 见同解, 戒同修, 利同均, 名事和也. 千二百五十人者, 三迦叶师资共千人, 身子, 目连师资二百人, 耶舍子等五十人. 皆佛成道, 先得度脱, 感佛深恩, 常随从也.

Đại tỳ-kheo, thọ Cụ Giới xuất gia nhân dã. Tỳ-kheo Phạn ngữ, hàm tam nghĩa:

- 1. Nhất khát sĩ, nhất bát tư thân, vô sở súc tàng, chuyên cầu xuất yếu.*
- 2. Nhị phá ác, chánh huệ quán sát, phá phiền não ác, bất đọa ái kiến.*
- 3. Tam bố ma, phát tâm thọ giới, yết-ma thành tựu, ma tức bố dã.*

Tăng giả, cụ vân Tăng Già, thử phiên Hòa Hợp Chúng. Đồng chứng vô vi giải thoát danh Lý Hòa. Thân đồng trụ, khẩu vô tránh, ý đồng duyệt, kiến đồng giải, giới đồng tu, lợi đồng quân, danh Sự Hòa dã.

Thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, tam Ca Diếp, sư tư cộng thiên nhân, Thân Tử, Mục Liên, sư tư nhị bách nhân, Da Xá tử đẳng, ngũ thập nhân, giai Phật thành đạo, tiên đắc độ thoát, cảm Phật thâm ân, thường tùy tùng dã.

Đại tỳ-kheo là hạng xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Tiếng Phạn Tỳ Kheo (*Bhiksu*) gồm ba nghĩa:

1. Khất Sĩ: Một bát nuôi thân, không tích cóp gì, chuyên cầu pháp yếu xuất thế.
2. Phá Ác: Chánh huệ quán sát, phá ác phiền não, chẳng đọa vào ái kiến.
3. Bố Ma (*làm cho ma kinh sợ*): Phát tâm thọ giới, tác pháp Yết Ma thành tựu, ma liền kinh sợ.

Tăng, gọi đủ là Tăng Già (*Sangha*), cõi này dịch là Hòa Hợp Chúng. Cùng chứng sự giải thoát vô vi thì gọi là Lý Hòa (*hòa hợp về mặt Lý*). Thân cùng ở,

miệng không tranh cãi, tâm ý cùng vui vẻ, cùng hiểu biết giống như nhau, cùng tu giới như nhau, chia sẻ quyền lợi đồng đều thì gọi là Sự Hòa.

Một ngàn hai trăm năm mươi người là thầy trò ba vị Ca Diếp gồm một ngàn người, thầy trò hai vị Xá Lợi Phất và Mục Liên gồm hai trăm người, nhóm ông Da Xá gồm năm mươi người, đều là những người được độ thoát trước nhất sau khi Phật thành đạo, cảm kích ân Phật sâu đậm, thường theo hầu.

Chánh kinh:

皆是大阿羅漢。眾所知識。

Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

Đều là đại A La hán, được mọi người hay biết.

Giải:

阿罗汉亦含三义：一，应供，即乞士果；二，杀贼，即破恶果；三，无生，即怖魔果。复有慧解脱，俱解脱，无疑解脱三种不同，今是无疑解脱，故名大。又本是法身大士，示作声闻，证此净土不思议法，故名大也。从佛转轮，广利人天，故为众所知识。

A La Hán diệc hàm tam nghĩa:

- Nhất, ứng cúng, tức khát sĩ quả.

- Nhị, sát tặc, tức phá ác quả.

- Tam, vô sanh, tức bố ma quả.

Phục hữu Huệ Giải Thoát, Câu Giải Thoát, Vô Nghi Giải Thoát, tam chủng bất đồng. Kim thị Vô Nghi Giải Thoát, cố danh Đại.

Hựu, bốn thị pháp thân Đại Sĩ, thị tác Thanh Văn, chứng thử Tịnh Độ bất tư nghị pháp, cố danh Đại dã. Tòng Phật chuyển luân, quảng lợi nhân thiên, cố danh “chúng sở tri thức”.

A La Hán cũng gồm ba nghĩa:

1. Ứng Cúng: là quả của Khát Sĩ.

2. Sát Tặc: là quả của Phá Ác.

3. Vô Sanh: là quả của Bố Ma.

Lại có Huệ Giải Thoát, Câu Giải Thoát, Vô Nghi Giải Thoát, ba thứ khác

nhau. Những vị được nói ở đây là Vô Nghi Giải Thoát, nên gọi là Đại.

Lại nữa, họ vốn là pháp thân Đại Sĩ, thị hiện làm Thanh Văn để chứng pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn này, nên gọi là Đại. Theo Phật chuyển pháp luân lợi lạc rộng khắp hàng nhân thiên nên được đại chúng nhận biết.

Chánh kinh:

長老舍利弗. 摩訶目犍連. 摩訶迦葉. 摩訶迦旃延. 摩訶俱絺羅. 離婆多. 周利槃陀伽. 難陀. 阿難陀. 羅侯羅. 憍梵波提. 賓頭 盧頗羅墮. 迦留陀夷. 摩訶劫賓那. 薄拘羅. 阿耨樓駄. 如是等諸大弟子.

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà. Như thị đẳng chư đại đệ tử.

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà. Các vị đại đệ tử như thế.

Giải:

德腊俱尊, 故名长老. 身子尊者声闻众中, 智慧第一. 目连尊者神通第一. 饮光尊者身有金光, 传佛心印为初祖, 头陀行第一. 文饰尊者婆罗门种, 论议第一. 大膝尊者答问第一. 星宿尊者无倒乱第一. 继道尊者因根钝仅持一偈, 辩才无尽, 义持第一. 喜尊者佛之亲弟, 仪容第一. 庆喜尊者佛之堂弟, 复为侍者, 多闻第一. 覆障尊者佛之太子, 密行第一. 牛司尊者宿世恶口, 感此余报, 受天供养第一. 不动尊者久住世间, 应末世供, 福田第一. 黑光尊者佛使者, 教化第一. 房宿尊者知星宿第一. 善容尊者寿命第一. 无贫尊者亦佛堂弟, 天眼第一. 此等常随众, 本法身大士, 示作声闻, 为影响众. 今闻净土摄受功德, 得第一义悉檀之益, 增道损生, 自净佛土, 复名当机众矣.

Đức lạc câu tôn, cố danh “trưởng lão”. Thân Tử tôn giả, Thanh Văn chúng trung, trí huệ đệ nhất. Mục Liên tôn giả, thần thông đệ nhất. Ẩm Quang tôn giả, thân hữu kim quang, truyền Phật tâm ấn, vi Sơ Tổ, Đầu Đà hạnh đệ nhất. Văn Súc tôn giả, Bà-la-môn chủng, luận nghị đệ nhất. Đại Tất tôn giả, đáp vấn đệ nhất. Tinh Tú tôn giả, vô đảo loạn đệ nhất. Kế Đạo tôn giả, nhân căn độn,

cẩn trì nhất kệ, biện tài vô tận, nghĩa trì đệ nhất. Hỷ tôn giả, Phật chi thân đệ, nghi dung đệ nhất. Khánh Hỷ tôn giả, Phật chi đường đệ, phục vi thị giả, đa văn đệ nhất. Phú Chương tôn giả, Phật chi Thái Tử, mật hạnh đệ nhất. Ngưu Ty tôn giả, túc thế ác khẩu, cảm thử dư báo, thọ thiên cúng dường đệ nhất. Bất Động tôn giả, cứu trụ thế gian, ứng mật thế cúng, phước điền đệ nhất. Hắc Quang tôn giả, vi Phật sứ giả, giáo hóa đệ nhất. Phòng Tú tôn giả, tri tinh tú đệ nhất. Thiện Dung tôn giả, thọ mạng đệ nhất. Vô Bân tôn giả, diệc Phật đường đệ, thiên nhân đệ nhất. Thử đẳng Thường Tùy Chúng, bốn Pháp Thân đại sĩ, thị tác Thanh Văn, vi Ảnh Hưởng Chúng. Kim văn Tịnh Độ, nhiếp thọ công đức, đắc Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn chi ích, tăng đạo tồn sanh, tự tịnh Phật độ. Phục danh Đương Cơ Chúng hỷ.

Đức hạnh và tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão. Tôn giả Thân Tử, trong hàng Thanh Văn, trí huệ bậc nhất. Tôn giả Mục Liên thần thông bậc nhất. Tôn giả Âm Quang thân có ánh sáng vàng ròng, truyền tâm ấn của Phật, là Sơ Tổ [Thiền Tông], hành Đầu Đà bậc nhất. Tôn giả Văn Súc thuộc dòng Bà-la-môn, luận nghị bậc nhất. Tôn giả Đại Tất trả lời câu hỏi bậc nhất. Tôn giả Tinh Tú, không điên đảo, không tán loạn bậc nhất. Tôn giả Kế Đạo do căn cơ chậm lụt, chỉ trì một bài kệ mà biện tài vô tận, nghĩa trì bậc nhất. Tôn giả Hỷ là em ruột đức Phật, nghi dung bậc nhất. Tôn giả Khánh Hỷ là em họ đức Phật, lại còn là thị giả, đa văn bậc nhất. Tôn giả Phú Chương là Thái Tử của đức Phật, mật hạnh bậc nhất. Tôn giả Ngưu Ty, do đời trước ác khẩu, cảm lấy dư báo này, được chư thiên cúng dường bậc nhất. Tôn giả Bất Động, trụ dài lâu trong thế gian, tiếp nhận cúng dường trong đời Mật Pháp, là phước điền bậc nhất. Tôn giả Hắc Quang là sứ giả của Phật, giáo hóa bậc nhất. Tôn giả Phòng Tú hiểu tinh tú bậc nhất. Tôn giả Thiện Dung thọ mạng bậc nhất. Tôn giả Vô Bân cũng là em họ của đức Phật, thiên nhân bậc nhất.

Các vị Thường Tùy Chúng này vốn là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện làm Thanh Văn, nhằm làm người tạo ảnh hưởng. Nay nghe pháp môn Tịnh Độ, giữ lấy công đức, đắc lợi ích Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, tăng trưởng đạo nghiệp, giảm thiểu sanh tử, tự tịnh cõi Phật, còn gọi là Đương Cơ Chúng.

Chánh kinh:

並諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀提菩薩。常精進菩薩。與如是等。諸大菩薩。

Tịnh chư Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại

Bồ Tát.

Và các vị Bồ Tát Ma Hát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị đại Bồ Tát như thế.

Giải:

菩薩摩訶薩，此云大道心成就有情。乃悲智雙運，自他兼利之稱。佛為法王，文殊紹佛家業，名法王子，菩薩眾中，智慧第一。非勇猛實智，不能證解淨土法門，故居初。彌勒當來成佛，現居等覺，以究竟嚴淨佛國為要務，故次列。不休息者，曠劫修行不暫停故。常精進者，自利利他無疲倦故。此等深位菩薩，必皆求生淨土，以不離見佛，不離聞法，不離親近供養眾僧，乃能速疾圓滿菩提故。

Bồ Tát Ma Ha Tát, thử vân Đại Đạo Tâm, thành tựu chúng sanh, nãi Trí Bi song vận, tự tha kiêm lợi chi xưng.

Phật vi Pháp Vương, Văn Thù thiệu Phật gia nghiệp, danh Pháp Vương Tử. Bồ Tát chúng trung, trí huệ đệ nhất. Phi dùng mãnh Thật Trí, bất năng chứng giải Tịnh Độ pháp môn, cố cư sơ.

Di Lặc đương lai thành Phật, hiện cư Đẳng Giác, dĩ cứu cánh nghiêm tịnh Phật quốc vi yếu vụ, cố thứ liệt. Bất Hưu Tức giả, khoáng kiếp tu hành, bất tạm đình cố. Thường Tinh Tấn giả, tự lợi, lợi tha, vô bì quyện cố.

Thử đẳng thâm vị Bồ Tát, tất giai cầu sanh Tịnh Độ, dĩ bất ly kiến Phật, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng tăng, nãi năng tốc tạt viên mãn Bồ Đề cố.

Bồ Tát Ma Ha Tát, cõi này dịch là Đại Đạo Tâm, là từ ngữ để gọi bậc “thành tựu chúng sanh, vận dụng Bi và Trí, tự lợi, lợi tha”.

Phật là Pháp Vương, Văn Thù nối tiếp gia nghiệp của Phật, nên gọi là Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù trí huệ bậc nhất. Nếu không có Thật Trí dùng mãnh, sẽ chẳng thể chứng giải pháp môn Tịnh Độ, nên xếp Ngài vào đầu [danh sách những vị Bồ Tát].

Ngài Di Lặc trong tương lai sẽ thành Phật, hiện đang ở bậc Đẳng Giác. Do rớt rảo nghiêm tịnh cõi Phật là nhiệm vụ cần kíp, nên được nêu tên kế tiếp. Bất Hưu Tức tu hành từ bao kiếp lâu xa, chẳng tạm nghỉ. Thường Tinh Tấn tự lợi, lợi tha, không mệt mỏi. Những vị Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa này đều cầu sanh

Tịnh Độ, vì chẳng lìa thấy Phật, vì chẳng lìa nghe pháp, vì chẳng lìa thân cận cúng dường chúng tăng, để có thể mau chóng viên mãn Bồ Đề vậy.

Chánh kinh:

及釋提桓因等. 無量諸天大眾俱.

Cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp.

Giải:

釋提桓因, 此云能为主, 即忉利天王. 等者, 下等四王, 上等夜摩, 兜率, 化乐, 他化, 色, 无色无量诸天也. 大众俱, 谓十方天人八部修罗人非人等无不与会, 无非净土法门所摄之机也. 通序竟.

Thích Đề Hoàn Nhân, thủ vân Năng Vi Chủ, tức Đạo Lợi thiên vương. Đẳng giả, hạ đẳng tứ vương, thượng đẳng Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, Sắc, Vô Sắc, vô lượng chư thiên dã.

Đại chúng câu, vị thập phương thiên nhân, bát bộ Tu La, nhân, phi nhân đẳng, vô bất dự hội, vô phi Tịnh Độ pháp môn sở nhiếp chi cơ dã. Thông Tự cánh.

Thích Đề Hoàn Nhân, cõi này dịch là Năng Vi Chủ, tức là vua cõi trời Đạo Lợi. Chữ “đẳng”: Phía dưới như trời Tứ Vương, phía trên như các tầng trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, Sắc, Vô Sắc, vô lượng chư thiên.

“Đại chúng câu” nghĩa là mười phương trời, người, tám bộ [trời rồng], Tu La, nhân, phi nhân, v.v... không ai chẳng tham dự pháp hội, không ai chẳng là căn cơ được nhiếp thọ bởi pháp môn Tịnh Độ. Hết phần Thông Tự.

II. Biệt tự

净土妙门, 不可思议, 无人能问, 佛自唱依正名字为发起. 又佛智鉴机无谬, 见此大众应闻净土妙门而获四益, 故不俟问, 便自发起. 如 《梵网》下卷自唱位号云我今卢舍那等, 智者判作发起序, 例可知也.

Phát Khởi Tự dã, Tịnh Độ diệu môn bất khả tư nghị, vô nhân năng vấn, Phật tự xưng y chánh danh tự vi phát khởi.

Hựu Phật trí giám cơ vô mậu, kiến thử đại chúng, ưng văn Tịnh Độ diệu môn, nhi hoạch tứ ích, cố bất sĩ vấn, tiện tự phát khởi, như Phạm Võng Kinh hạ quyển, tự xưng vị hiệu vân: “Ngã kim Lô Xá Na đẳng”, Trí Giả phán tác Phát Khởi Tự, lệ khả tri dã.

Trong phần Phát Khởi Tự thì pháp môn Tịnh Độ mẫu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, không ai có thể hỏi, đức Phật tự xưng lên danh tự của y báo và chánh báo hồng phát khởi.

Lại nữa, Phật trí soi xét căn cơ không sai lầm, thấy đại chúng đáng được nghe pháp môn Tịnh Độ mẫu nhiệm, đạt được bốn thứ lợi ích, nên chẳng đợi hỏi mà tự phát khởi. Giống như trong quyển hạ của kinh Phạm Võng, Ngài tự xưng danh hiệu nơi quả vị như sau: “Ta nay là Lô Xá Na...” Ngài Trí Giả phán định phần kinh văn ấy là Phát Khởi Tự, cứ dựa theo đó sẽ biết [vì sao tôi phán định phần này của kinh A Di Đà là Phát Khởi Tự].

Chánh kinh:

爾時. 佛告長老舍利弗. 從是西方. 過十萬億佛土. 有世界 名曰極樂. 其土有佛. 號阿彌陀. 今現在說法.

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phát: “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”.

Lúc bấy giờ, Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phát: Từ đây đi qua phương Tây mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp.

Giải:

淨土法門, 三根普攝, 絕待圓融, 不可思議. 圓收圓超一切法門, 甚深難信. 故特告大智慧者, 非第一智慧, 不能直下無疑也. 西方者, 橫亘直西, 標示現處也. 十萬億者, 千萬曰億, 今積億至十萬也. 佛土者, 三千大千世界, 通為一佛所化. 且以此土言之, 一須彌山, 東西南北各一洲, 同一日月所照, 一鐵圍山所繞, 名一四天下. 千四天下名小千世界, 千小千名中千世界, 千中千名大千世界. 過如此佛土十萬億之西, 是極樂世界也. 問: 何故極樂在西方? 答: 此非善問. 假使極樂在東, 汝又問何故在東, 豈非戲論. 況自十一萬億佛土視之, 又在東矣, 何足致疑. 有世界名曰極樂, 序依報國土之名也. 豎約三際以辨時劫, 橫約十方以定疆隅, 故稱世界. 極樂者, 梵語須摩提, 亦云安養

, 安乐, 清泰等, 乃永离众苦第一安隐之谓, 如下广释. 然佛土有四, 各分净秽. 凡圣同居土, 五浊重者秽, 五浊轻者净. 方便有余土, 析空拙度证入者秽, 体空巧度证入者净. 实报无障碍土, 次第三观证入者秽, 一心三观证入者净. 常寂光土, 分证者秽, 究竟满证者净. 今云极乐世界, 正指同居净土, 亦即横具上三净土也. 有佛号阿弥陀, 序正报教主之名也, 翻译如下广释. 佛有三身, 各论单复. 法身单, 指所证理性. 报身单, 指能证功德智慧. 化身单, 指所现相好色像. 法身复者, 自性清净法身, 离垢妙极法身. 报身复者, 自受用报身, 他受用报身. 化身复者, 示生化身, 应现化身. 又佛界化身, 随类化身. 虽辨单复三身, 实非一非三, 而三而一. 不纵横, 不并别, 离过绝非, 不可思议. 今云阿弥陀佛, 正指同居土中示生化身, 仍复即报即法也. 复次世界及佛皆言有者, 具四义: 的标实境, 令欣求故; 诚语指示, 令专一故; 简非乾城阳焰, 非权现曲示, 非缘影虚妄, 非保真偏但, 破魔邪权小故; 圆彰性具, 令深证故. 今现在说法者, 简上依正二有, 非过去已灭, 未来未成, 正应发愿往生, 亲觐听法, 速成正觉也. 复次二有现在, 劝信序也; 世界名极乐, 劝愿序也; 佛号阿弥陀, 劝持名妙行序也. 复次阿弥序佛, 说法序法, 现在海会序僧. 佛法僧同一实相, 序体; 从此起信愿行, 序宗; 信愿行成, 必得往生见佛闻法, 序用; 唯一佛界为所缘境, 不杂余事, 序教相也. 言略意周矣. 初序分竟.

Tịnh Độ pháp môn, tam căn phổ nhiếp, tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị. Viên châu, viên siêu nhất thiết pháp môn, thậm thâm nan tín. Cổ đặc cáo đại trí huệ giả. Phi đệ nhất trí huệ, bất năng trực hạ vô nghị dã.

“Tây Phương” giả, hoành cảnh trực Tây, tiêu thị hiện xứ dã.

“Thập vạn ức” giả, thiên vạn viết ức, kim tích ức chí thập vạn dã.

“Phật độ” giả, tam thiên đại thiên thế giới, thông vi nhất Phật sở hóa. Thả dĩ thử độ ngôn chi, nhất Tu Di sơn, Đông, Tây, Nam, Bắc các nhất châu, đồng nhất nhật nguyệt sở chiếu, nhất Thiết Vy sơn sở nhiếp, danh nhất “tứ thiên hạ”. Thiên tứ thiên hạ, danh tiểu thiên thế giới. Thiên tiểu thiên, danh trung thiên thế giới. Thiên trung thiên, danh đại thiên thế giới. Quá như thử Phật độ, thập vạn ức chi Tây, thị Cực Lạc thế giới dã.

Vấn: Hà cố Cực Lạc tại Tây Phương?

Đáp: Thử phi thiện vấn. Giả sử Cực Lạc tại Đông, nhữ hựu vấn hà cố tại Đông, khởi phi hý luận? Huống tự thập nhất vạn ức Phật độ thị chi, hựu tại Đông hỷ. Hà túc trí nghị?

“Hữu thế giới danh viết Cực Lạc”, tự y báo quốc độ chi danh đã, thụ ước tam tể, dĩ biện thời kiếp; hoành ước thập phương, dĩ định cương ngung, cố xưng “thế giới”.

“Cực Lạc” giả, Phạn ngữ Tu Ma Đề, diệc vân An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái đẳng. Nãi vĩnh ly chúng khổ, đệ nhất an ổn chi vị. Như hạ quảng thích. Nhiên Phật độ hữu tứ, các phân tịnh uest.

Phàm Thánh Đồng Cư độ, ngũ trước trọng giả uest, ngũ trước khinh giả tịnh.

Phương Tiện Hữu Dư độ, tích không chuyết độ chứng nhập giả uest, thế không xảo độ chứng nhập giả tịnh.

Thật Báo Vô Chương Ngại độ, thứ đệ Tam Quán chứng nhập giả uest, Nhất Tâm Tam Quán chứng nhập giả tịnh.

Thường Tịch Quang độ, phần chứng giả uest, cứu cánh mãn chứng giả tịnh. Kim vân Cực Lạc thế giới, chánh chỉ Đồng Cư Tịnh Độ, diệc tức hoành cụ thượng tam Tịnh Độ đã.

“Hữu Phật hiệu A Di Đà”, tự chánh báo giáo chủ chi danh đã, phiên dịch như hạ quảng thích.

Phật hữu tam thân, các luận đơn, phức. Pháp Thân đơn, chỉ sở chứng Lý tánh. Báo Thân đơn, chỉ năng chứng công đức trí huệ. Hóa Thân đơn, chỉ sở hiện tướng hảo sắc tượng.

Pháp Thân phức giả, Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân, Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Báo Thân phức giả, Tự Thụ Dụng Báo Thân, Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân phức giả, Thị Sanh Hóa Thân, Ứng Hiện Hóa Thân. Hựu, Phật Giới Hóa Thân, Tùy Loại Hóa Thân.

Tuy biện đơn phức tam thân, thực phi nhất, phi tam, nhi tam, nhi nhất. Bất tung hoành, bất tịnh biệt, ly quá, tuyệt phi, bất khả tư nghị. Kim vân A Di Đà Phật, chánh chỉ Đồng Cư độ trung Thị Sanh Hóa Thân. Nhưng phức tức Báo, tức Pháp đã.

Phục thứ, thế giới cập Phật, giai ngôn “hữu” giả, cụ tứ nghĩa:

1. Đích tiêu thực cảnh, linh hân cầu cố.
2. Thành ngữ chỉ thị, linh chuyên nhất cố.
3. Giản phi Càn thành, dương diễm, phi quyền hiện khúc thị, phi duyên ảnh hư vọng, phi bảo chân thiên đản, phá ma, tà, quyền, tiểu cố.

4. Viên chương tánh cụ, linh thâm chứng cố.

“Kim hiện tại thuyết pháp” giả, giản thượng y, chánh nhị hữu, phi quá khứ dĩ diệt, vị lai vị thành. Chánh ưng phát nguyện vãng sanh, thân cận thánh pháp, tốc thành Chánh Giác dã.

Phục thứ, nhị hữu hiện tại, khuyến tín tự dã. “Thế giới danh Cực Lạc”, khuyến nguyện tự dã. “Phật hiệu A Di Đà”, khuyến trì danh diệu hạnh tự dã.

Phục thứ, A Di tự Phật, “thuyết pháp” tự Pháp. Hiện tại hải hội tự Tăng. Phật, Pháp, Tăng đồng nhất Thật Tướng, tự Thể. Tòng thủ, khởi Tín Nguyện Hạnh, tự Tông. Tín Nguyện Hạnh thành, tất đắc vãng sanh, kiến Phật văn pháp, tự Dụng.

Duy nhất Phật giới vi sở duyên cảnh, bất tạp dư sự, tự Giáo Tướng dã. Ngôn lược, ý châu hỷ. Sơ, Tự Phần cánh.

Pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn ba căn, dứt bất đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Gồm thu trọn vẹn, nhưng vượt thoát trọn vẹn hết thấy pháp môn, rất sâu, khó tin. Vì thế, đặc biệt nói với bậc đại trí huệ, vì nếu không phải là người trí huệ bậc nhất sẽ chẳng thể nào hiểu được ngay mà không nghĩ.

“Tây Phương” là đi thẳng mãi suốt theo chiều ngang sang phía Tây, [từ ngữ này] nhằm chỉ ra chỗ Phật thị hiện.

“Thập vạn ức”: Mười vạn là một ức, nay dồn số ức ấy đến mười vạn ức.

“Phật độ” (cõi Phật): Cả tam thiên đại thiên thế giới là khu vực hóa độ của một đức Phật. Hãy lấy cõi này để giảng thì một núi Tu Di, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc mỗi phía đều có một châu, cùng được một mặt trời, một mặt trăng chiếu, một rừng núi Thiết Vy bao quanh thì gọi là Tứ Thiên Hạ. Một ngàn Tứ Thiên Hạ gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Đi về phương Tây, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật như vậy là tới thế giới Cực Lạc.

Hỏi: Vì sao Cực Lạc ở phương Tây?

Đáp: Đây chẳng phải là câu hỏi hay ho gì. Giả sử Cực Lạc ở phương Đông, ông lại hỏi vì sao nó ở phương Đông, há chẳng phải là nói giỡn hay sao? Huống chi, nếu nhìn từ mười một vạn ức cõi Phật, Cực Lạc lại thuộc phương Đông mất rồi, có gì đáng để nghi ngờ nữa ư?

“Có thế giới tên là Cực Lạc”: Nêu ra cái tên cõi nước trong y báo. [“Thế” là] theo chiều dọc suốt cả ba đời, nhằm luận về thời kiếp. [“Giới” là] theo chiều

ngang thì trọn cả mười phương, nhằm phân định ranh giới. Vì thế gọi là thế giới.

“Cực Lạc”: Tiếng Phạn là Tu Ma Đề (*Sumatī, Sukhāvatī*), còn dịch là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái, v.v... nghĩa là cõi vĩnh viễn là khỏi các khổ, an ổn bậc nhất. Từ ngữ này sẽ được giải thích chi tiết trong phần sau. Cõi Phật có bốn loại, với mỗi loại đều chia thành tịnh và uế.

Phàm Thánh Đồng Cư độ: Ngũ Trược nặng nề là cõi uế, Ngũ Trược nhẹ nhàng là cõi tịnh.

Phương Tiện Hữu Dư độ: Dùng phương pháp phân tích cái Không vướng về để chứng nhập thì là uế. Dùng phương pháp thấu hiểu cái Không để khéo léo chứng nhập thì là tịnh.

Thật Báo Vô Chướng Ngại độ: Chứng nhập bằng cách tu Tam Quán theo thứ tự là uế, chứng nhập bằng Nhất Tâm Tam Quán là tịnh.

Thường Tịch Quang độ, phần chứng là uế, rốt ráo chứng viên mãn là tịnh. “Thế giới Cực Lạc” đang được nói ở đây chính là nói về Đồng Cư Tịnh Độ, mà cũng là cõi Tịnh Độ theo chiều ngang có đủ cả ba cõi Tịnh Độ trên.

Câu “có Phật hiệu là A Di Đà” nhằm nêu ra danh hiệu của vị giáo chủ trong chánh báo, sẽ được giải thích rộng rãi trong tiểu đoạn giảng về sự phiên dịch [danh hiệu vị Phật này] trong phần sau. Phật có ba thân, với mỗi thân đều luận thân đơn và thân kép.

Pháp Thân đơn chỉ cho Lý tánh được chứng, Báo Thân đơn chỉ trí huệ, công đức có công năng chứng [Lý tánh ấy], Hóa Thân đơn chỉ các hình tượng, tướng hảo đã được hiện [bởi chân tâm].

Pháp Thân kép gồm Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân và Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Báo Thân kép gồm Tự Thụ Dụng Báo Thân và Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân kép gồm Thị Sanh Hóa Thân và Ứng Hiện Hóa Thân. Lại còn có Phật Giới Hóa Thân và Tùy Loại Hóa Thân.

Tuy phân biệt ba thân đơn và kép, nhưng thật ra, chúng chẳng phải một, chẳng phải ba, nhưng là ba, là một, chẳng dọc ngang, chẳng cùng tồn tại hay sai khác, là lồi, dứt sai, chẳng thể nghĩ bàn. Nay nói A Di Đà Phật chính là nói về Thị Sanh Hóa thân của A Di Đà Phật trong cõi Đồng Cư, nhưng thân phức cũng chính là Pháp Thân, cũng chính là Báo Thân.

Lại nữa, [trong chánh kinh, đối với] thế giới và Phật đều nói là “có”. [Hai chữ Có ấy] gồm đủ bốn nghĩa (*Tứ Tắt Đản*):

Nêu ra cảnh thật khiến [cho người nghe] vui thích, mong cầu.

Lời thành thật chỉ bày khiến cho [người nghe] chuyên nhất.

Nhằm phân biệt rõ ràng [cõi Cực Lạc] chẳng phải là thành Càn Thát Bà, hay là bóng nước gợn khi trời nắng gắt, chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh, chẳng phải là bóng dáng hư vọng của các duyên, chẳng phải là khư khư giữ lấy thiên chân Niết Bàn, phá dẹp ma, tà, quyền, tiểu.

Phô bày trọn vẹn tánh vốn trọn đủ, nhằm làm cho [người nghe] chứng nhập sâu xa.

“Nay hiện đang thuyết pháp” nhằm phân định trong hai thứ y báo và chánh báo đã có như đã nói trong phần trên, chẳng phải là trong quá khứ, đã diệt, chẳng phải là trong vị lai còn chưa thành, đúng là [người nghe kinh] rất nên phát nguyện vãng sanh hồng thân cận, nghe pháp, mau thành Chánh Giác.

Lại nữa, hai chữ Hữu và chữ “hiện tại” chính là phần Tựa nhằm khuyến tín. “Thế giới tên là Cực Lạc” là phần Tựa khuyên hãy nên phát nguyện. “Phật hiệu A Di Đà”, chính là phần Tựa nhằm khuyến [thực hành] diệu hạnh Trì Danh.

Lại nữa, A Di Đà là lời Tựa giới thiệu Phật, chữ “thuyết pháp” là lời Tựa giới thiệu Pháp, hiện tại hải hội là lời Tựa giới thiệu Tăng. Phật, Pháp, Tăng cùng một Thật Tướng, đó là lời Tựa nói về Thể. Từ đây, khởi lòng tin, phát nguyện, hành trì, là lời Tựa nói về Tông. Tín – Nguyện – Hạnh thành tựu, ắt được vãng sanh, thấy Phật nghe pháp, là lời Tựa nói về Dụng.

Chỉ dùng một Phật giới dùng để làm cảnh sở duyên, chẳng xen tạp các sự khác, là lời Tựa nói về Giáo Tướng. Lời lẽ văn tắt, nhưng ý trọn đủ. Phần thứ nhất là Tựa Phần đã giảng xong⁷.

⁷ Đây là lời giảng rất đặc sắc của Ngẫu Ích đại sư: Từ trong một đoạn ngắn, đại sư chỉ rõ Tựa Phần của kinh này giới thiệu trọn đủ ba môn Tín, Nguyện, Hạnh, Tam Bảo (*Phật, Pháp, Tăng*), có đủ Thể, Tông, Tướng, Dụng, dẫn khởi ba phần Lưu Thông (*khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh*). Trong các bản chú giải khác, chưa ai chỉ rõ chi tiết như vậy.

PHẦN CHÁNH TÔNG



I. Giảng rộng về y báo và chánh báo để khơi gợi lòng tin

信愿持名，一经要旨。信愿为慧行，持名为行行。得生与否，全由信愿之有无。品位高下，全由持名之深浅。故慧行为前导，行行为正修，如目足并运也。

Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ. Tín nguyện vi Huệ Hạnh, trì danh vi Hành Hạnh. Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển. Cố Huệ Hạnh vi tiền đạo, Hành Hạnh vi chánh tu. Như mục túc tịnh vận dĩ.

“Tín, nguyện, trì danh” là tông chỉ trọng yếu của bộ kinh này. Tín và nguyện là Huệ Hạnh, trì danh là Hành Hạnh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín, nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn. Vì thế, Huệ Hạnh để hướng dẫn, Hành Hạnh là hạnh tu chánh yếu. Giống như mắt và chân cùng vận dụng vậy.

Chánh kinh:

舍利弗。彼土何故名為極樂。其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

Xá Lợi Phất! Cõi kia vì có sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.

Giải:

众生是能受用人，等觉以还皆可名。今且约人民言，以下下例上上也。娑婆苦乐杂。其实苦是苦苦，逼身心故。乐是坏苦，不久住故。非苦非乐是行苦，性迁流故。彼土永离三苦，不同此土对苦之乐，乃名极乐。一往分别。同居五浊轻，无分段八苦，但受不病不老，自在游行，天食天衣，诸善聚会等乐。方便体观巧，无沈空滞寂之苦，但受游戏神通等乐。实报心观圆，无隔别不融之苦，但受无碍不思議乐。寂光究竟等，无法身渗漏，真常流注之苦，但受称性圓滿究竟乐。然同居众生，以持名善根福德同佛故，圆净四土，圆受诸乐也。复次极乐最胜，不在上三土，而在同居。良以上之，则十方同居，逊其殊特，下又可与

此土较量. 所以凡夫优入而从容, 横超而度越. 佛说苦乐, 意在於此.

*Chúng sanh thị Năng Thụ Dụng nhân, Đẳng Giác dĩ hoàng giai khả danh.
Kim thả ước nhân dân ngôn, dĩ hạ hạ lệ thượng thượng dã.*

*Sa Bà khổ lạc tạp, kỳ thực, Khổ thị Khổ Khổ, bức thân tâm cố. Lạc thị
Hoại Khổ, bất cứu trụ cố. Phi khổ phi lạc thị Hành Khổ, tánh thiên lưu cố. Bỉ độ
vĩnh ly tam khổ, bất đồng thử độ đối khổ chi lạc, nãi danh Cực Lạc.*

*Nhất vãng phân biệt, Đồng Cư Ngũ Trược khinh, vô phần đoạn, bát khổ.
Đản thọ bất bệnh, bất lão, tự tại du hành, thiên thực, thiên y, chư thiện tự hội
đẳng lạc.*

*Phương Tiện thể quán xảo, vô trâm không trệ tịch chi khổ. Đản thọ du hý,
thần thông đẳng lạc.*

*Thật Báo tâm quán viên, vô cách biệt bất dung chi khổ, đản thọ vô ngại bất
tư nghị lạc.*

*Tịch Quang cứu cánh đẳng, vô Pháp Thân sám lậu, chân thường lưu chú chi
khổ, đản thọ xứng tánh viên mãn cứu cánh lạc.*

*Nhiên Đồng Cư chúng sanh, dĩ trì danh thiện căn, phước đức đồng Phật cố,
viên tịnh tứ độ, viên thọ chư lạc dã. Phục thứ, Cực Lạc tối thắng, bất tại thượng
tam độ, nhi tại Đồng Cư. Lương dĩ thượng chi, tắc thập phương Đồng Cư tổn kỳ
thù đặc. Hạ hựu khả dĩ thử độ giáo lượng. Sở dĩ, phạm phu ưu nhập nhi thung
dung, hoành siêu nhi độ việt. Phật thuyết khổ lạc, ý tại ư thử.*

Chúng sanh là người thụ dụng. Từ Đẳng Giác trở xuống đều có thể gọi là chúng sanh. Nay ước theo nhân dân để nói, dùng [trạng huống của] hạng hạ hạ để suy ra [tình trạng của] hạng thượng thượng.

Cõi Sa Bà khổ và vui xen tạp, thật ra, Khổ là Khổ Khổ, vì [các nỗi khổ] bức não than tâm. Lạc là Hoại Khổ vì nó chẳng tồn tại lâu dài. Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ vì tánh nó đổi dời. Cõi kia vĩnh viễn thoát khỏi ba sự khổ này, chẳng giống như cõi này, lạc là do so với khổ mà nói. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc.

Phân biệt đại khái thì trong cõi Đồng Cư, Ngũ Trược nhẹ, không có phần đoạn sanh tử và tám khổ, chỉ hưởng những điều vui như chẳng bệnh, chẳng già, du hành tự tại, thức ăn trời, áo trời, các vị thượng thiện nhân tự hội, v.v...

Trong cõi Phương Tiện, khéo léo quán Thễ, không có nỗi khổ vương mắc,

trầm trệ vào không tịch, chỉ hưởng những sự vui như du hý, thần thông, v.v...

Trong cõi Thật Báo, quán tâm viên mãn, không có sự khổ cách biệt, chẳng dung thông, chỉ hưởng sự vui không chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn.

Trong cõi Tịch Quang rốt ráo bình đẳng, không các nỗi khổ như Pháp Thân rò rỉ, chân thường tuôn chảy, chỉ hưởng sự vui viên mãn rốt ráo xứng tánh.

Nhưng chúng sanh trong cõi Đồng Cư do thiện căn trì danh nên phước đức giống như Phật, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn vẹn các điều vui. Hơn nữa, Cực Lạc tối thắng chẳng ở trong ba cõi trên mà là trong cõi Đồng Cư. Ấy là vì: Trên thì các cõi Đồng Cư trong mười phương phải nhường phần đặc biệt thù thắng; dưới thì nếu so sánh với cõi này (*tức Sa Bà*), [cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc vượt trội mọi mặt]. Do vậy, phàm phu hễ được dự vào đó liền thông dong, vượt khỏi [tam giới] theo chiều ngang để được độ thoát. Đức Phật nói đến khổ và vui là nhằm ý này.

Chánh kinh:

又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是寶。周匝圍繞。是故彼國。名為極樂。

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẩn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc.

Lại này, Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, đều bằng bảy báu vây quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc.

Giải:

七重, 表七科道品。四宝, 表常, 乐, 我, 净四德。周匝围绕者, 佛菩萨等无量住处也。皆四宝则自功德深, 周匝绕则他贤圣遍, 此极乐真因缘也。此等庄严, 同居净土是增上善业所感, 亦圆五品观所感, 以缘生胜妙五尘为体; 方便净土是即空观智所感, 亦相似三观所感, 以妙真谛无漏五尘为体; 实报净土是妙假观智所感, 亦分证三观所感, 以妙俗谛无尽五尘为体; 常寂光土是即中观智所感, 亦究竟三观所感, 以妙中谛称性五尘为体。欲令易解, 作此分别, 实四土庄严, 无非因缘所生法, 无不即空假中。所以极乐同居净境, 真俗圆融, 不可限量。下皆仿此。问: 寂光惟理性, 何得有此庄严? 答: 一一庄严全体理性, 一一理性具足庄严, 方是诸佛究竟依果。若寂光不具胜妙五尘, 何异偏

真法性.

“Thất trùng” biểu thất khoa đạo phẩm, “tứ bảo” biểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức. “Châu táp nhiều” giả, Phật, Bồ Tát đẳng vô lượng trụ xứ đã, giai tứ bảo, tắc tự công đức thâm. “Châu táp vi nhiều” tắc tha hiện thánh biến, thử Cực Lạc chân nhân duyên đã. Thử đẳng trang nghiêm, Đồng Cư độ thị tăng thượng thiện nghiệp sở cảm, diệc Viên Ngũ Phẩm Quán sở cảm. Dĩ duyên sanh thắng diệu Ngũ Trần vi Thễ. Phương Tiện Tịnh Độ, thị tức Không Quán Trí sở cảm, diệc Tương Tự Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Chân Đế, vô lậu Ngũ Trần vi Thễ. Thật Báo Tịnh Độ, thị diệu Giả Quán Trí sở cảm, diệc Phần Chứng Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Tục Đế, vô tận Ngũ Trần vi Thễ. Thường Tịch Quang độ, thị tức Trung Quán Trí sở cảm, diệc Cứu Cánh Tam Quán sở cảm, dĩ diệu Trung Đế, xứng tánh Ngũ Trần vi Thễ. Dục linh dị giải, tác thử phân biệt. Thật tứ độ trang nghiêm, vô phi nhân duyên sở sanh pháp, vô bất tức Không, Giả, Trung. Sở dĩ Cực Lạc Đồng Cư tịnh cảnh, Chân, Tục viên dung, bất khả hạn lượng, hạ giai phỏng thử.

Vấn: Tịch Quang duy lý tánh, hà đắc hữu thử trang nghiêm?

Đáp: Nhất nhất trang nghiêm, toàn thể lý tánh. Nhất nhất lý tánh, cụ túc trang nghiêm, phương thị chư Phật cứu cánh y quả. Nhược Tịch Quang bất cụ thắng diệu ngũ trần, hà dị Thiên Chân Pháp Tánh?

“Thất trùng” biểu thị bảy khoa đạo phẩm, “tứ bảo” biểu thị bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “Châu táp nhiều”: Vô lượng trụ xứ của Phật, Bồ Tát, v.v... đều bằng bốn báu, ấy là công đức của chính mình sâu xa, “châu táp vi nhiều” nghĩa là những vị hiện thánh khác đều trọn khắp, đây chính là nhân duyên thật sự của cõi Cực Lạc vậy.

Có những sự trang nghiêm như thế là vì cõi Đồng Cư do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành, mà cũng do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành, [cõi Đồng Cư] lấy Ngũ Trần⁸ thù thắng nhiệm màu do duyên sanh làm Thễ.

Phương Tiện Tịnh Độ chính là do Không Quán Trí cảm thành, mà cũng do Tương Tự Tam Quán cảm thành. Dùng vô lậu Ngũ Trần trong Chân Đế màu nhiệm để làm Thễ.

Thật Báo Tịnh Độ do Giả Quán Trí màu nhiệm tạo thành, mà cũng do Phần Chứng Tam Quán cảm thành, lấy vô tận Ngũ Trần trong Tục Đế màu nhiệm làm

⁸ Ngũ Trần (còn gọi là Ngũ Cảnh) là năm trần đầu trong Lục Trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc.

Thê.

Cõi Thường Tịch Quang do Trung Quán Trí cảm nên, mà cũng do Cứu Cánh Tam Quán cảm nên, dùng Ngũ Trần xứng tánh trong Trung Đế mâu nhiệm làm Thê.

Muốn cho [người đọc] dễ hiểu, nên phân biệt như vậy. Thật ra, sự trang nghiêm trong bốn cõi không gì chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không gì chẳng chính là Không, Giả, Trung. Do vậy, tịnh cảnh trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc là Chân và Tục viên dung chẳng thể hạn lượng. Những [lời giải thích trong những] phần dưới đều phỏng theo [cách luận định] ở đây.

Hỏi: Tịch Quang chỉ là lý tánh, sao lại có những thứ trang nghiêm ấy?

Đáp: Trong mỗi một thứ trang nghiêm, toàn bộ cái Thê của nó là lý tánh. Mỗi một lý tánh có đầy đủ sự trang nghiêm thì mới là y báo rốt ráo nơi quả vị của chư Phật. Nếu cõi Tịch Quang chẳng trọn đủ Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu thì có khác gì Thiên Chân Pháp Tánh?

Chánh kinh:

又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃。玻璃合成。上有樓閣。亦以金銀琉璃。玻璃碑磬。赤珠瑪瑙。而嚴飾之。池中蓮華。大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色白光。微妙香潔。

Hữu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuận dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các, diệc dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng bảy báu, nước tám công đức chứa đầy trong ấy. Đáy ao thuận dùng cát vàng trải đất, bạc lên, lối đi ở bốn phía đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu, gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng. Hoa sen trong ao to như bánh xe, hoa màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa màu trắng tỏa ánh sáng trắng, vi diệu, thơm, sạch.

Giải:

上明住处, 今明生处. 宝池金银等所成, 不同此方土石也. 八功德者: 一, 澄清, 异此方浑浊; 二, 清冷, 异寒热; 三, 甘美, 异咸淡劣味; 四, 轻软, 异沈重; 五, 润泽, 异缩腐褪色; 六, 安和, 异急暴; 七, 除饥渴, 异生冷; 八, 长养诸根, 异损坏诸根, 及疹戾增病没溺等也. 充满其中, 异枯竭泛滥. 底纯金沙, 异污泥. 阶道四宝, 异砖石. 陛级名阶, 坦途名道, 重屋名楼, 岑楼名阁. 七宝楼阁, 异此方土木丹青也. 楼阁是住处, 及法会处. 但得宝池莲胞开敷, 便可登四岸, 入法会, 见佛闻法也. 华轮者, 轮王金轮大四十里, 且举最小者言. 若据《观经》及《无量寿会》, 大小实不可量, 由同居净土身相不等故也. 青色名优钵罗, 黄色名拘勿头, 赤色名钵头摩, 白色名芬陀利. 由生身有光, 故莲胞亦有光. 然极乐莲华, 光色无量, 此亦略言耳. 微妙香洁, 略叹莲华四德. 质而非形曰微. 无碍曰妙. 非形则非尘, 故洁也. 莲胞如此, 生身可知.

Thượng minh trụ xứ, kim minh sanh xứ. Bảo trì kim, ngân đẳng sở thành, bát đồng thử phương thổ, thạch dã. Bát công đức thủy giả:

1. Nhất trừng thanh, dị thử phương hồn trược.

2. Nhị thanh lãnh, dị hàn nhiệt.

3. Tam cam mỹ, dị hàm đạm liệt vị.

4. Tứ khinh nhuyển, dị trầm trọng.

5. Ngũ nhuận trạch, dị súc hủ thốn sắc.

6. Lục an hòa, dị cấp bạo.

7. Thất trừ cơ khát, dị sanh lãnh.

8. Bát trường dưỡng chư căn, dị tổn hoại chư căn, cập lệ lệ tăng bệnh một nịch đẳng dã.

Sung mãn kỳ trung, dị khô kiệt, phiếm lạm.

Để thuần kim sa, dị ô nê.

Giai đạo tứ bảo, dị chuyên thạch. Bệ cấp danh Giai, thần đồ viết Đạo. Trùng ốc vi lâu, sầm lâu danh các. Thất bảo lâu các, dị thử phương thổ, mộc, đan thanh dã. Lâu các thị trụ xứ cập pháp hội xứ. Đản đắc bảo trì, liên bào khai phu, tiện khả đẳng tứ ngạn, nhập pháp hội, kiến Phật, văn pháp dã.

Hoa luân giả, Luân Vương kim luân, đại tứ thập lý, thả cử tối tiểu giả ngôn. Nhược cú Quán Kinh, cập Vô Lượng Thọ hội, đại tiểu thật bất khả lượng. Do

Đồng Cư Tịnh Độ, thân tướng bất đẳng cố dã. Thanh sắc danh Ưu Bát La, hoàng sắc danh Câu Vật Đầu, xích sắc danh Bát Đầu Ma, bạch sắc danh Phân Đà Lợi. Do sanh thân hữu quang, cố liên bào diệc hữu quang. Nhiên Cực Lạc liên hoa, quang sắc vô lượng, thử diệc lược ngôn nhĩ.

“Vi diệu hương khiết”: Lược thán liên hoa tứ đức. Chất nhi phi hình viết Vi. Vô ngại viết Diệu. Phi hình tắc phi trần, cố Khiết dã. Liên bào như thử, sanh thân khả tri.

Đoạn trên nói về chỗ ở, đoạn này nói về chỗ [hành nhân vãng sanh Tịnh Độ sẽ] sanh ra. Ao báu bằng vàng, bạc, v.v... hợp thành, chẳng giống như phương này ao bằng đất, đá. Nước tám công đức là:

1. Trong lắng, khác với nước phương này vẫn đục, dơ bẩn.
2. Trong mát, khác với nước phương này nóng, lạnh.
3. Ngọt ngào, khác với nước phương này mặn, nhạt, hoặc có vị hèn tẻ.
4. Mềm nhẹ, khác với nước phương này thô nặng.
5. Tươi nhuận, khác với nước phương này thôi rửa, màu sắc bệch bạc.
6. An hòa, khác với nước phương này chảy xiết dữ dội.
7. Trừ đói khát, khác với nước phương này [khiến người uống vào hay đụng đến] phát rét.
8. Tăng trưởng các căn, khác với nước phương này tổn hoại các căn và tang thêm những bệnh dịch dữ dội, chết chìm, v.v...

“Đầy ấp trong ấy”: Khác với nước phương này hoặc khô cạn, hoặc tràn ngập.

“Đáy ao thuần là cát bằng vàng”: Khác với phương này đáy ao là bùn lầy.

Bậc lên, lối đi bằng bốn báu nhằm phân biệt khác [với cõi này, bậc lên, lối đi] bằng gạch, đá. Có tầng bậc gọi là Giai, đường bằng phẳng gọi là Đạo. Nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao là Các. Lầu gác bằng bảy báu, khác với phương này, lầu các được dựng bằng đất, gỗ, sơn màu xanh đỏ. Lầu gác là chỗ ở và nơi cử hành pháp hội. Nhưng hễ được sanh vào ao báu, thì khi búp sen nở, liền có thể lên bốn bờ, vào pháp hội, thấy Phật, nghe pháp.

Hoa sen to như bánh xe: Kim luân của Chuyển Luân thánh vương to bốn mươi dặm. Hơn nữa, ở đây chỉ nêu ra hoa nhỏ nhất. Nếu căn cứ theo Quán Kinh

và pháp hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] thì hoa sen lớn hay nhỏ thật sự chẳng thể lường được, vì thân tướng [của những người] trong cõi Đồng Cư khác nhau. Hoa sen màu xanh gọi là Ưu Bát La (*Utpala*), hoa màu vàng gọi là Câu Vật Đầu (*Kumuda*), hoa đỏ gọi là Bát Đầu Ma (*Padma*), hoa trắng gọi là Phân Đà Lợi (*Pundarika*). Do thân của người sanh về đó có quang minh nên búp sen cũng có quang minh. Nhưng hoa sen trong Cực Lạc màu sắc và quang minh vô lượng, ở đây cũng chỉ là nói đại lược mà thôi.

“Vi diệu hương khiết” là từ ngữ khen ngợi đại lược bốn đức của hoa sen. Có chất mà không có hình thì gọi là Vi. Vô ngại là Diệu. Không có hình thì không có trần, nên là Khiết. Búp sen như thế thì thân của người được vãng sanh [cứ suy theo đó] sẽ có thể biết được.

Chánh kinh:

舍利弗。極樂國土成就如是功德莊嚴。

Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Này Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy.

Giải:

明上住处生处种种庄严，皆是阿弥陀佛大愿大行称性功德之所成就。故能遍严四种净土，普摄十方三世一切凡圣令往生也。复次佛以大愿作众生多善根之因，以大行作众生多福德之缘。令信愿持名者，念念成就如是功德，而皆是已成，非今非当。此则以阿弥种种庄严作增上本质，带起众生自心种种庄严。全佛即生，全他即自。故曰成就如是功德庄严。

Minh thượng trụ xứ, sanh xứ, chủng chủng trang nghiêm, giai thị A Di Đà Phật đại nguyện, đại hạnh, xứng tánh công đức chi sở thành tựu. Cố năng biến nghiêm tứ chủng Tịnh Độ, phổ nhiếp thập phương tam thế nhất thiết phàm thánh, linh vãng sanh dã.

Phục thứ, Phật dĩ đại nguyện, tác chúng sanh đa thiện căn chi nhân, dĩ đại hạnh, tác chúng sanh đa phước đức chi duyên, linh tín nguyện trì danh giả niệm thành tựu như thị công đức, nhi giai thị dĩ thành, phi kim, phi dương.

Thứ tác dĩ A Di chủng chủng trang nghiêm, tác tăng thượng bản chất, đới khởi chúng sanh tự tâm chủng chủng trang nghiêm, toàn Phật tức sanh, toàn tha tức tự, cố viết: “Thành tựu như thị công đức trang nghiêm”.

Câu này nói rõ các thứ trang nghiêm nơi chỗ ở và chỗ sanh về đều được thành tựu bởi đại nguyện, đại hạnh và công đức xứng tánh của A Di Đà Phật. Vì thế, có thể trang nghiêm trọn khắp bốn thứ Tịnh Độ, có thể nhiếp khắp hết thảy phàm thánh trong mười phương thế giới vãng sanh.

Lại nữa, Phật dùng đại nguyện để làm cái nhân nhiều thiện căn cho chúng sanh, dùng đại hạnh để làm cái nhân lắm phước đức cho chúng sanh, khiến những kẻ tín nguyện trì danh trong mỗi niệm thành tựu công đức như thế, [những công đức như thế] đều là đã thành, chứ không phải là trong hiện tại hay tương lai mới thành.

Đây chính là dùng các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật để làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh. Toàn thể Phật chính là chúng sanh, toàn thể Tha chính là Tự. Vì thế, nói: “Thành tựu công đức trang nghiêm như thế đây”.

Chánh kinh:

又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。黃金為地。晝夜六時。雨天 曼陀羅華。其土眾生。常以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養他方十 萬億佛。即以食時。還到本國。飯食經行。

Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bốn quốc, phạn thực kinh hành.

Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa, đựng các hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác. Liền trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình, dùng cơm xong đi kinh hành.

Giải:

乐是声尘, 地是色尘, 华是色香二尘, 食是味尘, 盛华, 散华, 经行是触尘, 众生五根对五尘可知. 常作者, 即六时也. 黄金为地者, 七宝所严地界, 体是黄金也. 日分初, 中, 後, 名昼三时. 夜分初, 中, 後, 名夜三时. 故云昼夜六时. 然彼土依正各有光明, 不假日月, 安分昼夜, 且顺此方假说分际耳. 曼陀罗, 此云适意, 又云白华. 衣祴, 是盛华器. 众妙华, 明非曼陀罗一种, 应如妙经四华, 表四因位. 供养他方佛, 表真因会趋极果, 果德无不遍也. 且据娑婆言十

万亿佛, 意显生极乐已, 还供释迦, 弥勒, 皆不难耳. 若阿弥神力所加, 何远不到哉. 食时, 即清旦, 故云即以. 明其神足不可思议, 不离彼土, 常遍十方, 不假逾时回还也. 此文显极乐一声, 一尘, 一刹那, 乃至跨步弹指, 悉与十方三宝贯彻无碍. 又显在娑婆则浊重恶障, 与极乐不隔而隔. 生极乐则功德甚深, 与娑婆隔而不隔也. 饭食经行者, 念食食至, 不假安排. 食毕钵去, 不劳举拭. 但经行金地, 华乐娱乐, 任运进修而已.

Nhạc thị Thanh Trần. Địa thị Sắc Trần. Hoa thị Sắc, Hương nhị Trần. Thực thị Vị Trần. Thịnh hoa, tán hoa, kinh hành thị Xúc Trần. Chúng sanh Ngũ Căn đối Ngũ Trần khả tri.

“Thường tác” giả, tức lục thời dã. “Hoàng kim vi địa” giả, thất bảo sở nghiêm địa giới. Thế thị hoàng kim dã.

Nhật phân sơ, trung, hậu, danh “trú tam thời”. Dạ phân sơ, trung, hậu, danh “dạ tam thời”. Cổ vân “trú dạ lục thời”. Nhiên bỉ độ y chánh các hữu quang minh, bất giả nhật nguyệt, an phân trú dạ? Thả thuận thử phương, giả thuyết phân tế nhĩ.

Mạn Đà La, thử vân Thích Ý, hựu vân Bạch Hoa. “Y kích” thị thịnh hoa khí. “Chúng diệu hoa”, minh phi mạn Đà La nhất chủng. Ứng như Diệu Kinh tứ hoa, biểu tứ nhân vị.

Cúng dường tha phương Phật, biểu chân nhân hội xu cực quả, quả đức vô bất biến dã. Thả cử Sa Bà ngôn thập vạn ức Phật, ý hiển sanh Cực Lạc dĩ, hoàn cúng Thích Ca, Di Lặc, giai bất nan nhĩ. Nhược A Di thân lục sở gia, hà viễn bất đáo tai!

Thực thời, tức thanh đàn, cổ vân “tức dĩ”, minh kỳ Thần Túc bất khả tư nghị. Bất ly bỉ độ, thường biến thập phương, bất giả du thời hồi hoàn dã. Thử văn hiển Cực Lạc, nhất thanh, nhất trần, nhất sát-na, nãi chí khóa bộ, đàn chỉ, tất dĩ thập phương Tam Bảo, quán triệt vô ngại.

Hựu, hiển tại Sa Bà, tắc trước trọng ác chương, dĩ Cực Lạc bất cách nhi cách, sanh Cực Lạc, tắc công đức thậm thâm, dĩ Sa Bà cách nhi bất cách dã.

“Phạn thực kinh hành” giả, niệm thực, thực chí, bất giả an bài. Thực tất, bất khứ, bất lao cử thức. Dẫn kinh hành kim địa, hoa nhạc ngu lạc, nhậm vận tán tu nhĩ dĩ.

Nhạc là Thanh Trần, đất là Sắc Trần, hoa là hai trần Sắc và Hương. Thức ăn là Vị Trần. Đựng hoa, rải hoa. Ta có thể nhận biết đây là kinh văn đem Ngũ Căn

của chúng sanh đối ứng Ngũ Trần.

“Thường tầu” là suốt cả sáu thời. “Vàng ròng làm đất” là cội đất được trang nghiêm bằng bảy báu, Thế là vàng ròng.

Ngày chia thành sơ, trung, hậu, gọi là ngày ba thời. Đêm chia thành sơ, trung, hậu, gọi là đêm ba thời. Vì thế, nói: “Ngày đêm sáu thời”. Nhưng y báo và chánh báo trong cội ấy mỗi thứ đều có quang minh, chẳng cần đến mặt trời, mặt trăng, há chia thành ngày đêm? Chỉ thuận theo phương này mà giả nói có phân chia thời hạn vậy.

Mạn Đà La, cội này dịch là Thích Ý, còn dịch là Bạch Hoa. “Y kích” là dụng cụ đựng hoa. “Chúng diệu hoa” chỉ rõ chẳng phải chỉ có một loại hoa Mạn Đà La. Hãy nên hiểu là bốn loại hoa như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhằm biểu thị bốn địa vị tu nhân⁹.

“Cúng dường Phật ở phương khác” biểu thị do nhân chân thật sẽ tiến đến quả cùng tốt, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Hơn nữa, dựa theo Sa Bà mà nói mười vạn ức Phật, nhằm nêu rõ ý: Đã sanh về Cực Lạc, trở về cúng dường Thích Ca, Di Lặc đều chẳng khó khăn gì! Nếu được thân lực của A Di Đà Phật gia bị thì xa cách mấy mà chẳng đến được ư?

“Thực thời” chính là lúc sáng sớm, nên nói “tức dĩ” (*liền ngay*), chỉ rõ Thần Túc chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng lìa cội ấy mà thường trọn khắp mười phương, chẳng mất thời gian quay trở lại. Đoạn văn này nêu rõ một thanh, một trần, một sát-na, thậm chí cất bước, khảy ngón tay trong cội Cực Lạc đều cùng với mười phương Tam Bảo quán triệt vô ngại.

Lại còn, chỉ rõ: Trong Sa Bà, trước nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách. Sanh về Cực Lạc, công đức rất sâu, tuy cách ngăn Sa Bà mà chẳng hề ngăn cách.

“Phạn thực kinh hành” là nghĩ tới ăn, đồ ăn hiện tới, chẳng mất công xếp đặt. Ăn xong, bát biến mất, chẳng mất công lau, cất. Chỉ kinh hành trên đất vàng,

⁹ Pháp sư Viên Anh giảng câu này như sau: “Kinh Pháp Hoa chép ‘trời mưa xuống Mạn Đà La Hoa, Ma Ha Mạn Đà La Hoa, Mạn Thù Sa Hoa (Nhu Nhuyễn Hoa), Ma Ha Mạn Thù Sa Hoa’. Dùng bốn loại hoa này để cúng dường các vị Phật nơi phương khác, nhằm biểu thị do cái nhân chân thật có thể tiến đến Phật quả, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Các địa vị Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa phá vô minh, thấy Pháp Thân, đây chính là chân nhân. Niệm niệm tiến hướng Phật quả Diệu Giác, quả đức trọn khắp mười phương nên nói cúng dường tha phương thập vạn ức Phật”. Theo lời giải thích này thì “bốn địa vị tu nhân” như ngài Ngẫu Ích đã nói trong đoạn văn này chính là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa.

vui hưởng hoa, âm nhạc, tùy ý tán tu mà thôi.

Chánh kinh:

舍利弗. 極樂國土. 成就如是功德莊嚴. 復次舍利弗. 彼國常有種種奇妙雜色之鳥. 白鶴. 孔雀. 鸚鵡. 舍利. 迦陵頻伽. 共命之鳥. 是諸眾鳥. 晝夜六時. 出和雅音. 其音演暢. 五根五力. 七菩提分. 八聖道分. 如是等法. 其土眾生. 聞是音已. 皆悉念佛. 念法. 念僧.

Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Phục thứ, Xá Lợi Phát! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diều, bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng chi diều. Thị chư chúng diều, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sớng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy.

Lại này, Xá Lợi Phát! Cõi ấy thường có các loài chim nhiều màu, kỳ diệu như bạch hạc, chim công, chim vẹt, xá-lợi, ca-lăng-tần già, cộng mạng. Những con chim ấy ngày đêm sáu thời hát tiếng hòa nhã. Tiếng hát ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... những pháp giống như vậy. Chúng sanh cõi ấy nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Giải:

种种奇妙杂色, 言多且美也, 下略出六种. 舍利, 旧云 鶯 鶯, 琦禅师云是春莺, 或然. 迦陵频伽, 此云妙音, 未出壳时, 音超众鸟. 共命, 一身两头, 识别报同. 此二种西域雪山等处有之, 皆寄此间爱赏者言其似而已. 六时出音, 则知净土不以鸟栖为夜, 良以莲华托生之身, 本无昏睡, 不假夜卧也. 五根等者, 三十七道品也. 所谓四念处, 一身念处, 二受念处, 三心念处, 四法念处. 四正勤, 一已生恶法令断, 二未生恶法不令生, 三未生善法令生, 四已生善法令增长. 四如意足, 一欲如意足, 二精进如意足, 三心如意足, 四思惟如意足. 五根者, 信正道及助道法名信根; 行正道及诸助道善法, 勤求不息, 名精进根; 念正道及诸助道善法, 更无他念, 名念根; 摄心在正道及诸助道善法中, 相应不散, 名定根; 为正道及诸助道善法, 观於苦等四谛, 名慧根. 五力者, 信根增长, 能破疑惑, 破诸邪信, 及破烦恼, 名信力; 精进根增长, 破种种身心懈怠, 成办

出世大事, 名精进力; 念根增长, 破诸邪念, 成就一切出世正念功德, 名念力; 定根增长, 能破乱想, 发诸事理禅定, 名定力; 慧根增长, 能遮通别诸惑, 发真无漏, 名慧力. 七菩提分, 亦名七觉分. 智慧观诸法时, 善能简别真伪, 不谬取诸虚伪法, 名择法觉分. 精进修诸道法时, 善能觉了, 不谬行於无益苦行, 常勤心在真法中行, 名精进觉分. 若心得法喜, 善能觉了此喜, 不依颠倒之法而喜, 住真法喜, 名喜觉分. 若断除诸见烦恼之时, 善能觉了, 除诸虚伪, 不损真正善根, 名除觉分. 若舍所见念着境时, 善能觉了所舍之境虚伪不实, 永不追忆, 名舍觉分. 若发诸禅定之时, 善能觉了诸禅虚假, 不生爱见妄想, 名定觉分. 若修出世道时, 善能觉了, 常使定慧均平; 或心沈没, 当念用择法, 精进, 喜三觉分以察起之; 或心浮动, 当念用除, 舍, 定三觉分以摄持之; 调和适中, 名念觉分. 八圣道分, 亦名八正道分. 修无漏行观, 见四谛分明, 名正见. 以无漏心相应思惟动发觉知筹量, 为令增长入大涅槃, 名正思惟. 以无漏慧除四邪命, 摄诸口业, 住一切正语中, 名正语. 以无漏慧除身一切邪业, 住清净正身业中, 名正业. 以无漏慧通除三业中五种邪命, 住清净正命中, 名正命. 以无漏慧相应勤精进修涅槃道, 名正精进. 以无漏慧相应念正道及助道法, 名正念. 以无漏慧相应入定, 名正定. 此等道品, 依生灭四谛而修, 即藏教道品. 依无生四谛而修, 即通教道品. 依无量四谛而修, 即别教道品. 依无作四谛而修, 即圆教道品. 藏道品名半字法门, 净土浊轻, 似不必用, 为小种先熟者或暂用之. 通道品名大乘初门, 三乘共禀, 同居净土多说之. 别道品名独菩萨法, 同居方便净土多说之. 圆道品名无上佛法, 有利根者, 於四净土皆得闻也. 如是等法者, 等前念处, 正勤, 如意足, 等余四摄, 六度, 十力无畏无量法门也. 三十七品, 收法虽尽, 而机缘不等, 作种种开合名义不同, 随所欲闻, 无不演畅. 故令闻者念三宝, 发菩提心, 伏灭烦恼也. 灼见慈威不可思议, 故念佛. 法喜入心, 法味充足, 故念法. 同闻共禀, 一心修证, 故念僧. 能念即三观. 所念三宝, 有别相, 一体及四教意义, 三谛权实之不同, 如上料简道品, 应知.

“Chúng chúng kỳ diệu tạp sắc”, ngôn đa thả mỹ dã.

Hạ lược xuất lục chúng. Xá-lợi, cừu vân Thu Lô, Kỳ thiên sư vân thị Xuân Oanh, hoặc nhiên. Ca-lăng- tần-già, thử vân Diệu Âm, vị xuất xác thời, âm siêu chúng diệu.

Cộng mạng, nhất thân, lưỡng đầu, thức biệt, báo đồng. Thử nhị chúng, Tây Vực Tuyết Sơn đẳng xứ hữu chi, giai ký thử gian ái thương giả, ngôn kỳ tự nhi dĩ. Lục thời xuất âm, tắc tri Tịnh Độ bất dĩ diệu thể vi dụ. Lương dĩ liên hoa thác sanh chi thân, bốn vô hôn thù, bất giả dụ ngoại dã.

Ngũ Căn đấng giả, Tam Thập Thất Đạo Phẩm dã. Sở vị Tứ Niệm Xứ, nhất Thân Niệm Xứ, nhị Thọ Niệm Xứ, tam Tâm Niệm Xứ, tứ Pháp Niệm Xứ.

Tứ Chánh Căn:

Nhất, dĩ sanh ác pháp linh đoạn.

Nhị, vị sanh ác pháp linh bất sanh.

Tam, vị sanh thiện pháp linh sanh.

Tứ, dĩ sanh thiện pháp linh tăng trưởng.

Tứ Như Ý Túc:

Nhất, Dục Như Ý Túc.

Nhị, Tinh Tấn Như Ý Túc.

Tam, Tâm Như Ý Túc.

Tứ, Tư Duy Như Ý Túc.

Ngũ Căn giả,

- *Tín chánh đạo, cập trợ đạo pháp, danh Tín Căn.*
- *Hành chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, cần cầu bất tức, danh Tinh Tấn Căn.*
- *Niệm chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, cánh vô tha niệm, danh Niệm Căn.*
- *Nhiếp tâm tại chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp trung, tương ứng bất tán, danh Định Căn.*
- *Vị chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, quán ư Khổ đấng Tứ Đế, danh Huệ Căn.*

Ngũ Lực giả,

- *Tín Căn tăng trưởng, năng phá nghi hoặc, phá chư tà tín, cập phá phiền não, danh Tín Lực.*
- *Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá chủng chủng thân tâm giải đãi, thành biện xuất thế đại sự, danh Tinh Tấn Lực.*
- *Niệm Căn tăng trưởng, phá chư tà niệm, thành tựu nhất thiết xuất thế*

chánh niệm công đức, danh Niệm Lực.

- *Định Căn tăng trưởng, năng phá loạn tưởng, phát chư Sự Lý Thiền Định, danh Định Lực.*
- *Huệ Căn tăng trưởng, năng giá thông biệt chư Hoặc, phát chân vô lậu, danh Huệ Lực.*

Thất Bồ Đề Phần, diệc danh Thất Giác Phần. Trí huệ quán chư pháp thời, thiện năng giản biệt chân nguy, bất mậu thủ chư hư nguy pháp, danh Trạch Pháp Giác Phần.

Tinh tấn tu chư đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, bất mậu hành u vô ích khổ hạnh, thường cần tâm tại chân pháp trung hành, danh Tinh Tấn Giác Phần.

Nhược tâm đắc pháp hỷ, thiện năng giác liễu thử hỷ, bất y diên đảo chi pháp nhi hỷ, trụ chân pháp hỷ, danh Hỷ Giác Phần.

Nhược đoạn trừ chư kiến phiền não chi thời, thiện năng giác liễu, trừ chư hư nguy, bất tổn chân chánh thiện căn, danh Trừ Giác Phần.

Nhược xả sở kiến niệm trước cảnh thời, thiện năng giác liễu sở xả chi cảnh, hư nguy bất thực, vĩnh bất truy ức, danh Xả Giác Phần.

Nhược phát chư Thiên Định chi thời, thiện năng giác liễu chư Thiên hư giả, bất sanh ái kiến vọng tưởng, danh Định Giác Phần.

Nhược tu xuất thế đạo thời, thiện năng giác liễu, thường sử Định Huệ quân bình.

Hoặc tâm trầm một, đương niệm dụng Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ tam giác phần, dĩ sát khởi chi.

Hoặc tâm phù động, đương niệm dụng Trừ, Xả, Định tam giác phần, dĩ nhiếp trì chi, điều hòa thích trung, danh Niệm Giác Phần.

Bát Thánh Đạo Phần, diệc danh Bát Chánh Đạo Phần. Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh, danh Chánh Kiến.

Dĩ vô lậu tâm tương ứng tư duy, động phát giác tri trừ lượng, vị linh tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, danh Chánh Tư Duy.

Dĩ vô lậu huệ, trừ tứ tà mạng, nhiếp chư khẩu nghiệp, trụ nhất thiết chánh ngữ trung, danh Chánh Ngữ.

Dĩ vô lậu huệ, thông trừ tam nghiệp trung ngữ chủng tà mạng, trụ thanh tịnh

chánh mạng trung, danh Chánh Mạng.

Dĩ vô lậu huệ, trừ thân nhất thiết tà nghiệp, trụ thanh tịnh chánh thân nghiệp trung, danh Chánh Nghiệp.

Dĩ vô lậu huệ tương ứng, cần tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, danh Chánh Tinh Tấn.

Dĩ vô lậu huệ tương ứng, niệm chánh đạo cập trợ đạo pháp, danh Chánh Niệm.

Dĩ vô lậu huệ tương ứng nhập Định, danh Chánh Định.

Thử đẳng đạo phẩm, y Sanh Diệt Tứ Đế nhi tu, tức Tạng Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Sanh Tứ Đế nhi tu, tức Thông Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Lượng Tứ Đế nhi tu, tức Biệt Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Tác Tứ Đế nhi tu, tức Viên Giáo Đạo Phẩm.

Tạng Đạo Phẩm, danh bán tự pháp môn. Tịnh Độ trước khinh, tự bất tất dụng, vì Tiểu chủng tiên thực giả, hoặc tạm dụng chi.

Thông Đạo Phẩm, danh Đại Thừa sơ môn, tam thừa cộng bảm, Đồng Cư Tịnh Độ đa thuyết chi.

Biệt Đạo Phẩm, danh độc Bồ Tát pháp, Đồng Cư, Phương Tiện độ đa thuyết chi.

Viên Đạo Phẩm, danh vô thượng Phật pháp, hữu lợi căn giả, ư tứ Tịnh Độ, giai đắc văn dã.

“Như thị đẳng pháp” giả, đẳng tiền Niệm Xứ, Chánh Cần, Như Ý Túc, đẳng dư Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn dã.

Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận, nhi cơ duyên bất đẳng, tác chủng chủng khai hợp, danh nghĩa bất đồng, tùy sở dục văn, vô bất diễn sớ. Cổ linh văn giả, niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã.

Chước kiến từ oai bất khả tư nghị, cố niệm Phật. Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc, cố niệm Pháp. Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng.

Năng niệm tức Tam Quán. Sở niệm Tam Bảo, hữu biệt tướng nhất thể, cập tứ giáo ý nghĩa.

Tam Đế quyền, thật chi bất đồng, như thượng liệu giản đạo phẩm ưng tri.

“Chủng chủng kỳ diệu tạp sắc” ý nói [các loài chim trong cõi Cực Lạc] đã

nhiều còn đẹp.

Tiếp đó, kinh nêu đại lược sáu loại. Xá-lợi, thời cổ dịch là Thu Lộ, Kỳ thiền sư nói nó chính là chim Xuân Oanh, chắc có lẽ là đúng. Ca-lăng-tần- già, cõi này dịch là Diệu Âm. Chim này khi chưa ra khỏi vỏ trứng, tiếng hót của nó đã vượt trội các loài chim khác. Cộng Mạng là chim có hai đầu một thân, mỗi đầu có thần thức khác biệt, nhưng có chung một báo thân. Hai loại chim này có ở những nơi như Tuyết Sơn v.v... bên Tây Vực.

Đều là mượn tên những loài chim được yêu thích, tán thưởng trong cõi này để tạm mô tả [những loài chim trong cõi Cực Lạc] mà thôi. [Do kinh chép] “sáu thời vang tiếng hót” nên biết là trong Tịnh Độ chẳng coi chim đậu là đêm¹⁰; ấy là vì thân sanh từ hoa sen sanh ra, vốn chẳng có buồn ngủ, nên đêm chẳng cần ngủ.

Ngũ Căn v.v... là nói về ba mươi bảy đạo phẩm, nghĩa là: Tứ Niệm Xứ gồm một là Thân Niệm Xứ, hai là Thọ Niệm Xứ, ba là Tâm Niệm Xứ, bốn là Pháp Niệm Xứ.

Tứ Chánh Cần:

1. Pháp ác đã sanh khiến đoạn.
2. Pháp ác chưa sanh làm cho chẳng sanh.
3. Pháp thiện chưa sanh khiến sanh.
4. Pháp thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng.

Tứ Như Ý Túc:

1. Dục Như Ý Túc.
2. Tinh Tấn Như Ý Túc.
3. Tâm Như Ý Túc

¹⁰ Đây chính là lời phản bác những cách diễn giải sai lạc lời tán thán cõi Cực Lạc của pháp sư Khuy Cơ trong bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ. Trong bộ sách ấy, pháp sư Khuy Cơ đã viết như sau: “*Hoa khai kim phổ, hóa sanh vì thiên thụ chi tình. Diệu thể quỳnh lâm, Bồ Tát tác thời hôn chi tướng*” (Hoa nở đất vàng, kẻ hóa sanh còn mang ý niệm trời vừa rạng sáng. Chim đậu rừng quỳnh, Bồ Tát ngộ là trời đã tối). Ở đây, pháp sư Khuy Cơ không hề giải thích khi hoa khép, chim đậu là trời tối, mà chỉ nhằm nói lên một sự kiện: Những người vãng sanh trong cõi Đông Cư Tịnh Độ, do đời nghiệp vãng sanh, còn mang nhiều tình kiến nên có những ý niệm sáng tối, chứ thật ra cõi Cực Lạc không hề sáng hay tối, ngày hay đêm v.v...

4. Tư Duy Như Ý Túc.

Ngũ Căn:

1. Tin vào chánh đạo và pháp trợ đạo, gọi là Tín Căn.
2. Hành chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, siêng cầu chẳng nghỉ, gọi là Tinh Tấn Căn.
3. Niệm chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, trọn không có niệm nào khác, gọi là Niệm Căn.
4. Nhiếp tâm nơi chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, tương ứng, chẳng tán loạn, gọi là Định Căn.
5. Vì chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo mà quán Tứ Đế như Khổ v.v... thì gọi là Huệ Căn.

Ngũ Lực:

1. Tín Căn tăng trưởng có thể phá nghi hoặc, phá các tà tín và phá phiền não, gọi là Tín Lực.
2. Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá các thứ biếng nhác nơi thân tâm, hoàn thành đại sự xuất thế, gọi là Tinh Tấn Lực.
3. Niệm Căn tăng trưởng, phá các tà niệm, thành tựu hết thấy công đức chánh niệm xuất thế, gọi là Niệm Lực.
4. Định Căn tăng trưởng, phá được loạn tưởng, phát khởi các Sự Lý Thiên Định, gọi là Định Lực.
5. Huệ Căn tăng trưởng, có thể ngăn chặn các Hoặc chung và riêng, phát khởi vô lậu chân thật, gọi là Huệ Lực.

Thất Bồ Đề Phần còn gọi là Thất Giác Phần.

1. Khi dùng trí huệ quán các pháp, có thể khéo phân biệt chân và ngụy, chẳng lầm lẫn giữ lấy pháp hư ngụy thì gọi là Trạch Pháp Giác Phần.
2. Khi tinh tấn tu các pháp đạo, có thể khéo hiểu rõ, chẳng làm lạc hành các khổ hạnh vô ích, thường dốc lòng siêng năng hành pháp chân thật thì gọi là Tinh Tấn Giác Phần.
3. Nếu tâm đắc pháp hỷ, khéo có thể hiểu rõ niềm vui này, chẳng vui theo những pháp điên đảo, trụ trong chân pháp hỷ, thì gọi là Hỷ Giác Phần.

4. Nếu khi đoạn trừ các kiến phiền não, khéo có thể giác ngộ, trừ các hư ngụy, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh thì gọi là Trừ Giác Phần.

5. Nếu buông bỏ sự chấp trước vào cảnh trong khi thấy nghĩ, khéo có thể hiểu rõ cảnh bị bỏ là hư ngụy, chẳng thật, vĩnh viễn chẳng theo đuổi, nhớ tưởng chúng thì gọi là Xả Giác Phần.

6. Nếu lúc phát khởi các Thiên Định mà khéo có thể hiểu rõ các môn Thiên là hư giả, chẳng sanh ái kiến, vọng tưởng, thì gọi là Định Giác Phần.

Nếu khi tu đạo xuất thế, khéo có thể hiểu rõ, thường khiến cho Định và Huệ cân bằng. Nếu tâm chìm đắm, hãy nên nghĩ dùng ba thứ Giác Phần là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để đẩy lên sự quán sát.

7. Nếu tâm phập phều, chao động, hãy nên nghĩ dùng ba môn Giác Phần là Trừ, Xả và Định để nhiếp trì cái tâm, điều hòa cho thích hợp, thì gọi là Niệm Giác Phần.

Bát Thánh Đạo Phần còn gọi là Bát Chánh Đạo Phần.

1. Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế rành mạch, thì gọi là Chánh Kiến.

2. Dùng tâm vô lậu để tư duy tương ứng, đầy khởi sự hay biết, tính toán, so sánh, nhằm tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, thì gọi là Chánh Tư Duy.

3. Dùng vô lậu huệ trừ bốn thứ tà mạng, giữ gìn các khẩu nghiệp, luôn nói hết thấy lời lẽ chân chánh thì gọi là Chánh Ngữ.

4. Dùng vô lậu huệ để trừ hết thấy tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh chân chánh thì gọi là Chánh Nghiệp.

5. Dùng vô lậu huệ trừ trọn năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh, thì gọi là Chánh Mạng.

6. Do tương ứng với vô lậu huệ mà siêng năng tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, thì gọi là Chánh Tinh Tấn.

7. Do tương ứng với vô lậu huệ nên niệm chánh đạo và pháp trợ đạo thì gọi là Chánh Niệm.

8. Do tương ứng với vô lậu huệ nên nhập Định thì gọi là Chánh Định.

Những đạo phẩm này, nương theo Sanh Diệt Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Tạng Giáo; nương theo Vô Sanh Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Thông Giáo; nương theo Vô Lượng Tứ Đế mà tu chính là Đạo Phẩm trong Biệt

Giáo; nương theo Vô Tác Tứ Đế để tu thì là Đạo Phẩm trong Viên Giáo.

Đạo phẩm của Tạng Giáo gọi là bán tự pháp môn. Trong Tịnh Độ trước ác nhẹ nhàng, nên hầu như không cần phải dùng đến, nhưng vì người căn cơ Tiểu Thừa đã quen nghe từ trước nên tạm dùng đến.

Đạo phẩm của Thông Giáo, gọi là Đại Thừa sơ môn, ba thừa cùng vãng nhận, trong Đồng Cư Tịnh Độ thường nói nhiều về đạo phẩm này.

Đạo phẩm của Biệt Giáo, gọi là pháp dành riêng cho Bồ Tát, được nói nhiều trong hai cõi Tịnh Độ Đồng Cư và Phương Tiện.

Đạo phẩm của Viên Giáo, gọi là Phật pháp vô thượng, kẻ có lợi căn ở trong bốn cõi ấy sẽ đều được nghe nói tới.

“Những pháp giống như vậy” nghĩa là những pháp giống như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc trong phần trước và những pháp khác như Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn.

Ba mươi bảy phẩm tuy bao gồm trọn hết các pháp, nhưng do cơ duyên khác nhau mà có các thứ mở rộng, hay tóm gọn, danh nghĩa khác nhau, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Vì thế, có thể làm cho người nghe nghĩ nhớ Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, khuất phục, diệt trừ phiền não.

Thấy rõ ràng rành oai đức từ bi chẳng thể nghĩ bàn, vì thế niệm Phật. Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập, vì thế niệm Pháp. Cùng nghe, cùng tiếp nhận, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng.

Năng niệm là Tam Quán. Sở niệm là Tam Bảo, tuy có tướng sai khác, nhưng là cùng một Thể, và mang ý nghĩa bốn phương pháp giáo hóa.

Tam Đế có quyền biến hay thật pháp khác nhau, hãy nên dựa theo sự phân định về đạo phẩm trong phần trước để hiểu điều này.

Chánh kinh:

舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。

Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật? Thị chư chúng điều giai thị A Di Đà Phật dục linh

pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

Này Xá Lợi Phất! Ông đừng nói những con chim ấy là do tội báo mà sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác. Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ba đường ác, huống là có thật! Các loài chim ấy là do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được lan truyền rộng khắp mà biến hóa ra.

Giải:

徵釋可知. 问: 白鹤等非恶道名耶? 答: 既非罪报, 则一一名字, 皆詮如来究竟功德. 所谓究竟白鹤等, 无非性德美称, 岂恶名哉. 问: 化作众鸟何义? 答: 有四悉檀因缘. 凡情喜此诸鸟, 顺情而化, 令欢喜故; 鸟尚说法, 令闻生善故; 不於鸟起下劣想, 对治分别心故; 鸟即弥陀, 令悟法身平等, 无不具无不造故. 此中显微风, 树, 网等音, 及一切依正假实, 当体即是阿弥陀佛三身四德, 毫无差别也.

Trung thích khả tri.

Vấn: Bạch hạc đẳng, phi ác đạo danh da?

Đáp: Ký phi tội báo, tắc nhất nhất danh tự, giai thuyên Như Lai cứu cánh công đức. Sở vị cứu cánh, bạch hạc đẳng, vô phi tánh đức mỹ xưng, khởi ác danh tai!

Vấn: Hóa tác chúng điều hà nghĩa?

Đáp: Hữu Tứ Tật Đàn nhân duyên. Phàm tình hỷ thử chư điều, thuận tình nhi hóa, linh hoan hỷ cố. Điều thượng thuyết pháp, linh văn sanh thiện cố, bất ư điều khởi hạ liệt tướng, đối trị phân biệt tâm cố. Điều tức Di Đà, linh ngộ Pháp Thân bình đẳng, vô bất cụ, vô bất tạo cố. Thử trung hiển vi phong, thụ, vãng đẳng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật. Tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã.

Lời Phật gạn hỏi và lời Ngài tự giải thích dễ hiểu.

Hỏi: Những danh từ như bạch hạc v.v... chẳng phải là danh xưng trong ác đạo ư?

Đáp: Đã không có tội báo thì mỗi một danh tự đều nói lên công đức rất ráo của Như Lai. Đã nói là rất ráo thì những danh tự như bạch hạc v.v... không gì chẳng phải mỹ hiệu của tánh đức, há có phải là ác danh vậy thay!

Hỏi: [A Di Đà Phật] hóa ra các loài chim có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Có nhân duyên của Tứ Tất Đàn. Phàm tình ưa thích những loài chim ấy nên thuận theo lòng chúng sanh ưa thích mà hóa ra, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] hoan hỷ. Chim còn có thể thuyết pháp, khiến cho người nghe sanh điều thiện, sẽ chẳng khởi ý niệm coi những con chim ấy là kém hèn, nhằm đối trị cái tâm phân biệt. Chim chính là Di Đà, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] ngộ Pháp Thân bình đẳng, không gì chẳng đầy đủ, không gì chẳng tạo.

Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu, v.v... và hết thảy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may.

Chánh kinh:

舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生。念佛。念法。念僧之心。

Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc tấu lên. Kẻ nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Giải:

情与无情，同宣妙法。四教道品，无量法门，同时演说，随类各解，能令闻者念三宝也。念三宝是从悉檀获益。凡夫创闻，大踊遍身，是欢喜益；与三口气分交接，必能发菩提心，是生善益；由此伏灭烦恼，是破恶益；证悟一体三宝，是入理益也。初别明竟。

Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo đã.

Niệm Tam Bảo, thị tùng Tất Đàn hoạch ích. Phàm phu sáng văn, đại dũng biến thân, thị hoan hỷ ích. Dữ Tam Bảo khí phạm giao tiếp, tất năng phát Bồ Đề tâm, thị sanh thiện ích. Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích. Ngộ chứng

Nhất Thế Tam Bảo, thị nhập lý ích dã. Sơ biệt minh cánh.

Hữu tình và vô tình cùng tuyên diệu pháp, [diệu pháp ấy chính là ba mươi bảy] đạo phẩm của tứ giáo [Tạng, Thông, Biệt, Viên], vô lượng pháp môn, cùng lúc diễn nói, tùy theo từng loài, loài nào cũng hiểu, khiến cho người nghe niệm Tam Bảo.

Niệm Tam Bảo là do [bốn môn] Tất Đàn mà được lợi ích. Phàm phu vừa nghe những pháp ấy, khắp thân rung động, là lợi ích hoan hỷ. Được tiếp xúc với khí phận¹¹ Tam Bảo, ắt có thể phát Bồ Đề tâm, là lợi ích “sanh ra điều lành”. Do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, đây là lợi ích “phá ác”. Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”.

Phân giảng riêng thứ nhất [tức phân giảng về sự trang nghiêm nơi y báo] đã xong.

Chánh kinh:

舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.

Giải:

重重結示，令深信一切莊嚴，皆導師愿行所成，种智所現；皆吾人淨業所感，唯識所變。佛心生心，互為影質，如眾灯明，各遍似一。全理成事，全事即理，全性起修，全修在性。亦可深長思矣！奈何離此淨土，別談唯心淨土，甘墮鼠即鳥空之消也哉！初依報妙竟。

Trùng trùng kết thị, linh tâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai đạo sư nguyện hạnh sở thành, Chứng Trí sở hiện, giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm. Duy Thức sở biến, Phật tâm, sanh tâm, hỗ vi ảnh chất. Như chúng đẳng minh, các biến tự nhất. Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn Tánh khởi Tu, toàn Tu tại Tánh,

¹¹ Khí phận: Theo nghĩa gốc, khí phận là giới hạn giữa người và vật. Đây là nghĩa được dùng đầu tiên trong sách Không Tử Gia Ngữ. Về sau, chữ này được dùng với nghĩa rộng hơn, có nghĩa là “tiếp nhận khí chất, phẩm tánh của một hạng người nào đó”, như trong bài Pháp Vân Tự Lễ Bái Thạch Ký, Tô Thức đã viết: “*Văn ngã Phật tu đạo thời, sở nê sào đỉnh, chiêm Phật khí phận, hậu giai thọ báo*” (Nghe nói khi đức Phật ta tu đạo, chim chóc tha bòn cỏ làm tổ trên đỉnh đầu Ngài, được tiếp nhận khí phận của Phật, về sau chúng đều được hưởng báo). Khí phận cũng thường được dùng như một khái niệm bao gồm “tánh chất, phẩm đức, thiên hướng”.

diệc khả thâm trường tư hỹ.

Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đoạ thử tức điều không chi tiểu dã tai. Sơ y báo diệu cánh.

Nhiều phen kết lại lời dạy, nhằm làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thảy các sự trang nghiêm đều là do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chủng Trí hiện ra, đều là do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm. Chỉ do Thức biến, tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau. Như ánh sáng của các ngọn đèn, ánh sáng của mỗi ngọn đều trọn khắp giống như chỉ có một ngọn đèn. Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý, dùng toàn thể Tánh để tu tập, hoàn toàn tu hành nơi Tánh, cũng nên suy nghĩ sâu xa điều này vậy.

Hiềm rằng, lìa khỏi cõi Tịnh Độ này thì đừng bàn đến “duy tâm Tịnh Độ” nữa, cam lòng bị chê cười là “thử tức, điều không”¹² vậy thay! Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần] giảng về sự màu nhiệm nơi y báo đến đây là hết.

Chánh kinh:

舍利弗。於汝意云何。彼佛何故。號阿彌陀。

Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố, hiệu A Di Đà?

Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà?

Giải:

此经的示持名妙行，故特徵释名号，欲人深信万德洪名不可思议，一心执持，无复疑贰也。

阿弥陀，正翻无量，本不可说。本师以光，寿二义，收尽一切无量。光则横遍十方，寿则竖穷三际。横竖交彻，即法界体。举此体作弥陀身土，亦即举此体作弥陀名号。是故 弥陀名号，即众生本觉理性。持名，即始觉合本。始本不二，生佛不二。故一念相应一念佛，念念相应念念佛也。

Thử kinh đích thị trì danh diệu hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dục nhân thâm tín, vạn đức hồng danh bất khả tư nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục

¹² “Thử tức, điều không” là thành ngữ chế giễu kẻ học Phật không hiểu biết hoặc chỉ thích bàn xuông, nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” thì cũng cứ lập lại “tức tức” giống như tiếng chuột kêu “tức tức” (chữ Tức (即) có âm Quan Thoại jí, khá giống với tiếng chuột kêu chút chút), mà chẳng hiểu “tức tức” là gì. Lại nghe nói: “Vạn pháp là không” thì cũng nói: “Không, không” giống như tiếng chim kêu trên không trung, mà chẳng hiểu “không không” là gì.

nghi nhị dã. A Di Đà, chánh phiên “vô lượng”, bốn bất khả thuyết. Bốn Sur dĩ Quang, Thọ nhị nghĩa, thâm tận nhất thiết vô lượng. Quang tắc hoành biến thập phương, Thọ tắc thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, tức Pháp Giới Thể. Cử thử Thể tác Di Đà thân độ, diệt tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu.

Thị cố, Di Đà danh hiệu, tức chúng sanh bốn giác lý tánh. Trì danh, tức Thi Giác hợp Bốn. Thi Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã.

Đây là kinh nêu bày đích xác diệu hạnh trì danh, nên đặc biệt gạn hỏi và giải thích danh hiệu, muốn cho người ta tin tưởng sâu xa vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, một lòng chấp trì không còn nghi ngờ.

A Di Đà Phật, dịch đúng nghĩa là “vô lượng”, vốn chẳng thể nói được. Bốn Sur [Thích Ca Mâu Ni Phật] dùng hai nghĩa Quang và Thọ để gồm thâu trọn hết thấy những điều vô lượng. Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc cùng tột ba đời. Ngang dọc đan xen vào nhau thấu suốt cùng tận, đây chính là Thể của pháp giới. Nêu ra cái Thể này để làm thân và cõi nước của A Di Đà Phật, mà cũng là nêu ra cái Thể nhằm tạo nên danh hiệu A Di Đà.

Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác lý tánh của chúng sanh. Trì danh chính là Thi Giác hợp với Bốn Giác. Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Chánh kinh:

舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀佛。

Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà Phật.

Này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước không bị chướng ngại. Do vậy, Ngài có hiệu là A Di Đà Phật.

Giải:

心性寂而常照，故为光明。今彻证心性无量之体，故光明无量也。诸佛皆彻性体，皆照十方，皆可名无量光。而因中愿力不同，随因缘立别名。弥陀为法藏比丘，发四十八愿，有光明恒照十方之愿，今果成如愿也。法身光明无分际，报身光明称真性，此则佛佛道同。应身光明有照一由旬者，十百千由旬者，一世界十百千世界者。唯阿弥普照，故别名无量光。然三身不一不异，为

令众生得四益故，作此分别耳。当知无障碍，约人民言。由众生与佛缘深，故佛光到处，一切世间无不圆见也。

Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố quang minh vô lượng dã.

Chư Phật giai triệt tánh thể, giai chiếu thập phương, giai khả danh Vô Lượng Quang, nhi nhân trung nguyện lực bất đồng, tùy nhân duyên lập biệt danh. Di Đà vi Pháp Tạng tỳ-kheo, phát tứ thập bát nguyện, hữu “quang minh hằng chiếu thập phương” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện dã.

Pháp Thân quang minh vô phân tế. Báo Thân quang minh xứng chân tánh. Thử tắc Phật Phật đạo đồng. Ứng Thân quang minh hữu chiếu nhất do-tuần giả, thập, bách, thiên do-tuần giả, nhất thế giới, thập, bách, thiên thế giới giả. Duy A Di phổ chiếu, cố biệt danh Vô Lượng Quang. Nhiên tam thân bất nhất bất dị, vị linh chúng sanh đắc tứ ích, cố tác thử phân biệt nhĩ. Đương tri vô chướng ngại, ước nhân dân ngôn.

Do chúng sanh dữ Phật duyên thâm, cố Phật quang đáo xứ. Nhất thiết thế gian, vô bất viên kiến dã.

Tâm tánh tịch mà thường chiếu nên gọi là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh nên quang minh vô lượng.

Chư Phật đều chứng thấu triệt tánh thể, [quang minh] đều chiếu mười phương, đều có thể gọi là Vô Lượng Quang. Nhưng trong lúc tu nhân nguyện lực khác nhau, tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác. A Di Đà Phật khi còn là tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, trong số ấy có nguyện “quang minh luôn chiếu mười phương”. Nay thật sự thành tựu đúng như lời nguyện.

Pháp Thân quang minh không ngăn mé. Báo Thân quang minh xứng hợp chân tánh. Đây chính là điều chư Phật vị nào cũng giống nhau. Quang minh nơi Ứng Thân thì có vị chiếu một do-tuần, mười, trăm, ngàn do-tuần, một thế giới, trăm, mười, ngàn thế giới, chỉ có A Di Đà Phật quang minh chiếu trọn khắp, nên đặc biệt có tên là Vô Lượng Quang. Nhưng ba thân chẳng một, chẳng khác, nhằm làm cho chúng sanh đạt được bốn thứ lợi ích nên phân biệt như vậy mà thôi! Hãy nên biết rằng: “Không chướng ngại” là dựa theo phía nhân dân mà nói.

Do chúng sanh có duyên sâu với Phật nên Phật quang chiếu khắp mọi nơi, hết thấy thế gian không đâu chẳng thấy trọn vẹn.

Chánh kinh:

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

Hữu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

Lại này Xá Lợi Phát! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà.

Giải:

心性照而常寂，故为寿命。今彻证心性无量之体，故寿命无量也。法身寿命无始无终，报身寿命有始无终。此亦佛佛道同，皆可名无量寿。应身随愿随机，延促不等。法藏愿王，有佛及人寿命皆无量之愿，今果成如愿，别名无量寿也。阿僧只，无边，无量，皆算数名，实有量之无量。然三身不一不异，应身亦可即是无量之无量矣。及者，并也。人民，指等觉以还。谓佛寿命并其人民寿命，皆无量等也。当知光寿名号，皆本众生建立。以生佛平等，能令持名者，光明寿命同佛无异也。复次由无量光义，故众生生极乐即生十方，见阿弥陀佛即见十方诸佛，能自度即普利一切。由无量寿义，故极乐人民，即是一生补处，皆定此生成佛，不至异生。当知离却现前一念无量光寿之心，何处有阿弥陀佛名号。而离却阿弥陀佛名号，何由彻证现前一念无量光寿之心。愿深思之，愿深思之。

Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã. Pháp Thân thọ mạng, vô thí vô chung. Báo Thân thọ mạng, hữu thí vô chung. Thử diệc Phật Phật đạo đồng, giai khả danh Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy nguyện, tùy cơ, diên súc bất đẳng.

Pháp Tạng nguyện vương, hữu “Phật cập nhân, thọ mạng giai vô lượng” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện, biệt danh Vô Lượng Thọ dã. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, giai toán số danh, thật hữu lượng chi vô lượng. Nhiên tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệc khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ.

Cập giả, tịnh dã. “Nhân dân” chỉ Đẳng Giác dĩ hoàn, vị Phật thọ mạng, tịnh kỳ nhân dân thọ mạng, giai vô lượng đẳng dã.

Đương tri quang thọ danh hiệu, giai bốn chúng sanh kiến lập. Dĩ sanh Phật bình đẳng, năng linh trì danh giả, quang minh, thọ mạng, đồng Phật vô dị dã.

Phục thứ, do vô lượng quang nghĩa cố, chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh

thập phương. Kiến A Di Đà Phật, tức kiến thập phương chư Phật. Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết. Do vô lượng thọ nghĩa cổ, Cực Lạc nhân dân tức thị Nhất Sanh Bồ Xứ, giai định thử sanh thành Phật, bất chí dị sanh.

Đương tri lý khước hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm, hà xứ hữu A Di Đà Phật danh hiệu? Nhi lý khước A Di Đà Phật danh hiệu, hà do triệt chứng hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm? Nguyên thâm tư chi, nguyên thâm tư chi.

Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng. Thọ mạng của Pháp Thân không khởi đầu, không kết thúc; thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc. Đây chính là điều giống nhau giữa chư Phật nên vị nào cũng đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ.

Ứng Thân tùy theo nguyện, tùy theo căn cơ mà thọ mạng kéo dài hay rút ngắn khác nhau. Trong nguyện vương của ngài Pháp Tạng có lời nguyện “thọ mạng của Phật và nhân dân đều vô lượng”, nay quả thật thành tựu đúng như lời nguyện, nên riêng Ngài có tên là Vô Lượng Thọ. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, đều là những tên gọi trong toán số, quả thật là vô lượng trong hữu lượng; nhưng tam thân chẳng một, chẳng khác nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng.

“Cập” là “và”. Chữ “nhân dân” chỉ những người từ Đẳng Giác trở xuống, ý nói: Thọ mạng của Phật và nhân dân của Ngài đều bình đẳng vô lượng. Hãy nên biết danh hiệu quang thọ đều vốn vì chúng sanh mà kiến lập. Do chúng sanh và Phật bình đẳng nên có thể khiến cho quang minh và thọ mạng của người trì danh giống như Phật chẳng khác.

Lại nữa, do ý nghĩa “vô lượng quang” mà chúng sanh sanh về Cực Lạc tức là sanh về mười phương, thấy A Di Đà Phật chính là thấy mười phương chư Phật. Có thể tự độ chính là lợi ích khắp hết thấy. Do ý nghĩa “vô lượng thọ” nên nhân dân trong cõi Cực Lạc chính là Nhất Sanh Bồ Xứ, đều nhất định thành Phật ngay trong đời này, chẳng đợi đến đời khác.

Hãy nên biết: Lìa khỏi một niệm tâm vô lượng quang thọ thì danh hiệu A Di Đà Phật sẽ do đâu mà có? Nhưng lìa khỏi danh hiệu A Di Đà Phật thì còn có cách nào để chứng thâu triệt một niệm tâm vô lượng quang thọ? Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa.

Chánh kinh:

舍利弗。阿彌陀佛成佛已來。於今十劫。

Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp.

Này Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Giải:

此明极乐世界教主成就也。然法身无成无不成，不应论劫。报身因圆果满名成，应身为物示生名成，皆可论劫。又法身因修德显，亦可论成论劫。报身别无新得，应身如月印川，亦无成不成，不应论劫。但诸佛成道，各有本迹，本地并不可测。且约极乐示成之迹而言，即是三身一成一切成，亦是成非不成而论成也。又佛寿无量，今仅十劫。则现在说法，时正未央。普劝三世众生速求往生，同佛寿命，一生成办也。又下文无数声闻菩萨及与补处，皆十劫所成就。正显十方三世往生不退者，多且易也。

Thử minh Cực Lạc thế giới giáo chủ thành tựu dĩ. Nhiên Pháp Thân vô thành, vô bất thành, bất ưng luận kiếp. Báo Thân nhân viên quả mãn, danh Thành. Ứng Thân vị vật thị sanh, danh Thành, giai khả luận kiếp.

Hựu, Pháp Thân nhân Tu Đức hiển, diệt khả luận thành, luận kiếp. Báo Thân biệt vô tân đắc, Ứng Thân như nguyệt ẩn xuyên, diệt vô thành, bất thành, bất ưng luận kiếp.

Đản chư Phật thành đạo, các hữu Bốn, Tích. Bốn địa tịnh bất khả trắc. Thả ước Cực Lạc thị thành chi Tích nhi ngôn, tức thị tam thân, nhất thành, nhất thiết thành. Diệt thị phi thành, phi bất thành, nhi luận thành dĩ.

Hựu, Phật thọ vô lượng, kim căn thập kiếp, tất hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị ương, phổ khuyến tam thế chúng sanh, tốc cầu vãng sanh, đồng Phật thọ mạng, nhất sanh thành biện dĩ. Hựu, hạ văn vô số Thanh Văn, Bồ Tát, cập dữ Bồ Xứ, giai thập kiếp sở thành tựu, chánh hiển thập phương tam thế, vãng sanh Bất Thoái giả, đa thả dĩ dĩ.

Điều này nói về sự thành tựu của bậc giáo chủ trong thế giới Cực Lạc; nhưng Pháp Thân chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận đến kiếp số. Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”. Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giảng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số.

Lại nữa, Pháp Thân do Tu Đức mà hiển lộ nên cũng có thể luận định “thành” và kiếp số. Báo Thân chẳng phải là mới đạt được. Ứng Thân như mặt trăng in bóng trên sông nên cũng chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận định

kiếp số.

Nhưng chư Phật thành đạo, mỗi vị đều có Bốn và Tích. Bốn địa trọn chẳng thể suy lường được. Lại ước theo sự thị hiện thành Phật nơi Tích môn trong cõi Cực Lạc mà nói thì đối với tam thân, hễ thành được một thì hết thấy đều thành. Cũng có nghĩa là “chẳng phải thành, chẳng phải không thành”, nhưng lại luận định về sự “thành Phật”.

Hơn nữa, Phật thọ vô lượng, nay [A Di Đà Phật] mới chỉ [thành Phật] mười kiếp, tức là Ngài đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian đức Phật còn tại thế chưa hết, khuyên khắp các chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu vãng sanh để có thọ mạng giống hệt như Phật, hoàn thành sự tu học chỉ trong một đời.

Hơn nữa, trong đoạn kinh văn phía sau có nói vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ đều thành tựu trong mười kiếp, chỉ rõ những người vãng sanh [chứng đắc] Bất Thoái trong mười phương ba đời đã nhiều lại còn dễ dàng.

Chánh kinh:

又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數所能知。諸菩薩衆。亦復如是。

Hựu Xá Lợi Phất! Bĩ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị.

Lại này, Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là A La Hán, chẳng thể dùng toán số để biết được. Các hàng Bồ Tát cũng giống như vậy.

Giải:

他方定性二乘，不得生彼。若先习小行，临终回向菩提，发大誓愿者，生彼国已，佛顺机说法，令断见思，故名罗汉。如别教七住断见思之类，非实声闻也。盖藏通二教，不闻他方佛名，今闻弥陀名号，信愿往生，总属别圆二教所摄机矣..

Tha phương định tánh Nhị Thừa, bất đắc sanh bỉ. Nhược tiên tập tiểu hạnh, lâm chung hồi hướng Bồ Đề, phát đại thệ nguyện giả, sanh bỉ quốc dĩ, Phật thuận cơ thuyết pháp, linh đoạn Kiến Tư. Cố danh La Hán. Như Biệt Giáo Thất Trụ, đoạn Kiến Tư chi loại, phi thật Thanh Văn dã. Cái Tạng Thông nhị giáo, bất văn tha phương Phật danh, kim văn Di Đà danh hiệu, tín nguyện vãng sanh, tổng thuộc Biệt Viên nhị giáo sở nhiếp cơ hỹ.

Hàng định tánh Nhị Thừa trong phương khác chẳng được sanh về cõi ấy. Nếu là người tu tập hạnh Tiểu Thừa từ trước, khi lâm chung hướng về Bồ Đề, phát ra thệ nguyện lớn, sẽ sanh về cõi ấy. Phật liền thuận theo căn cơ để thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nên gọi là La Hán, giống như bậc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứ không phải là Thanh Văn thật sự. Bởi lẽ, trong Tạng Giáo và Thông Giáo, không nghe đến danh hiệu chư Phật ở phương khác. Nay [những người] nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về căn cơ được thâm nhiếp bởi hai giáo là Biệt và Viên vậy.

Chánh kinh:

舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.

Giải:

佛及声闻菩萨，并是弥陀因中愿行所成，亦是果上一成一切成。是则佛，菩萨，声闻，各各非自非他，自他不二，故云成就如是功德庄严。能令信愿持名者，念念亦如是成就也。初广陈彼土依正妙果以启信竟。

(乙) 二特劝众生应求往生以发愿二：初揭示无上因缘，二特劝。

Phật cập Thanh Văn, Bồ Tát, tịnh thị Di Đà nhân trung, nguyện hạnh sở thành, diệc thị quả thượng “nhất thành, nhất thiết thành”. Thị tắc Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các các phi tự, phi tha, tự tha bất nhị.

Cổ vân “thành tựu như thị công đức trang nghiêm”, năng linh tín nguyện trì danh giả, niệm niệm diệc như thị thành tựu dã. Sơ quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khai tín cánh.

Phật và Thanh Văn, Bồ Tát, hoàn toàn là do nguyện hạnh của Phật Di Đà trong lúc tu nhân tạo thành, mà cũng là “một thành thì hết thấy thành” nơi quả vị. Tức là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, Tự và Tha chẳng hai.

Vì thế nói “thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó”, có thể khiến cho người tín nguyện trì danh niệm niệm cũng thành tựu như vậy. Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần], nói rộng về diệu quả y báo và chánh báo nhằm khơi

gợi lòng tin đã xong.

II. Riêng khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh

淨土殊勝，謂帶業往生，橫出三界；同居橫具四土，開顯四教法輪；眾生圓淨四土，圓見三身，圓證三不退；人民皆一生成佛。如是等勝異超絕，全在此二科點示，須諦研之。

Tịnh Độ thù thắng vị đời nghiệp vãng sanh. Hoành xuất tam giới, Đồng Cư hoành cụ Tứ Độ, khai hiển Tứ Giáo pháp luân. Chúng sanh viên tịnh tứ độ, viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái. Nhân dân giai nhất sanh thành Phật. Như thị đẳng thắng dị siêu tuyệt, toàn tại thử nhị khoa điểm thị. Tu để nghiên chi.

Tịnh Độ thù thắng là do đời nghiệp vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đồng Cư theo chiều ngang trọn đủ bốn cõi [Tịnh Độ], khai hiển pháp luân tứ giáo (*Tạng, Thông, Biệt, Viên*), chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nhân dân đều thành Phật trong một đời. Những sự thù thắng, lạ lùng, siêu việt, tuyệt diệu như thế, hoàn toàn được chỉ bày trong hai khoa này, hãy nên nghiên cứu kỹ lưỡng.

Chánh kinh:

又舍利弗。極樂國土。眾生生者。皆是阿鞞跋致。其中多有 一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.

Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, chẳng thể tính toán để biết được số lượng, chỉ có thể nói là vô lượng, vô biên, A-tăng-kỳ.

Giải:

阿鞞跋致，此云不退。一位不退，入圣流，不墮凡地。二行不退，恒度生，不墮二乘地。三念不退，心心流入萨婆若海。若约此土藏初果，通见地，别初住，圆初信，名位不退。通菩萨，别十行，圆十信，名行不退。别初地，圆初住，名念不退。今淨土五逆十恶十念成就带业往生居下下品者，皆得三不退。然据教

道, 若是凡夫, 则非初果等; 若是二乘, 则非菩萨等; 若是异生, 则非同生性等. 又念不退, 非复异生; 行不退, 非仅见道; 位不退, 非是人民. 躡等则成大妄, 进步则舍故称. 唯极乐同居, 一切俱非, 一切俱是. 十方佛土无此名相, 无此阶位, 无此法门. 非心性之极致, 持名之奇勳, 弥陀之大愿, 何以有此! 一生补处者, 只一生补佛位, 如弥勒, 观音等. 极乐人民普皆一生成佛, 人人必实证补处. 故其中多有此等上善, 不可数知也. 复次释迦一代时教, 惟《华严》明一生圆满. 而一生圆满之因, 则末後《普贤行愿品》中, 十大愿王导归安养, 且以此劝进华藏海众. 嗟乎! 凡夫例登补处, 奇倡极谈, 不可测度. 《华严》所禀, 却在此经. 而天下古今, 信鲜疑多, 辞繁义蚀, 余唯有剖心沥血而已.

A Bộ Bát Trí, thử vân Bất Thoái, nhất Vị Bất Thoái, nhập thánh lưu, bất độ phạm địa. Nhị Hạnh Bất Thoái, hằng độ sanh, bất độ Nhị Thừa địa. Tam Niệm Bất Thoái, tâm tâm lưu nhập Tát Bà Nhĩ hải.

Nhược ước thử độ, Tạng Sơ Quả, Thông Kiến Địa, Biệt Sơ Trụ, Viên Sơ Tín, danh Vị Bất Thoái.

Thông Bồ Tát, Biệt Thập Hướng, Viên Thập Tín, danh Hạnh Bất Thoái. Biệt Sơ Địa, Viên Sơ Trụ, danh Niệm Bất Thoái.

Thông Bồ Tát, Biệt Thập Hướng, Viên Thập Tín, danh Hạnh Bất Thoái. Biệt Sơ Địa, Viên Sơ Trụ, danh Kim Tịnh Độ, Ngũ Nghịch, Thập Ác, thập niệm thành tựu. Đới nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái.

Nhiên cứ giáo đạo, nhược thị phạm phu, tắc phi Sơ Quả đẳng. Nhược thị Nhị Thừa, tắc phi Bồ Tát đẳng. Nhược thị Dị Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đẳng.

Hựu, Niệm Bất Thoái, phi phục Dị Sanh. Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo. Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân. Lạp đẳng tắc thành đại vọng, tấn bộ tắc xả cố xưng.

Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị. Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng, vô thử giai vị, vô thử pháp môn. Phi tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử? Nhất Sanh Bồ Xứ giả, chỉ nhất sanh bổ Phật vị, như Di Lạc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc nhân dân, phổ giai nhất sanh thành Phật. Nhân nhân tất thật chứng Bồ Xứ. Cố kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện, bất khả số tri dã.

Phục thứ, Thích Ca nhất đại thời giáo, duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên

mãn, nhi nhất sanh viên mãn chi nhân, tắc mạt hậu Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm trung, thập đại nguyện vương, đạo quy An Dưỡng. Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng.

Ta hồ! Phàm phu lệ đấng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ. Hoa Nghiêm sở bản, khước tại thử kinh, nhi thiên hạ cổ kim, tín miếu, nghi đa, từ phồn, nghĩa thực, dư duy hữu phẫu tâm lịch huyết nhi dĩ.

A Bộ Bát Trí, cõi này dịch là Bất Thoái:

a. Vị Bất Thoái: Nhập dòng thánh, chẳng đọa vào địa vị phàm phu.

b. Hạnh Bất Thoái: Luôn độ sanh, chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa.

c. Niệm Bất Thoái: Tâm tâm lưu nhập biển Nhất Thiết Trí.

Nếu dựa theo cõi này [để luận định] thì [các địa vị như] Sơ Quả trong Tạng Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo và Sơ Tín trong Viên Giáo gọi là Vị Bất Thoái.

Bậc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hướng trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái.

Bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo thì gọi là Niệm Bất Thoái.

Nay Tịnh Độ thì kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, mười niệm thành tựu vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái.

Nhưng căn cứ theo đạo lý [thông thường] trong hết thầy kinh điển thì nếu là phàm phu, sẽ chẳng giống với bậc Sơ Quả. Nếu là Nhị Thừa, sẽ chẳng phải là bậc Bồ Tát. Nếu là Dị Sanh Tánh (*địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo*) sẽ chẳng giống với bậc Đồng Sanh Tánh (*Sơ Trụ trong Viên Giáo*).

Lại nữa, Niệm Bất Thoái chẳng còn là Dị Sanh, Hạnh Bất Thoái thì chẳng phải chỉ mới thấy đạo, Vị Bất Thoái thì chẳng phải là nhân dân. [Trong giáo pháp thông thường] nếu thuộc địa vị dưới mà nói lẩn lên bậc trên sẽ trở thành đại vọng ngữ, phải vượt lên địa vị mới thì mới bỏ danh xưng cũ.

Chỉ có trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc, hết thầy đều chẳng phải, mà hết thầy cũng đều phải. Các cõi Phật trong mười phương đều chẳng có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không phải là do tâm tánh đạt đến tột bậc, công hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh, và Di Đà đại nguyện

thì làm sao đạt được như thế này?

Nhất Sanh Bồ Xứ là chỉ một đời sẽ được bỏ đi làm Phật, giống như Di Lặc, Quán Âm, v.v... Trọn khắp nhân dân trong cõi Cực Lạc đều là bậc thành Phật trong một đời, ai nấy đều thật sự chứng được địa vị Bồ Xứ. Vì thế trong ấy có nhiều bậc thượng thiện như thế, chẳng thể tính biết được!

Hơn nữa, trong những giáo pháp của cả đời Phật Thích Ca, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm nói đến sự viên mãn trong một đời, nhưng cái nhân viên mãn trong một đời nằm trong phẩm cuối cùng là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, mười đại nguyện vương dẫn về An Dưỡng. Lại còn dùng điều này để khuyên lớn, sách tấn Hoa Tạng hải chúng.

Than ôi! Phàm phu mà được dự vào bậc Bồ Xứ là một sự khởi xướng bàn luận lạ lùng, cao tốt, chẳng thể suy lường được. Điểm đặc thù của kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn nằm trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ nghi ngờ đông nhiều. Càng nói lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ có cách摸摸 tìm vẩy máu mà [nêu bày cho rõ nghĩa này] mà thôi!

Chánh kinh:

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy. Vì có sao thế? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế cùng tụ hội một chỗ.

Giải:

前罗汉菩薩，但可云善人。唯补处居因位之极，故云上。其数甚多，故云诸。俱会一处，犹言凡圣同居。寻常由实圣过去有漏业，权圣大慈悲愿，故凡夫得与圣人同居。至实圣灰身，权圣机尽，便升沈硕异，苦乐悬殊。乃暂同，非究竟同也。又天壤之间，见闻者少。幸获见闻，亲近步趋者少。又佛世圣人纵多，如珍如瑞，不能遍满国土，如众星微尘。又居虽同，而所作所办，则迥不同。今同以无漏不思議业，感生俱会一处为师友，如埧如簏，同尽无明，同登妙觉。是则下凡众生於念不退中，超尽四十一因位。若谓是凡夫，却不历异生，必补佛职，与观音，势至无别。若谓是一生补处，却可名凡夫，不可名等觉菩

萨. 此皆教网所不能收, 刹网所不能例. 当知吾人大事因缘, 同居一关, 最难透脱. 唯极乐同居, 超出十方同居之外. 了此, 方能深信弥陀愿力. 信佛力, 方能深信名号功德. 信持名, 方能深信吾人心性本不可思议也. 具此深信, 方能发於大愿. 文中应当二字, 即指深信. 深信发愿, 即无上菩提. 合此信愿, 的为净土指南. 由此而执持名号, 乃为正行. 若信愿坚固, 临终十念一念, 亦决得生. 若无信愿, 纵将名号持至风吹不入, 雨打不湿, 如银墙铁壁相似, 亦无得生之理. 修净业者, 不可不知也. 大本《阿弥陀经》, 亦以发菩提愿为要, 正与此同.

(乙) 三正示行者执持名号以立行二: 初正示无上因果, 二重劝. (丙) 今初

Tiền La Hán, Bồ Tát, dẫn khả vân “thiện nhân”, duy Bồ Xứ cư nhân vị chi cực, cố vân “thượng”. Kỳ số thậm đa, cố vân “chư”.

“Câu hội nhất xứ”, do ngôn Phàm Thánh Đồng Cư, tầm thường do thật thánh quá khứ hữu lậu nghiệp, quyền thánh đại từ bi nguyện, cố phàm phu đắc dữ thánh nhân đồng cư. Chí thật thánh hoi thân, quyền thánh cơ tận, tiện thăng trầm thạc dị, khổ lạc huyền thù. Nãi tạm đồng, phi cứu cánh đồng dã. Hữu, thiên nhượng chi gian, kiến văn giả thiếu, hạnh hoạch kiến văn, thân cận bộ xu giả thiếu. Hữu, Phật thể thánh nhân tưng đa, như trân, như thủy, bất năng biến mãn quốc độ, như chúng tinh, vi trần. Hữu, cư tuy đồng, nhi sở tác, sở biện, tắc huýnh bất đồng.

Kim đồng dĩ vô lậu bát tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu, như huân, như trì, đồng tận vô minh, đồng đẳng Diệu Giác.

Thị tắc hạ phàm chúng sanh ư Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị. Nhược vị thị phàm phu, khước bất lịch Di Sanh, tất bổ Phật chức, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt. Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phàm phu, bất khả danh Đẳng Giác Bồ Tát. Thử giai giáo võng sở bất năng thâm, sát võng sở bất năng lệ.

Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát. Duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyện lực. Tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức. Tín trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã. Cụ thử thâm tín, phương năng phát ư đại nguyện. Văn trung “ưng đương” nhị tự, tức chỉ thâm tín.

Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề. Hợp thử tín nguyện, đích vì Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh. Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệt quyết đắc sanh. Nhược vô tín nguyện, túng tương danh hiệu trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như ngân tường, thiết bích tương tự, diệt vô đắc sanh chi lý. Tu tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã. Đại Bản A Di Đà Kinh, diệt dĩ “phát Bồ Đề nguyện” vi yếu, chánh dữ thử đồng.

La Hán, Bồ Tát được nói trong đoạn trước chỉ có thể gọi là “thiện nhân”, riêng hàng Bồ Xứ là tột bậc trong địa vị tu nhân, nên gọi là “thượng”. Số lượng thật nhiều, nên gọi là “chư”.

“Cùng tụ hội một chỗ”: Nếu nói về Phàm Thánh Đồng Cư thì thông thường, bậc thật thánh do có nghiệp hữu lậu trong quá khứ, bậc quyền thánh (*thánh nhân thị hiện*) do đại nguyện từ bi, nên phàm phu được ở chung một cõi với thánh nhân. Đến khi bậc thật thánh diệt thân và cơ duyên thị hiện của bậc quyền thánh đã hết, [thì phàm phu và thánh nhân] liền thăng trầm thật khác biệt, khổ sướng rất khác, nên chỉ là “tạm đồng” (*ở chung với nhau tạm thời*), chứ không phải là rốt ráo “đồng”.

Hơn nữa, trong khoảng trời đất, ít ai thấy nghe [thánh nhân], những người may mắn được thấy, nghe, thân cận, theo học hỏi chỉ là số ít. Hơn nữa, khi Phật tại thế, thánh nhân dẫu đông, nhưng [vẫn là hiếm hoi] như đồ quý báu, như vật tốt lành, chẳng thể trọn khắp cõi nước giống như các ngôi sao hay vi trần. Hơn nữa, tuy cùng sống [trong một quốc độ], nhưng việc làm, hành động hết sức khác biệt. Nay [trong cõi Cực Lạc] thì cùng do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn cảm vơi mà cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau, giống như ống tiêu với ống sáo, cùng hết sạch vô minh, cùng đạt lên Diệu Giác.

Do vậy, chúng sanh kém cỏi, phàm phu, ở trong Niệm Bất Thoái, vượt trọn hết bốn mươi một địa vị tu nhân. Nếu bảo họ là phàm phu thì họ chẳng trải qua các địa vị Dị Sanh, mà dự ngay vào địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí. Nếu bảo họ là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi họ là phàm phu, chẳng thể gọi họ là Đăng Giác Bồ Tát. Điều này chẳng thể gồm thâu trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào.

Hãy nên biết đối với nhân duyên đại sự của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó thể vượt thoát nhất. Chỉ có cõi Đồng Cư trong Cực Lạc vượt khỏi các cõi Đồng Cư trong mười phương. Hiểu rõ điều này rồi thì mới có thể tin sâu vào nguyện lực của Phật Di Đà. Có tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa

công đức của danh hiệu. Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn. Có lòng tin sâu xa như vậy rồi thì mới có thể phát ra đại nguyện. Hai chữ “hãy nên” trong kinh văn chính là nói đến lòng tin sâu xa.

Tin sâu, phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề. Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này, đích xác là kim chỉ nam cho pháp môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh. Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dầu trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa táp chẳng ướt giống như tường bạc vách sắt thì cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh! Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Đại Bỏ A Di Đà Kinh cũng coi “phát nguyện Bồ Đề” là trọng yếu, hoàn toàn giống như kinh này.

III. Chỉ thẳng pháp trì danh [nhằm khuyên hành giả] lập hạnh

Chánh kinh:

舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。五日。若六日。若七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生。阿彌陀佛。極樂國土。

Xá Lợi Phát! Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Này Xá Lợi Phát! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy. Này Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Giải:

菩提正道名善根，即亲因。种种助道施戒禅等名福德，即助缘。声闻缘觉菩提善根少，人天有漏福业福德少，皆不可生净土。唯以信愿执持名号，则一声悉具多善根福德。散心称名，福善亦不可量，况一心不乱哉！故使感应道交，文成印坏。弥陀圣众，不来而来，亲垂接引。行人心识，不往而往，托质宝莲也。善男女者，不论出家在家，贵贱老少，六趣四生。但闻佛名，即多劫善根成熟，五逆十恶皆名善也。阿弥陀佛是万德洪名，以名召德，罄无不尽。故即以执持名号为正行，不必更涉观想参究等行。至简易，至直捷也。闻而信，信而愿，乃肯执持。不信不愿，与不闻等，虽为远因，不名闻慧。执持则念念忆佛名号，故是思慧，然有事持理持。事持者，信有西方阿弥陀佛，而未达是心作佛，是心是佛。但以决志愿求生故，如子忆母，无时暂忘。理持者，信西方阿弥陀佛，是我心具，是我心造。即以自心所具所造洪名，为系心之境，令不暂忘也。一日至七日者，克期办事也。利根一日即不乱，钝根七日方不乱，中根二三四五六日不定。又利根能七日不乱，钝根仅一日不乱，中根六五四三二日不定。一心亦二种。不论事持，理持，持至伏除烦恼，乃至见思先尽，皆事一心。不论事持，理持，持至心开见本性佛，皆理一心。事一心不为见思所乱，理一心不为二边所乱，即修慧也。不为见思乱，故感变化身佛及诸圣众现前，心不复起娑婆界中三有颠倒，往生同居，方便二种极乐世界。不为二边乱，故感受用身佛及诸圣众现前，心不复起生死涅槃二见颠倒，往生实报，寂光二种极乐世界。当知执持名号，既简易直捷，仍至顿至圆。以念念即佛故，不劳观想，不必参究，当下圆明，无余无欠。上上根不能踰其阃，下下根亦能臻其域。其所感佛，所生土，往往胜进，亦不一概。可谓横该八教，竖彻五时。所以彻底悲心，无问自说，且深叹其难信也。问：《观经》专明作观，何谓不劳观想？答：此义即出《观经》，彼经因胜观非凡夫心力所及，故於第十三别开劣像之观。而障重者犹不能念彼佛，故於第十六大开称名之门。今经因末世障重者多，故专主第十六观。当知人根虽钝，而丈六八尺之像身，无量寿佛之名字，未尝不心作心是。故观劣者不劳胜观，而称名者并不劳观想也。问：天奇毒峰诸祖，皆主参念佛者是谁，何谓不必参究？答：此义即出天奇诸祖，前祖因念佛人不契释迦彻底悲心，故傍不甘，直下诘问，一猛提醒，何止长夜复旦。我辈至今日，犹不肯死心念佛，苦欲执敲门瓦子，向屋里打亲生爷娘，则于诸祖成恶逆，非善顺也。进问：此在肯心者则可，未肯者何得相应？曰：噫，正唯未肯，所以要肯心相应。汝等正信未开，如生牛皮，不可屈折。当知有目者，固无日下燃灯之理。而无目者，亦何必于日中苦觅灯炬。大势至法王子云：不假

方便, 自得心开. 此一行三昧中大火聚语也, 敢有触者, 宁不被烧. 问: 临终佛现, 宁保非魔? 答: 修心人不作佛观, 而佛忽现, 非本所期, 故名魔事. 念佛见佛, 已是相应. 况临终非致魔时, 何须疑虑. 问: 七日不乱, 平时耶, 临终耶? 答: 平时也. 问: 七日不乱之後, 复起惑造业, 亦得生耶? 答: 果得一心不乱之人, 无更起惑造业之事. 问: 大本十念, 宝王一念, 平时耶, 临终耶? 答: 十念通二时. 晨朝十念属平时. 十念得生, 与《观经》十念称名同, 属临终时. 一念则但约临终时. 问: 十念一念并得生, 何须七日? 答: 若无平时七日功夫, 安有临终十念一念? 纵下下品逆恶之人, 并是夙因成熟, 故感临终遇善友, 闻便信愿. 此事万中无一, 岂可侥幸. 《净土或问》斥此最详, 今人不可不读. 问: 西方去此十万亿土, 何得即生? 答: 十万亿土, 不出我现前一念心性之外, 以心性本无外故. 又仗自心之佛力接引, 何难即生. 如镜中照数十层山水楼阁, 层数宛然, 实无远近, 一照俱了, 见无先後. 从是西方过十万亿佛土, 有世界名曰极乐亦如是. 其土有佛号阿弥陀, 今现在说法亦如是. 其人临命终时, 阿弥陀佛与诸圣众现在其前, 是人终时心不颠倒, 即得往生阿弥陀佛极乐国土亦如是. 当知字字皆海印三昧, 大圆镜智之灵文也. 问: 持名判行行, 则是助行, 何名正行? 答: 依一心说信愿行, 非先後, 非定三. 盖无愿行不名真信, 无行信不名真愿, 无信愿不名真行. 今全由信愿持名, 故信愿行三, 声声圆具, 所以名多善根福德因缘. 《观经》称佛名故, 念念中除八十亿劫生死之罪, 此之谓也. 若福善不多, 安能除罪如此之大. 问: 临终猛切, 能除多罪, 平日至心称名, 亦除罪否? 答: 如日出, 群暗消. 称洪名, 万罪灭. 问: 散心称名, 亦除罪否? 答: 名号功德不可思议, 宁不除罪, 但不定往生. 以悠悠散善, 难敌无始积罪故. 当知积罪假使有体相者, 尽虚空界不能容受, 虽百年昼夜弥陀十万, 一声灭八十亿劫生死, 然所灭罪如爪上土, 未灭罪如大地土. 唯念至一心不乱, 则如健人突围而出, 非复三军能制耳. 然称名便为成佛种子, 如金刚终不可坏. 佛世一老人求出家, 五百圣众皆谓无善根. 佛言: 此人无量劫前为虎逼, 失声称南无佛. 今此善根成熟, 值我得道, 非二乘道眼所知也. 由此观之, 《法华》明过去佛所, 散乱称名, 皆已成佛, 岂不信哉. 伏愿缁素智愚, 於此简易直捷无上圆顿法门, 勿视为难而辄生退怯, 勿视为易而漫不策勤. 勿视为浅而妄致藐轻, 勿视为深而弗敢承任. 盖所持之名号, 真实不可思议. 能持之心性, 亦真实不可思议. 持一声, 则一声不可思议. 持十百千万无量无数声, 声声皆不可思议也.

Bồ Đề chánh đạo, danh “thiện căn”, tức thân nhân. Chúng chúng trợ đạo, Thích, Giới, Thiền đẳng, danh “phước đức”, tức trợ duyên.

Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề thiện căn thiếu, nhân thiên hữu lậu phước nghiệp, phước đức thiếu, giai bất khả sanh Tịnh Độ. Duy dĩ tín nguyện chấp trì danh hiệu, tắc nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệc bất khả lượng, hướng nhất tâm bất loạn tại.

Cố sử cảm ứng đạo giao, văn thành ấn hoại, Di Đà thánh chứng, bất lai nhi lai, thân thù tiếp dẫn, hành nhân tâm thức, bất vãng nhi vãng, thác chất bảo liên dã.

Thiện nam nữ giả, bất luận xuất gia, tại gia, quý, tiện, lão, thiếu, lục thú, tứ sanh, đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thực. Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh “thiện” dã.

Thiện nam nữ giả, bất luận xuất gia, tại gia, quý, tiện, lão, thiếu, lục thú, tứ sanh, đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thực. Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh “thiện” dã.

A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cố tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh, bất tất cánh thiệp quán tưởng, tham cứu đẳng hạnh, chí giản dị, chí trực tiếp dã. Văn nhi tín, tín nhi nguyện, nãi khẳng chấp trì. Bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đẳng, tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ.

Chấp trì, tắc niệm niệm ỨC Phật danh hiệu. Cố thị Tư Huệ. Nhiên hữu sự trì, lý trì.

Sự trì giả, tín hữu Tây Phương A Di Đà Phật, nhi vị đạt “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”, đản dĩ quyết chí nguyện cầu sanh cố, như tử ỨC mẫu, vô thời tạm vong.

Lý trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã.

Nhất nhật chí thất nhật giả, khắc kỳ biện sự dã. Lợi căn nhất nhật tức bất loạn. Độn căn thất nhật phương bất loạn. Trung căn nhị, tam, tứ, ngũ, lục nhật bất định. Hựu lợi căn năng thất nhật bất loạn. Độn căn căn nhất nhật bất loạn. Trung căn lục, ngũ, tứ, tam, nhị nhật bất định.

Nhất tâm diệc nhị chủng, bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm. Bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí tâm khai, kiến bốn tánh Phật, giai Lý nhất tâm. Sự nhất tâm bất vị Kiến Tư sở loạn, Lý nhất tâm bất vị nhị biên sở loạn, tức Tu Huệ dã.

Bất vị Kiến Tư loạn, cố cảm biến hóa thân Phật, cập chư thánh chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi, Sa Bà giới trung, tam hữu điên đảo, vãng sanh Đồng Cư, Phương Tiện, nhị chủng Cực Lạc thế giới.

Bất vị Nhị Biên loạn, cố cảm thụ dụng thân Phật, cập chư thánh chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến điên đảo, vãng sanh Thật Báo, Tịch Quang nhị chủng Cực Lạc thế giới.

Đương tri chấp trì danh hiệu, ký giản dị, trực tiếp, nhưng chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tượng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm.

Thượng thượng căn, bất năng du kỳ khốn. Hạ hạ căn diệt năng trấn kỳ vực. Kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thắng tấn, diệt bất nhất khái. Khả vị: Hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời. Sở dĩ triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thâm thán kỳ nan tín dã.

Vấn: Quán Kinh chuyên minh tác quán, hà vị bất lao quán tượng?

Đáp: Thử nghĩa tức xuất Quán Kinh. Bĩ kinh nhân thắng quán phi phạm phu tâm lực sở cập, cố ư đệ thập tam, biệt khai liệt tượng chi quán, nhi chương trọng giả, do bất năng niệm bĩ Phật, cố ư đệ thập lục, đại khai xưng danh chi môn. Kim kinh nhân mật thể chương trọng giả đa, cố chuyên chủ đệ thập lục quán. Đương tri nhân căn tuy độn, nhi trọng lục, bất xích chi tượng thân, Vô Lượng Thọ Phật chi danh tự, vị thường bất “tâm tác, tâm thị”. Cố quán liệt giả, bất lao thắng quán, nhi xưng danh giả, tịnh bất lao quán tượng dã.

Vấn: Thiên Kỳ, Độc Phong chư Tổ, giai chủ tham “niệm Phật giả thị thù”. Hà vị bất tất tham cứu?

Đáp: Thử nghĩa tức xuất Thiên Kỳ chư Tổ. Tiền Tổ nhân niệm Phật nhân bất khế Thích Ca triệt để bi tâm, cố bàng bất cam, trực hạ cập vấn, nhất mãnh đề tỉnh, hà chỉ trường dạ phục đán. Ngã bối chí kim nhật, do bất khăng tử tâm niệm Phật, khổ dục chấp xao môn ngỗ tử, hướng ốc lý đã thân sanh gia nương, tắc ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã.

Tán vấn: Thử tại khăng tâm giả tác khả, vị khăng giả hà đắc tương ứng?

Viết: Y! Chánh duy vị khăng. Sở dĩ, yếu nhĩ khăng tâm tương ứng. Nhữ đẳng chánh tín vị khai, như sanh ngư bì, bất khả khuất chiết. Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đẳng chi lý, nhi vô mục giả, diệt hà tất ư nhật trung khổ mịch đẳng cự. Đại Thế Chí Pháp Vương Tử vân: “Bất giả phương tiện, tự đắc

tâm khai”. Thử Nhất Hạnh tam-muội trung, đại hỏa tự ngữ dã. Cảm hữu xúc giả, ninh bất bị thiêu?

Vấn: *Lâm chung Phật hiện, ninh bảo phi ma?*

Đáp: *Tu tâm nhân bất tác Phật quán, nhi Phật hốt hiện, phi bốn sở kỳ, cố danh ma sự. Niệm Phật kiến Phật, dĩ thị tương ứng, hướng lâm chung phi trí ma thời, hà tu nghi lự?*

Vấn: *Thất nhật bất loạn, bình thời da? Lâm chung da?*

Đáp: *Bình thời dã.*

Vấn: *Thất nhật bất loạn chi hậu, phục khởi Hoặc tạo nghiệp, diệc đắc sanh da?*

Đáp: *Quả đắc nhất tâm bất loạn chi nhân, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự.*

Vấn: *Đại Bốn thập niệm, Bảo Vương nhất niệm, bình thời da? Lâm chung da?*

Đáp: *Thập niệm thông nhị thời. Thần triêu thập niệm, thuộc bình thời. Thập niệm đắc sanh dĩ Quán Kinh thập niệm xưng danh đồng, thuộc lâm chung thời. Nhất niệm tắc dẫn ước lâm chung thời.*

Vấn: *Thập niệm, nhất niệm tịnh đắc sanh, hà tu thất nhật?*

Đáp: *Nhược vô bình thời thất nhật công phu, an hữu lâm chung thập niệm, nhất niệm. Túng Hạ Hạ Phẩm nghịch ác chi nhân, tịnh thị túc nhân thành thực, cố cảm lâm chung ngộ thiện hữu, văn tiện tín nguyện. Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiêu hãnh, Tịnh Độ Hoặc Vấn xích thử tối tường. Kim nhân bất khả bất đọc.*

Vấn: *Tây Phương khứ thử thập vạn ức độ, hà đắc tức sanh?*

Đáp: *Thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại. Dĩ tâm tánh bốn vô ngoại cố, hựu trọng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh? Như kính trung chiếu sổ thập tầng sơn thủy, lâu các, tầng số uyển nhiên, thật vô viễn cận, nhất chiếu câu liễu, kiến vô tiên hậu.*

“Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc”, diệc như thị. “Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”, diệc như thị. “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dĩ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di

Đà Phật Cực Lạc quốc độ”, diệp như thị. Đương tri, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã.

Vấn: Trì danh phán Hành Hạnh, tắc thị Trợ Hạnh, hà danh Chánh Hạnh?

Đáp: Y nhất tâm thuyết Tín Nguyễn Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam. Cái vô Nguyễn Hạnh, bất danh Chân Tín. Vô Hạnh Tín, bất danh Chân Nguyễn. Vô Tín Nguyễn, bất danh Chân Hạnh.

Kim toàn do tín nguyện trì danh, cố Tín Nguyễn Hạnh tam, thanh thanh viên cụ. Sở dĩ, danh “đa thiện căn, phước đức, nhân duyên”.

Quán Kinh “xưng Phật danh cố, niệm niệm trung trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”, thử chi vị dã. Nhược phước thiện bất đa, an năng trừ tội như thử chi đại.

Vấn: Lâm chung mãnh thiết, năng trừ đa tội, bình nhật chí tâm xưng danh, diệp trừ tội phủ?

Đáp: Như nhật xuất, quần ám tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Vấn: Tán tâm xưng danh diệp trừ tội phủ?

Đáp: Danh hiệu công đức bất khả tư nghị, ninh bất trừ tội? Đản bất định vãng sanh, dĩ du du tán thiện, nan địch vô thỉ tích tội cố!

Đương tri tích tội, giả sử hữu thể tướng giả, tận hư không giới bất năng dung thọ. Tuy bách niên trú dạ, Di Đà thập vạn, nhất nhất thanh diệt bát thập ức kiếp sanh tử, nhiên sở diệt tội, như trảo thượng thổ. Vị diệt tội, như đại địa thổ.

Duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tắc như kiện nhân đột vi nhi xuất, phi phục tam quân năng chế nhĩ. Nhiên xưng danh tiện vi thành Phật chủng tử, như kim cang chung bất khả hoại. Phật thế, nhất lão nhân cầu xuất gia, ngũ bách thánh chúng giai vị “vô thiện căn”. Phật ngôn: “Thử nhân vô lượng kiếp tiền, vị hổ bức, thất thanh xưng nam-mô Phật. Kim thử thiện căn thành thực, trị ngã đắc đạo, phi Nhị Thừa đạo nhãn sở tri dã”. Do thử quán chi, Pháp Hoa minh “quá khứ Phật sở, tán loạn xưng danh, giai dĩ thành Phật”, khởi bất tín tại?

Phục nguyện truy tố trí ngu, ư thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đốn pháp môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ủy, vật thị vi dị, nhi mạn bất sách cần, vật thị vi thiểu, nhi vọng trí miểu khinh, vật thị vi thâm, nhi phát cảm thừa nhậm.

Cái sở trì chi danh hiệu, chân thật bất khả tư nghị; năng trì chi tâm tánh,

diệc chân thật bất khả tư nghị, trì nhất thanh, tắc nhất thanh bất khả tư nghị. Trì thập, bách, thiên, vạn, vô lượng, vô số thanh, thanh thanh giai bất khả tư nghị dã.

Chánh đạo Bồ Đề gọi là “thiện căn”, tức thân nhân (*cái nhân chánh yếu*). Các món trợ đạo như Thí, Giới, Thiền, v.v... gọi là “phước đức”, tức là trợ duyên.

Thiện căn Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác ít ỏi, phước nghiệp của trời người là hữu lậu, nên phước đức ít ỏi, đều chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Chỉ có tín nguyện, chấp trì danh hiệu thì mỗi một tiếng đều đầy đủ nhiều thiện căn, phước đức. Tâm tán loạn xưng danh thì phước thiện còn chẳng thể lường, huống là nhất tâm bất loạn ư!

Do vậy, khiến cho [Phật và hành giả tu Tịnh Độ] cảm ứng đạo giao, nét khắc trên ấn đã hiện, ấn [sáp] liền hoại. Phật Di Đà và thánh chúng, chẳng tới mà tới, đích thân rủ lòng tiếp dẫn, tâm thức của hành nhân chẳng đi mà đi, gói thể chất trong hoa sen báu.

“Thiện nam nữ”: Bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, tứ sanh, chỉ nghe được danh hiệu Phật thì đã là thiện căn trong nhiều kiếp chín muồi. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là “thiện” cả.

A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vời đức, trọn chẳng còn sót gì. Vì thế, liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải dính dáng những hạnh như quán tưởng, tham cứu v.v... Đơn giản, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, bèn chịu chấp trì. Chứ chẳng tin, chẳng nguyện thì cũng giống như chẳng nghe; tuy tạo thành cái nhân xa, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ.

Chấp trì là niệm niệm nhớ tới danh hiệu Phật, cho nên là Tư Huệ; nhưng có Sự Trì và Lý Trì.

Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng do quyết chí nguyện cầu vãng sanh, như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên.

Lý Trì là tin A Di Đà Phật ở Tây Phương tâm ta sẵn đủ, là do tâm ta tạo, liền dùng hồng danh tâm ta sẵn đủ, tâm ta tạo ấy để làm cảnh hệ niệm khiến cho chẳng tạm quên vậy.

“Từ một ngày cho đến bảy ngày” là định thời hạn hồng tu tập thành tựu. Bậc lợi căn trong một ngày liền chẳng loạn. Độn căn thì bảy ngày mới chẳng loạn.

Bậc trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không chùng. Lại nữa, bậc lợi căn có thể bất loạn suốt bảy ngày. Bậc độn căn chỉ có thể bất loạn trong một ngày. Bậc trung căn thì sáu, năm, bốn, ba, hai ngày không chùng.

Nhất tâm cũng có hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức khuất phục, trừ diệt phiền não, cho đến trừ hết Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước, đều là Sự nhất tâm. Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật nơi bốn tánh, đều là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiều loạn, Lý nhất tâm chẳng bị nhị biên nhiều loạn. Đây chính là Tu Huệ vậy.

Chẳng bị Kiến Hoặc và Tư Hoặc làm loạn, nên cảm được thân biến hóa của Phật và các vị thánh hiện tiền. Do tâm chẳng còn dấy lên ý niệm điên đảo thuộc về ba cõi trong thế giới Sa Bà, nên người ấy sẽ sanh vào hai cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Cực Lạc.

Chẳng bị Nhị Biên nhiều loạn nên cảm được thân thụ dụng của Phật và các vị thánh hiện tiền, tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải điên đảo sanh tử và Niết Bàn nên sanh về hai cõi Thật Báo và Tịch Quang của thế giới Cực Lạc.

Hãy nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu tuy đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, mà lại viên đốn tốt bậc, bởi mỗi niệm chính là Phật, chẳng nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, mà ngay trong khi niệm Phật ấy bèn viên minh, chẳng thừa, chẳng thiếu.

Bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt ngoài cửa ải này, mà kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy, [do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau¹³. Có thể nói là [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời.

Do vậy, [đức Phật] vì tâm bi triệt để, chẳng ai hỏi mà tự nói, lại còn khen ngợi sâu xa pháp này khó tin.

Hỏi: Quán Kinh chuyên giảng về cách quán tưởng, sao [ở đây] lại nói “chẳng phải nhọc công quán tưởng?”

Đáp: Nghĩa này vốn lấy từ Quán Kinh. Kinh ấy do thấy tâm lực của phàm phu chẳng thể kham nổi phép Quán thù thắng nên trong phép Quán thứ mười ba đã dạy riêng cách quán tượng Phật thấp kém¹⁴. Nhưng kẻ chương nặng vẫn chẳng

¹³ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký.

¹⁴ Gọi là “quán tượng thấp kém” (*quán liệt tượng*) vì tượng dù có to cách mấy vẫn chẳng thể

thể niệm đức Phật ấy [bằng phương pháp Quán Tưởng Niệm Phật] nên trong phép Quán thứ mười sáu, mở rộng môn xưng danh. Do trong đời Mạt, kẻ chường nặng đông đảo mà kinh này chuyên chú nơi phép Quán thứ mười sáu. Hãy nên biết rằng: Căn tánh của con người tuy chậm lụt, nhưng thân tướng tượng Phật cao trượng sáu hoặc tám thước và danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật chưa bao giờ chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Vì thế, người quán tượng Phật thấp kém thì chẳng nhọc sức tu tập pháp quán tưởng thù thắng, còn người xưng danh thì chẳng cần phải mất công quán tưởng.

Hỏi: Các vị Tổ Thiên Kỳ và Độc Phong đều chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”, sao lại bảo là chẳng cần phải tham cứu?

Đáp: Nghĩa này phát xuất từ ngài Thiên Kỳ và các vị Tổ khác. Các Tổ đời trước do thấy người niệm Phật chẳng khế hợp tâm bi triệt để của Phật Thích Ca, nên ở bên cạnh chẳng đành lòng, phải vặn hỏi ngay câu ấy để mạnh mẽ đánh thức [người niệm Phật], chứ đâu phải chỉ là muốn làm cho họ chấm dứt đêm dài bất giác, sáng suốt trở lại? Bọn chúng ta cho đến nay vẫn chẳng chịu chết lòng niệm Phật, cứ khổ sở muốn cầm hòn ngói gõ cửa ấy để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà, như vậy là đã trở thành kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ có phải là kẻ vâng thuận đâu!

Lại hỏi cao hơn nữa: Điều này đối với người chịu dốc lòng niệm Phật thì được, chứ đối với người chưa chịu thì làm sao [tâm người ấy] tương ứng [với tâm Phật] cho được?

Đáp: Ôi chao! Chính là vì kẻ chưa chịu [dốc lòng niệm Phật, mà nói những lời ấy]. Do vậy, tôi [nói những lời ấy] nhằm làm cho các ông chịu bằng lòng [niệm Phật] hòng được tương ứng. Cái tâm chánh tín của các ông chưa sanh khởi, nó giống như miếng da trâu tươi, không thể xếp hay bẻ gập lại được. Hãy nên biết rằng: Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày! Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nói: “Chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ”. Câu nói này là một đồng lừa to trong Nhất Hạnh tam-muội, có ai dám chạm vào mà chẳng bị nó đốt ư?

sánh bằng chân thân của Phật. Hơn nữa, trong cách quán này, chỉ dạy quán thân Phật cao một trượng sáu, tức là quán Ứng Thân, thua xa vẻ đẹp thù thắng của Báo Thân nên gọi là “liệt tượng” (*tượng kém hèn*). Hơn nữa, tượng trong thế gian dù đẹp cách mấy vẫn không có cách nào diễn tả một phần vẻ đẹp thù thắng của ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ (*tùy hình hảo*) nơi Liệt Ứng Thân nên gọi là “kém hèn”.

Hỏi: Lâm chung Phật hiện, há bảo đảm chẳng phải là ma ư?

Đáp: Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự. Niệm Phật thấy Phật, tức là tương ứng, huống chi lâm chung chẳng phải là lúc ma đến, cần gì phải nghi ngờ, lo lắng nữa?

Hỏi: Bảy ngày chẳng loạn là lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: Lúc bình thường.

Hỏi: Sau khi đã đắc bảy ngày chẳng loạn, lại dấy phiền não, tạo nghiệp thì cũng được vãng sanh ư?

Đáp: Nếu là người thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì không còn có chuyện dấy lên phiền não, tạo nghiệp nữa!

Hỏi: Mười niệm trong kinh Đại Bồn và một niệm trong luận Bảo Vương là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: “Mười niệm” là nói chung cả hai thời điểm ấy. Mười niệm vào lúc sáng sớm thuộc lúc bình thường. Mười niệm được vãng sanh [trong lời nguyện của A Di Đà Phật trong kinh Vô Lượng Thọ] giống như “mười niệm xưng danh” [được nói trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh] của Quán Kinh, đều thuộc về lúc lâm chung. Còn một niệm [như trong luận Bảo Vương nói] thì thuộc về lúc lâm chung.

Hỏi: Mười niệm và một niệm đều được vãng sanh thì cần gì phải bảy ngày [nhất tâm bất loạn]?

Đáp: Nếu lúc bình thường không có công phu bảy ngày [nhất tâm bất loạn] thì làm sao có mười niệm hay một niệm lúc lâm chung được? Dẫu là kẻ nghịch ác thuộc Hạ Phẩm, đều là do cái nhân trong đời trước đã chín muồi nên cảm vời khi lâm chung gặp thiện hữu, vừa nghe nói [về pháp môn Tịnh Độ] liền tín nguyện. Chuyện này trong một vạn trường hợp chẳng có được một, há nên cầu may ư? Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn bài xích quan điểm cầu may này tường tận nhất, người đời nay chẳng thể không đọc!

Hỏi: Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi, làm sao sanh ngay sang ấy được?

Đáp: Mười vạn ức cõi chẳng ngoài một niệm tâm tánh hiện tiền của ta, bởi tâm tánh vốn chẳng ở bên ngoài. Hơn nữa, cậy vào Phật lực từ trong tâm tánh tiếp dẫn, khó gì mà chẳng sanh ngay [sang cõi Cực Lạc]? Giống như trong gương

chiếu mấy chục tầng núi, sông, lầu gác, tầng nào tầng nấy rành rành, quả thật chẳng có gần hay xa, hể vừa soi liền trọn đủ, chẳng thấy có trước hay sau.

“Cách đây mười vạn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc”, cũng giống như vậy. “Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp” cũng giống như vậy. “Khi ấy người lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mắt. Người ấy khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”, cũng giống như vậy. Hãy nên biết rằng từng chữ [trong kinh A Di Đà] đều là Hải Ấn tam-muội, là kinh văn thiêng liêng giảng về Đại Viên Kính Trí.

Hỏi: Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh, thì nó là Trợ Hạnh, chứ sao lại bảo là Chánh Hạnh?

Đáp: Dựa theo nhất tâm để nói về Tín - Nguyện - Hạnh thì không có trước sau, không nhất định phải tách ra thành ba thứ. Bởi lẽ, không có Nguyện và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín. Không có Hạnh và Tín thì chẳng gọi là Chân Nguyện. Không có Tín và Nguyện thì chẳng gọi là Chân Hạnh.

Nay hoàn toàn do tín nguyện mà trì danh nên trong mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ trọn vẹn ba món Tín - Nguyện - Hạnh. Do vậy, gọi là “nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên”.

Quán Kinh bảo “do xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử” chính là nói về điều này. Nếu phước thiện chẳng nhiều thì làm sao trừ được tội to lớn như thế?

Hỏi: Khi lâm chung mạnh mẽ, thiết tha, có thể trừ được nhiều tội, chứ lúc bình thường chí tâm xưng danh thì cũng trừ được tội ư?

Đáp: Như mặt trời mọc, mọi tối tăm đều tiêu.

Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội ư?

Đáp: Công đức xưng danh chẳng thể nghĩ bàn, lẽ nào chẳng trừ được tội? Nhưng không nhất định được vãng sanh, bởi lẽ điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thủy.

Hãy nên biết rằng tội lỗi đã tích tập nếu có thể tướng thì cùng tận cõi hư không chẳng thể chứa đựng được. Dẫu suốt cả trăm năm, mỗi ngày đêm niệm Di Đà mười vạn tiếng, mỗi một tiếng diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, nhưng tội đã diệt giống như đất đọng trên móng tay, còn tội chưa diệt giống như

đất trong đại địa.

Chỉ trừ niệm Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ giống như người mạnh mẽ đột phá vòng vây xông ra, ba quân chẳng còn có thể khống chế người ấy; nhưng xưng danh sẽ là hạt giống thành Phật, như kim cang trọn chẳng thể hủy hoại. Trong thời đức Phật, một cụ già xin xuất gia, năm trăm vị thánh nhân đều nói cụ không có thiện căn. Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kiếp trước, người này bị hồ đồ, lạc giọng xưng nam-mô Phật, đến nay thiện căn ấy chín muồi, gặp ta, đắc đạo, đạo nhân của Nhị Thừa chẳng thể biết được!” Do đây có thể thấy rằng kinh Pháp Hoa nói người trong quá khứ, ở chỗ Phật, tán loạn xưng danh đều đã thành Phật, há chẳng tin ư?

Kính xin kẻ áo thâm, người áo trắng, kẻ trí, người ngu, đối với pháp môn đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, vô thượng viên đôn này, đừng nghĩ là khó rồi liền sanh lòng thoái thác, đừng thấy là dễ dàng rồi chân chừ chẳng siêng gắng, đừng ngỡ là nông cạn dễ rồi đến nỗi lầm lạc coi thường, đừng nghĩ pháp này quá sâu đến nỗi chẳng dám đảm đương.

Bởi lẽ, danh hiệu được trì chân thật chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì niệm danh hiệu ấy cũng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.

Giải:

我见者，佛眼所见究尽明了也。是利者，横出五浊，圆净四土，直至不退位尽，是为不可思议功德之利也。复次是利，约命终时心不颠倒而言。盖秽土自力修行，生死关头，最难得力。无论顽修狂慧，魔罗无功。即悟门深远，操履潜确之人，倘分毫习气未除，未免随强偏坠。永明祖师所谓十人九蹉路，阴境若现前，瞥尔随他去。此诚可寒心者也。初果昧於出胎，菩萨昏于隔阴。者〔这〕里岂容强作主宰，侥幸颠预。唯有信愿持名，仗他力故，佛慈悲愿，定不

唐捐. 弥陀圣众, 现前慰导, 故得无倒, 自在往生. 佛见众生临终倒乱之苦, 特为保任此事, 所以殷勤再劝发愿, 以愿能导行故也. 问: 佛既心作心是, 何不竟言自佛, 而必以他佛为胜, 何也? 答: 此之法门, 全在了他即自. 若讳言他佛, 则是他见未忘. 若偏重自佛, 却成我见颠倒. 又悉檀四益, 後三益事不孤起. 倘不从世界深发庆信, 则欣厌二益尚不能生, 何况悟入理佛. 唯即事持达理持, 所以弥陀圣众现前, 即是本性明显. 往生彼土, 见佛闻法, 即是成就慧身. 不由他悟, 法门深妙, 破尽一切戏论, 斩尽一切意见. 唯马鸣, 龙树, 智者, 永明之流, 彻底担荷得去. 其余世智辩聪, 通儒禅客, 尽思度量, 愈推愈远. 又不若愚夫妇老实念佛者, 为能潜通佛智, 暗合道妙也. 我见是利, 故说此言, 分明以佛眼佛音, 印定此事. 岂敢违抗, 不善顺入也哉! 二正宗分竟.

“Ngã kiến” giả, Phật nhãn sở kiến, cứu tận mình liễu dã. “Thị lợi” giả, hoành xuất ngũ trước, viên tịnh tứ độ, trực chí bất thoái vị tận, thị vi “bất khả tư nghị công đức chi lợi” dã.

Phục thứ, thị lợi ước mạng chung thời, tâm bất điên đảo nhi ngôn, cái uế độ tự lực tu hành sanh tử quan đầu, tối nan đắc lực.

Vô luận ngoan tu cuồng huệ, ma la vô công, tức ngộ môn thâm viển, thao lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên truy.

Vĩnh Minh tổ sư, sở vị “thập nhân cứu tha lộ. Ấm cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ”. Thử thành khả hàn tâm giả dã.

Sơ Quả muội ư xuất thai, Bồ Tát hôn ư cách ẩm. Giả lý khởi dụng cường tác chủ tử, kiêu hãnh, mạn han? Duy hữu tín nguyện trì danh, trọng tha lực cố, Phật từ bi nguyện, định bất đường quyền. Di Đà thánh chúng, hiện tiền ủy đạo, cố đắc vô đảo, tự tại vãng sanh.

Phật kiến chúng sanh lâm chung đảo loạn chi khổ, đặc vị bảo nhậm thử sự, sở dĩ, ân cần tái khuyến phát nguyện, dĩ nguyện năng đạo hạnh cố dã.

Vấn: Phật ký “tâm tác, tâm thị”, hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng? Hà dã?

Đáp: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức tự. Nhược hỷ ngôn tha Phật, tác thị Tha Kiến vị vong. Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo.

Hựu Tất Đàn tứ ích, hậu tam ích, sự bất cô khởi. Thắng bất tòng thế giới thâm phát khánh tín, tắc Hân Yém nhị ích thượng bất năng sanh. Hà hướng ngộ

nhập lý Phật! Duy tức Sự Trì đạt Lý Trì.

Sở dĩ Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức thị bốn tánh minh hiển.

Vãng sanh bỉ độ, kiến Phật, văn pháp, tức thị thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ.

Pháp môn thâm diệu, phá tận nhất thiết hý luận, trảm tận nhất thiết ý kiến. Duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đảm hà đắc khứ. Kỳ dư thế trí biện thông, thông Nho, Thiền khách, tận tư độ lượng, dù thôi dù viễn. Hựu bất nhược ngu phu phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu dã.

Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, phân minh dĩ Phật nhãn, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai? Nhị Chánh Tông Phản cánh.

“Ngã kiến” là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận. “Thị lợi” là [những điều lợi như] vượt khỏi cõi Ngũ Trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn. Đây là “điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức” vậy. Lại nữa, điều lợi này luận theo lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo; bởi lẽ, trong uế độ, đối với cửa ải lâm chung thì tự lực tu hành sẽ khó đủ sức để vượt qua nhất.

Những kẻ tu hành ương bướng, trí huệ nông cuông, buồn tủi không có kết quả thì đừng nói làm gì! Ngay cả những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tư tác tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “[lúc lâm chung], nghiệp nào mạnh sẽ lôi thần thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc.

Tổ sư Vĩnh Minh nói: “Mười người, chín chán chừ. Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. [Nghĩ đến] điều này đúng là lạnh buốt cõi lòng vậy. Sơ Quả mê muội khi ra khỏi thai, Bồ Tát hôn trược lúc chuyển từ thân Ngũ Ấm này sang thân Ngũ Ấm khác, trong khi ấy, há nó có dung cho mình gắng gượng làm chủ tể mà còn lơ mơ mong được may mắn hay sao?

Chỉ có tín nguyện trì danh là do cậy vào tha lực và thệ nguyện từ bi của Phật, nhất định chẳng luống uổng. Phật Di Đà và thánh chúng hiện đến trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên tâm không điên đảo, tự tại vãng sanh. Phật thấy chúng sanh chịu khổ vì điên đảo tán loạn khi lâm chung, nhằm đặc biệt đảm bảo cho chúng sanh chuyện [vãng sanh] này, nên mới một lần nữa ân cần khuyên nhủ hãy phát nguyện, bởi lẽ, nguyện có thể dẫn đường cho hạnh vậy.

Hỏi: Phật đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, thì sao chẳng hoàn toàn nói về tự Phật (*vị Phật của chính mình*) mà cứ đề cao tha Phật (*vị Phật khác*) là thù thắng? Vì có sao thế?

Đáp: Pháp môn này hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu kiêng không nói tới vị Phật nào khác tức là chưa quên Tha Kiến (*cái thấy có người khác ngoài ta ra*). Nếu thiên trọng tự Phật, sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo.

Lại nữa, trong bốn món lợi ích Tát Đàn, ba thứ lợi ích sau chẳng thể tự nó khởi lên được. Nếu chẳng từ [môn Tát Đàn thứ nhất là] Thế Giới [Tát Đàn] phát khởi sâu xa lòng vui mừng, tin tưởng thì hai thứ lợi ích là ưa thích cõi Cực Lạc và chán nhàm cõi Sa Bà sẽ chẳng thể sanh được, huống gì là ngộ nhập lý Phật?

Chỉ do Sự Trì mà đạt đến Lý Trì, cho nên Phật Di Đà và thánh chúng hiện tiền chính là do bốn tánh đã hiện rõ ra. Sanh về cõi kia, thấy Phật, nghe pháp chính là thành tựu huệ thân (*cái thân kết tinh bằng trí huệ*), chứ chẳng phải do cái gì khác mà ngộ [được huệ thân ấy].

Pháp môn sâu mâu, phá sạch hết thấy hý luận, chặt sạch hết thấy ý kiến. Chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác pháp này được. Còn những kẻ Thế Trí Biện Thông khác, những kẻ thông hiểu cả Nho lẫn Thiền, tận hết sức suy lường, càng suy nghĩ càng xa cách hơn, hóa ra chẳng bằng những ông những bà ngu muội, thật thà niệm Phật, mà có thể ngấm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu.

“Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này”, dùng Phật nhãn, Phật âm để nói ấn định rành rành chuyện này, há dám trái nghịch, chống đối, chẳng khéo thuận vâng theo hòng chứng nhập ư?

[PHẦN LƯU THÔNG]



信愿持名一法，圆收圆超一切法门。竖与一切法门浑同，横与一切法门迥异。既无问自说，谁堪倡募流通。唯佛与佛，乃能究尽诸法实相。此经唯佛境界，唯佛佛可与流通耳。

Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm, viên siêu nhất thiết pháp môn. Thụ dữ nhất thiết pháp môn hốn đồng. Hoành dữ nhất thiết pháp môn huýnh dị, ký vô vấn tự thuyết, thùỳ kham xướng mộ lưu thông. Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Thử kinh duy Phật cảnh giới, duy Phật Phật khả dữ lưu thông nhĩ.

Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy pháp môn. Theo chiều dọc, nó giống như những pháp môn khác. Theo chiều ngang, pháp này hoàn toàn khác với hết thảy các pháp môn, đã do đức Phật không ai hỏi mà tự nói thì ai mới có thể đề xướng, lưu thông? Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận Thật Tướng của các pháp. Kinh này chỉ là cảnh giới Phật, chỉ có Phật và Phật mới có thể lưu thông mà thôi.

I. Phổ Khuyến

1. Khuyến tín lưu thông

Chánh kinh:

舍利弗，如我今者，赞叹阿弥陀佛不可思议功德之利。东方亦有阿鞞佛，须弥相佛，大须弥佛，须弥光佛，妙音佛，如是等恒河沙数诸佛，各于其国，出广长舌相，遍覆三千大千世界，说诚实言：汝等众生，当信是称赞不可思议功德一切诸佛所护念经。

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán A Di Đà Phật, bất khả tư nghị công đức chỉ lợi.

Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi A Di Đà Phật công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, các đức Phật nhiều như cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưới rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải:

不可思议, 略有五意: 一, 横超三界, 不俟断惑; 二, 即西方横具四土, 非由渐证; 三, 但持名号, 不假禅观诸方便; 四, 一七为期, 不藉多劫多生多年月; 五, 持一佛名, 即为诸佛护念, 不异持一切佛名. 此皆导师大愿行之所成就, 故曰阿弥陀佛不可思议功德之利. 又行人信愿持名, 全摄佛功德成自功德, 故亦曰阿弥陀佛不可思议功德之利. 下又曰诸佛不可思议功德, 我不可思议功德, 是诸佛释迦, 皆以阿弥为自也. 阿 (音同触 ㄚˊ ㄨˋ) 鞞, 此云无动. 佛有无量德, 应有无量名. 随机而立, 或取因, 或取果, 或性, 或相, 或行愿等. 虽举一隅, 仍具四悉. 随一一名, 显所诠德. 劫寿说之, 不能悉也. 东方虚空不可尽, 世界亦不可尽. 世界不可尽, 住世诸佛亦不可尽. 略举恒河沙耳. 此等诸佛, 各出广长舌劝信此经. 而众生犹不生信, 顽冥极矣. 常人三世不妄语, 舌能至鼻. 藏果头佛, 三大僧只劫不妄语, 舌薄广长可覆面. 今证大乘净土妙门, 所以遍覆三千. 表理诚称真, 事实非谬也. 标出经题, 流通之本. 什师顺此方好, 略译今题, 巧合持名妙行. 奘师译云 《称赞净土佛摄受经》. 文有详略, 义无增减.

Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý:

- Nhất, hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc.
- Nhị, tức Tây Phương hoành cụ tứ độ, phi do tiệm chứng.
- Tam, dẫn trì danh hiệu, bất giả Thiền Quán chư phương tiện.
- Tứ, nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt.
- Ngũ, trì nhất Phật danh, tức vị chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh.

Thử giai đạo sư đại nguyện hạnh chi sở thành tựu. Cố viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”.

Hựu, hành nhân tín nguyện trì danh, toàn nhiếp Phật công đức thành tựu

công đức.

Cổ diệp viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”. Hạ hữu viết: “Chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức”, thị chư Phật, Thích Ca giai dĩ A Di vi Tự đã.

A Súc Bệ, thử vân Vô Động. Phật hữu vô lượng đức, ưng hữu vô lượng danh. Tùy cơ nhi lập, hoặc thủ nhân, hoặc thủ quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện đẳng. Tuy cử nhất ngưng, nhưng cụ Tứ Tất. Tùy nhất nhất danh, hiển sở thuyên đức. Kiếp thọ thuyết chi, bất năng tất đã.

Đông phương hư không bất khả tận, thế giới diệp bất khả tận. Thế giới bất khả tận, trụ thế chư Phật diệp bất khả tận. Lược cử hằng hà sa nhĩ. Thử đẳng chư Phật

Đông phương hư không bất khả tận, thế giới diệp bất khả tận. Thế giới bất khả tận, trụ thế chư Phật diệp bất khả tận. Lược cử “hằng hà sa” nhĩ.

Thử đẳng chư Phật, các xuất quảng trường thiết, khuyến tín thử kinh, nhi chúng sanh do bất sanh tín, ngoan minh cực hỷ. Thường nhân tam thế bất vọng ngữ, thiết năng chí tỵ. Tạng Quả Đầu Phật, tam đại tăng-kỳ kiếp bất vọng ngữ, thiết bạc, quảng trường khả phú diện. Kim chứng Đại Thừa Tịnh Độ diệu môn, sở dĩ biến phú tam thiên, biểu Lý thành xứng Chân, Sự thật phi mậu đã.

Tiêu xuất kinh đề, lưu thông chi bốn. Thập sư thuận thử phương hiệu lược, dịch kim đề, xảo hợp trì danh diệu hạnh. Trang sư dịch vân Xưng Tán Tịnh Độ Phật Niếp Thọ Kinh. Văn hữu tường lược, nghĩa vô tăng giảm.

“Chẳng thể nghĩ bàn”, nói đại lược gồm năm ý:

1. Một là vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi phải đoạn Hoặc.
2. Hai là sanh về Tây Phương liền trọn đủ bốn cõi, chẳng phải do chứng từ từ.
3. Ba, chỉ trì danh hiệu, chẳng cần phải dùng tới các phương tiện Thiên, Quán.
4. Bốn là lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần đến nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng.
5. Năm là trì danh hiệu một vị Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu của hết thầy chư Phật.

Những điều này đều do đại nguyện hạnh của đáng Đạo Sư mà thành tựu. Vì

thế nói “A Di Đà Phật lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn”.

Lại nữa, hành nhân tín nguyện trì danh hoàn toàn thấu nhiếp công đức của Phật thành công đức của chính mình. Vì thế, cũng nói: “Công đức lợi ích của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn”.

Trong đoạn dưới, [kinh văn] lại nói: “Công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật”, “công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta”, tức là chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm Tự.

A Súc Bệ, cõi này dịch là Vô Động, Phật có vô lượng đức, đương nhiên có vô lượng danh hiệu. Tùy theo căn cơ [của chúng sanh hóa độ] mà lập một danh hiệu, hoặc dùng nhân, hoặc dùng quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện, v.v... [để đặt tên]. Tuy nêu lên một khía cạnh, nhưng mỗi danh hiệu đều đầy đủ bốn món Tất Đản. Đối với mỗi danh hiệu, muốn giảng rõ tánh đức được phổ diễn bởi danh hiệu ấy thì dù có sống lâu cả kiếp để diễn nói cũng chẳng thể nào nói trọn hết được.

Phương Đông hư không chẳng thể cùng tận, nên thế giới cũng chẳng thể cùng tận. Do thế giới chẳng thể cùng tận nên chư Phật trụ thế cũng chẳng thể cùng tận, chỉ nêu đại lược là “nhiều như số cát sông Hằng” mà thôi.

Các vị Phật vị nào cũng hiện tướng lưỡi rộng dài, khuyên nên tin kinh này, mà chúng sanh vẫn chẳng sanh lòng tin, ương bướng, tối tăm đến tột bậc vậy! Người thường mà ba đời không nói dối thì lưỡi có thể chạm được mũi. Quả vị Phật trong Tạng Giáo ba đại a-tăng-kỳ kiếp không nói dối, lưỡi mỏng, rộng dài có thể che mặt. Nay nhằm chứng thực pháp môn Tịnh Độ màu nhiệm, cho nên [chư Phật thè lưỡi] che khắp tam thiên, nhằm biểu thị “Lý quả thật xứng hợp chân thật, Sự là đúng với sự thật, chẳng sai lầm”.

Nêu ra tựa đề kinh nhằm làm cái gốc cho việc lưu thông. Ngài La Thập thuận theo thói thích đơn giản của phương này, mà dịch tựa đề kinh như [đề kinh đang được sử dụng] trong hiện tại, phù hợp khéo léo với diệu hạnh trì danh. Ngài Huyền Trang dịch [tựa đề kinh này] là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Lời văn tuy có cận kề hay đại lược khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng bị tăng hay giảm.

Chánh kinh:

舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠

實言. 汝等眾生. 當信是. 稱讚不可思議功德. 一切諸佛所護念經.

舍利弗. 西方世界. 有無量壽佛. 無量相佛. 無量幢佛. 大光佛. 大明佛. 寶相佛. 淨光佛. 如是等. 恆河沙數諸佛. 各於其國. 出廣長舌相. 遍覆三千大千世界. 說誠實言. 汝等眾生. 當信是. 稱讚不可思議功德. 一切諸佛所護念經.

舍利弗. 北方世界. 有燄肩佛. 最勝音佛. 難沮佛. 日生佛. 網明佛. 如是等. 恆河沙數諸佛. 各於其國. 出廣長舌相. 遍覆三千大千世界. 說誠實言. 汝等眾生. 當信是. 稱讚不可思議功德. 一切諸佛所護念經. 舍利弗, 下方世界有師子佛, 名聞佛, 名光佛, 達摩佛, 法幢佛, 持法佛, 如是等恆河沙數諸佛, 各于其國, 出廣長舌相, 遍覆三千大千世界, 說誠實言: 汝等眾生, 當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經.

舍利弗, 上方世界有梵音佛, 宿王佛, 香上佛, 香光佛, 大焰肩佛, 杂色宝华严身佛, 娑罗树王佛, 宝华德佛, 见一切义佛, 如须弥山佛, 如是等恆河沙數諸佛, 各于其國, 出廣長舌相, 遍覆三千大千世界, 說誠實言: 汝等眾生, 當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經.

Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất! Tây Phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vông Minh Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh

Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất! Trong các thế giới ở phương Nam có Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất! Trong các thế giới ở phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất! Trong các thế giới ở phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất! Trong các thế giới ở phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật:

“Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất! Trong các thế giới ở phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải:

此界非非想天之上，复有上界风轮金轮及三界等，重重无尽也。问：诸方必有净土，何偏赞西方？答：此亦非善问。假使赞阿（音同触 ㄚ ㄨ ㄛ）佛国，汝又疑偏东方，展转戏论。问：何不遍缘法界？答：有三义。令初机易标心故，阿弥本愿胜故，佛与此土众生偏有缘故。盖佛度生，生受化，其间难易浅深，总在於缘。缘之所在，恩德弘深，种种教启，能令欢喜信入，能令触动宿种，能令魔障难遮，能令体性开发。诸佛本从法身垂迹，固结缘种，若世出世，悉不可思议。尊隆於教乘，举扬於海会，沁入於苦海，慈契於寂光，所以万德钦承，群灵拱极。当知佛种从缘起，缘即法界。一念一切念，一生一切生。一香一华，一声一色，乃至受忏授记，摩顶垂手。十方三世，莫不遍融。故此增上缘因，名法界缘起。此正所谓遍缘法界者也。浅位人便可决志专求，深位人亦不必舍西方而别求华藏。若谓西方是权，华藏是实，西方小，华藏大者，全堕众生遍计执情。以不达权实一体，大小无性故也。

(丁) 二徵释经题

Vô Lượng Thọ Phật dữ Di Đà đồng danh, thập phương các phương diện, đồng danh chư Phật vô lượng dã. Nhiên tức thị đạo sư diệc khả. Vị độ chúng sanh, bất phương chuyển tán Thích Ca Như Lai sở thuyết.

Thử giới thủy luân, kim luân, phong luân chi hạ, phục hữu hạ giới Phi Phi Tướng Thiên đẳng, nãi chí trùng trùng vô tận dã. Đạt Ma thử vân Pháp.

Thử giới Phi Phi Tướng thiên chi thượng, phục hữu thượng giới phong luân, kim luân, cập tam giới đẳng, trùng trùng vô tận dã.

Vấn: *Chư phương tất hữu Tịnh Độ, hà thiên tán Tây Phương?*

Đáp: *Thử diệc phi thiện vấn. Giả sử tán A Súc Phật quốc, nhữ hựu nghi thiên Đông phương, triển chuyển hý luận!*

Vấn: *Hà bất biến duyên pháp giới?*

Đáp: *Hữu tam nghĩa, linh sơ cơ dị tiêu tâm cố, A Di bốn nguyện thắng cố, Phật dữ thử độ chúng sanh thiên hữu duyên cố. Cái Phật độ sanh, sanh thọ hóa, kỳ gian nan dị, thiện thâm, tổng tại ư duyên. Duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm, chủng chủng giáo khai, năng linh hoan hỷ tín nhập, năng linh xúc động tức chủng, năng linh ma chướng nan giá, năng linh thể tánh khai phát.*

Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch, cố kết duyên chủng. Nhược thế, xuất thế, tất bất khả tư nghị. Tôn long ư giáo thừa, cử dương ư hải hội, thẩm nhập ư khổ hải, từ khế ư Tịch Quang. Sở dĩ vạn đức khâm thừa, quần linh cùng cực.

Đương tri Phật chủng tòng duyên khởi, duyên tức pháp giới, nhất niệm, nhất thiết niệm, nhất sanh, nhất thiết sanh, nhất hương, nhất hoa, nhất thanh, nhất sắc, nãi chí thọ sám, thọ ký, ma đảnh, thù thủ. Thập phương tam thế, mạc bất biến dung.

Cố thử Tăng Thượng Duyên nhân, danh “pháp giới duyên khởi”. Thử chánh sở vị “biến duyên pháp giới” giả dã. Thiển vị nhân, tiện khả quyết chí chuyên cầu, thâm vị nhân, diệc bất tất xả Tây Phương, nhi biệt cầu Hoa Tạng. Nhược vị Tây Phương thị Quyền, Hoa Tạng thị Thật, Tây Phương tiểu, Hoa Tạng đại giả, toàn đọa chúng sanh biến kế chấp tình, dĩ bất đạt Quyền Thật nhất thể, Đại Tiểu vô tánh cố dã.

Vô Lượng Thọ Phật cùng tên với A Di Đà Phật. Trong mười phương, tại mỗi phương có vô lượng chư Phật mang cùng tên. Nhưng dù cho Vô Lượng Thọ Phật chính là đạo sư A Di Đà Phật thì cũng vẫn được. Vì độ chúng sanh nên khen ngợi lời Thích Ca Như Lai đã nói cũng đâu có trở ngại gì.

Phía dưới thủy luân, kim luân và phong luân¹⁵ của thế giới này lại có các

¹⁵ Theo luận Câu Xá, tầng thấp nhất của một thế giới gọi là Phong Luân (*Vāyu mandala*), tức là một tầng không khí. Phía dưới tầng Phong Luân ấy gọi là Không Luân (*Ākāśa-mandala*, tức hư không). Phong Luân dày mười sáu ức do-tuần, kiên cố như kim cang. Trên Phong Luân có Thủy Luân (*Jala-mandala*) gồm toàn nước, dày tám ức do tuần. Trên Thủy Luân là Kim Luân (*Kāñcana-mandala*), dày ba ức hai vạn do-tuần, do chất kim cang kết thành hình tròn xoe như bánh xe. Phía trên Kim Luân là chín rặng núi lần lượt vây quanh nhau, gần như những vòng tròn đồng tâm, tính từ trong ra ngoài là Tu Di (*Sumeru*), Du Càn Đà La (*Yugandhara*), Y Sa Đà La (*Isadhara*), Khư Đề La (*Khadiraka*), Tô Đạt Lê Xá Na (*Sudarśana*), An Tháp Phược Kiệt Noa (*Āśvakarna*), Tỳ Na Đà La (*Vinadhara*), Ni Dân Đà La (*Nimindhara*), Chưốc Ca La

cõi trời như Phi Phi Tường v.v... của thế giới ở phương dưới, cho đến trùng trùng vô tận. Đạt Ma được cõi này dịch là Pháp. Trên trời Phi Phi Tường của cõi này, lại có phong luân, kim luân và tam giới, v.v... của cõi trên, trùng trùng vô tận.

Hỏi: Trong các phương ắt có Tịnh Độ, có gì phải riêng khen ngợi Tây Phương?

Đáp: Đây cũng chẳng phải là lời hỏi đúng lý! Giả sử khen ngợi cõi A Súc Phật thì ông lại nghi vì sao riêng khen ngợi Đông phương? Quanh quẩn đùa bỡn như thế đó!

Hỏi: Sao không nghĩ niệm trọn khắp pháp giới?

Đáp: Là do có ba nghĩa: Nhằm làm cho hàng sơ cơ dễ biết chỗ để chú tâm, do A Di Đà Phật có bốn nguyện thù thắng, do Phật đặc biệt có duyên với chúng sanh cõi này. Ấy là vì Phật hóa độ chúng sanh, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa, trong ấy có [tình trạng] khó - dễ, cạn - sâu, nói chung là do duyên. Duyên đã có, ân đức rộng sâu, đủ mọi cách dạy bảo, khơi gợi thì sẽ có thể làm cho [chúng sanh] vui vẻ tin tưởng, chúng nhập, có thể đầy động chúng tử từ quá khứ, có thể làm cho ma khó thể gây chướng ngại, ngăn trở, có thể làm cho thể tánh khai phát.

Chư Phật vốn từ Pháp Thân mà thị hiện hình tích, tạo duyên sâu chắc với chúng sanh. Dù là [so với] pháp thể gian hay xuất thể gian, [pháp môn này] luôn luôn là chẳng thể nghĩ bàn, nên nó được tôn trọng nhất trong các giáo pháp và tam thừa Phật pháp, được tuyên dương trong các hội [giảng kinh rộng lớn như] biển cả [của chư Phật], thấm sâu trong biển khổ, từ bi khế hợp với Tịch Quang. Do vậy, các bậc vạn đức (*chư Phật*) đều kính trọng, tuân giữ, các sanh linh đều ngưỡng mộ tuân hành đến tốt bậc.

Hãy nên biết rằng: Phật chúng (*hạt giống thành Phật*) từ duyên mà khởi, duyên chính là pháp giới. Niệm một tức là niệm hết thấy, sanh về một là sanh về hết thấy, một hương, một hoa, một tiếng, một sắc, cho đến chấp nhận [kể có tội đối trước Phật] sám hối, thọ ký, xoa đầu, duỗi tay, mười phương ba đời không gì chẳng dung hội trọn khắp.

Vì thế, tăng thượng duyên nhân gọi là “pháp giới duyên khởi”. Đây chính là “duyên trọn khắp pháp giới” vậy. Người thuộc địa vị cạn sẽ quyết chí chuyên cầu, mà người ở địa vị sâu cũng chẳng cần phải bỏ Tây Phương để riêng cầu Hoa

(*Cakravāda*, *Thiết Vy sơn*) và tám cái biển lớn (*tám cái biển chứa toàn nước thơm, nên gọi là Hương Thủy Hải*. Mỗi biển nằm giữa các rặng núi, từ ngoài vào trong có chín vòng núi nên có tám biển *Hương Thủy*), vây quanh đại địa. Tầng này gọi là Địa Luân (*Prthivī-mandala*).

Tạng. Nếu bảo Tây Phương là Quyền, Hoa Tạng là Thật, Tây Phương là Tiểu Thừa, Hoa Tạng là Đại Thừa, tức là hoàn toàn rơi vào tình thức Biến Kế Chấp của chúng sanh, bởi chẳng thấu hiểu Quyền và Thật cùng một Thể, Tiểu Thừa và Đại Thừa chẳng có tánh vậy.

Chánh kinh:

舍利弗. 於汝意云何. 何故名為一切諸佛所護念經. 舍利弗. 若有善男子. 善女人. 聞是經受持者. 及聞諸佛名者. 是諸善男子. 善女人. 皆為一切諸佛之所護念. 皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提. 是故舍利弗. 汝等皆當信受我語. 及諸佛所說.

Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.

Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi kinh này có tên là “kinh được hết thấy chư Phật hộ niệm”? Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này mà thọ trì cùng nghe danh hiệu của chư Phật thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thấy chư Phật hộ niệm, đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói.

Giải:

此经独詮无上心要, 諸佛名字, 并詮无上圓滿究竟万德, 故聞者皆為諸佛護念. 又聞經受持, 即執持名号. 阿彌名号, 諸佛所護念故. 問: 但聞諸佛名, 而未持經, 亦得護念不退耶? 答: 此义有局有通. 《占察》謂杂乱垢心, 虽誦我名而不為聞. 以不能生決定信解, 但獲世間善報, 不得广大深妙利益. 若到一行三昧, 則成广大微妙行心, 名得相似无生法忍, 乃為得聞十方佛名. 此亦應尔. 故須聞已執持至一心不乱, 方為聞諸佛名, 蒙諸佛護念. 此局义也. 通义者, 諸佛慈悲, 不可思議, 名号功德, 亦不可思議. 故一聞佛名, 不論有心无心, 若信若否, 皆成緣种. 况佛度眾生, 不簡怨亲, 恒无疲倦, 苟聞佛名, 佛必護念, 又何疑焉. 然据《金剛三論》, 根熟菩薩為佛護念, 位在別地圓住. 盖約自力, 必入同生性乃可護念. 今仗他力, 故相似位即蒙護念. 乃至相似位以还, 亦皆有通護念之义. 下至一聞佛名, 於同体法性有資发力, 亦得远因終不

退也。阿耨多罗，此云无上。三藐三菩提，此云正等正觉。即大乘果觉也。圆三不退，乃一生成佛异名。故劝身子等皆当信受。闻名功德如此，释迦及十方诸佛同所宣说，可不信乎！初劝信流通竟。

Thử kinh độc thuyên vô thượng tâm yếu, chư Phật danh tự, tịnh thuyên vô thượng viên mãn cứu cánh vạn đức. Cố văn giả giai vị chư Phật hộ niệm. Hựu, văn kinh, thọ trì, tức chấp trì danh hiệu, A Di danh hiệu chư Phật sở hộ niệm cố.

Vấn: *Đản văn chư Phật danh, nhi vị trì kinh, diệc đắc hộ niệm bất thoái da?*

Đáp: *Thử nghĩa hữu cục, hữu thông. Chiêm Sát vị: “Tạp loạn cấu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vi văn, dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, đản hoạch thể gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích.*

Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đắc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhãn, nãi vi đắc văn thập phương Phật danh”. Thử diệc ưng nhĩ. Cố tu văn dĩ chấp trì, chí nhất tâm bất loạn, phương vi văn chư Phật danh, mong chư Phật hộ niệm. Thử cục nghĩa dã.

Thông nghĩa giả, chư Phật từ bi bất khả tư nghị, danh hiệu công đức diệc bất khả tư nghị. Cố nhất văn Phật danh, bất luận hữu tâm vô tâm, nhược tín, nhược phủ, giai thành duyên chủng. Huống Phật độ chúng sanh, bất giản oán thân, hằng vô bì quỵên. Cầu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, hựu hà nghi yên? Nhiên cú Kim Cang Tam Luận, căn thực Bồ Tát, vi Phật hộ niệm, vị tại Biệt Địa, Viên Trụ. Cái ước tự lực, tất nhập Đồng Sanh Tánh, nãi khả hộ niệm. Kim trượng tha lực, cố Tương Tự Vị, tức mong hộ niệm. Nãi chí Tương Tự Vị dĩ hoàn, diệc giai hữu thông hộ niệm chi nghĩa. Hạ chí nhất văn Phật danh, ư đồng thể pháp tánh, hữu tư phát lực, diệc đắc viễn nhân, chung bất thoái dã.

A Nậu Đa La, thử vân Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề, thử vân Chánh Đẳng Chánh Giác, tức Đại Thừa quả giác dã. Viên tam Bất Thoái, nãi “nhất sanh thành Phật” dị danh. Cố khuyến Thân Tử đẳng giai đương tín thọ. Văn danh công đức như thử, Thích Ca cập thập phương chư Phật đồng sở tuyên thuyết, khả bất tín hồ?

Sơ khuyến tín lưu thông cánh.

Một mình kinh này giảng về tâm yếu vô thượng, danh hiệu của chư Phật và giảng giải vạn đức rốt ráo viên mãn vô thượng. Vì thế, người nghe đều được chư Phật hộ niệm. Lại nữa, nghe kinh, thọ trì, tức là chấp trì danh hiệu, vì danh hiệu A Di Đà được chư Phật hộ niệm.

Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu chư Phật, nhưng chưa trì kinh thì cũng được hộ niệm bất thoái ư?

Đáp: Điều này có nghĩa hạn cuộc và nghĩa phổ biến. Kinh Chiêm Sát dạy: “Tâm như tạp loạn, tuy tụng niệm danh hiệu ta, vẫn chẳng thể coi là ‘nghe’, vì chẳng thể sanh lòng tin hiểu quyết định, chỉ đạt được quả báo tốt lành trong thế gian, chẳng đạt được lợi ích sâu mầu rộng lớn.

Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành cái tâm tu hành rộng lớn vi diệu, gọi là đạt được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn được coi là đã nghe danh hiệu của mười phương Phật”. Ở đây, cũng nên hiểu giống như vậy. Vì thế, nghe rồi, phải nên chấp trì đến mức nhất tâm bất loạn thì mới là “đã nghe danh hiệu của chư Phật”, được chư Phật hộ niệm. Đây là nghĩa hạn cuộc.

Nghĩa phổ biến là chư Phật từ bi chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, vừa nghe danh hiệu Phật, bất luận là hữu tâm hay vô tâm, dù tin hay không, đều tạo thành cái duyên và hạt giống [thành Phật trong A Lại Da Thức]. Huống chi, Phật độ chúng sanh chẳng phân biệt là kẻ oán hay người thân, luôn luôn không mệt mỏi. Nếu nghe danh hiệu Phật, ắt Phật sẽ hộ niệm, há còn đáng nghi gì nữa ư? Nhưng theo Kim Cang Tam Luận, Bồ Tát căn cơ chín muồi, được Phật hộ niệm thì địa vị thuộc Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Bởi lẽ, luận theo phía tự lực thì phải thuộc địa vị Đồng Sanh Tánh mới được [chư Phật] hộ niệm. Nay cậy vào tha lực, nên thuộc vào địa vị Tương Tự liền được Phật hộ niệm, cho đến từ địa vị Tương Tự trở xuống cũng đều có ý nghĩa “cùng được chư Phật hộ niệm”. Thậm chí vừa nghe danh hiệu Phật thì đã có sức giúp cho đồng thể pháp tánh được phát khởi, cũng trở thành cái nhân xa, trọn chẳng bị lui sụt.

A Nậu Đa La cõi này dịch là Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề cõi này dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là quả giác Đại Thừa vậy. “Trọn vẹn ba thứ Bất Thoái” chính là tên khác của “thành Phật ngay trong một đời”. Vì thế, đức Phật khuyên các vị như Thân Tử (*Xá Lợi Phất*) đều nên tin nhận. Phật Thích Ca và mười phương chư Phật cùng tuyên nói công đức nghe danh hiệu như thế, há chẳng đáng tin ư?

Tiểu đoạn thứ nhất [trong phần Lưu Thông] là Khuyển Tín Lưu Thông đã xong.

2. Khuyển nguyện lưu thông

Chánh kinh:

舍利弗。若有人。已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子。善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。

Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh. Vì thế Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

Giải:

已愿已生, 今愿今生, 当愿当生, 正显依信所发之愿无虚也. 非信不能发愿, 非愿信亦不生. 故云若有信者, 应当发愿. 又愿者, 信之券, 行之枢, 尤为要务. 举愿则信行在其中, 所以殷勤三劝也. 复次愿生彼国, 即欣厌二门. 厌离娑婆, 与依苦集二谛所发二种弘誓相应. 欣求极乐, 与依道灭二谛所发二种弘誓相应. 故得不退转於大菩提道. 问: 今发愿但可云当生, 何名今生? 答: 此亦二义. 一, 约一期名今, 现生发愿持名, 临终定生净土. 二, 约刹那名今, 一念相应一念生, 念念相应念念生. 妙因妙果, 不离一心, 如称两头, 低昂时等. 何俟娑婆报尽, 方育珍池. 只今信愿持名, 莲萼光荣, 金台影现, 便非娑婆界内人矣. 极圆极顿, 难议难思, 唯有大智, 方能谛信.

Dĩ nguyện dĩ sanh, kim nguyện kim sanh, đương nguyện đương sanh, chánh hiển y tín sở phát chi nguyện vô hư dã. Phi tín, bất năng phát nguyện. Phi nguyện, tín diệt bất sanh. Cố vân: “Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện”.

Hữu, nguyện giả, tín chi khoán, hạnh chi xu, vưu vi yếu vụ. Cử nguyện, tắc tín hạnh tại kỳ trung. Sở dĩ ân cần tam khuyến dã.

Phục thứ, nguyện sanh bỉ quốc, tắc hân yếm nhị môn, yếm ly Sa Bà, dữ y Khổ Tập nhị đế, sở phát nhị chủng hoằng thệ tương ứng. Hân cầu Cực Lạc, dữ y Đạo Diệt nhị đế, sở phát nhị chủng hoằng thệ tương ứng. Cố đắc bất thoái chuyển ư đại Bồ Đề đạo.

Vấn: Kim phát nguyện, đản khả vân đương sanh, hà danh kim sanh?

Đáp: Thử diệc nhị nghĩa. Nhất ước nhất kỳ danh “kim”, hiện sanh phát nguyện trì danh, lâm chung định sanh Tịnh Độ. Nhị ước sát-na danh “kim”, nhất niệm tương ứng, nhất niệm sanh. Niệm niệm tương ứng, niệm niệm sanh. Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm. Như xúng lờng đầu, đề ngang thời đặng, hà sĩ Sa Bà báo tận, phương dục trôn trì? Chỉ kim tín nguyện trì danh, liên ngặc quang vinh, kim đài ảnh hiện, tiện phi Sa Bà giới nội nhân hỹ. Cực viên, cực đốn, nan nghị, nan tư. Duy hữu đại trí, phương năng đế tín.

Đã nguyện đã sanh, nay nguyện nay sanh, sẽ nguyện sẽ sanh, nhằm tỏ rõ do tin tưởng mà phát ra lời nguyện thì lời nguyện ấy chẳng hư huyền. Không tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Không có nguyện, lòng tin cũng chẳng thể sanh. Vì thế nói: “Nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện”.

Hơn nữa, nguyện là bằng khoán của lòng tin, là mấu chốt của hạnh, có vai trò quan trọng nhất. Nêu ra nguyện thì tín và hạnh đều nằm trong ấy. Do vậy, Phật ân cần ba lượt khuyên nhủ.

Lại nữa, nguyện sanh về cõi ấy chính là hai môn Ưa Thích và Chán Lìa. Chán lìa Sa Bà, tương ứng với hai thứ hoằng thệ do nương theo Khổ Đế và Tập Đế mà phát ra. Ưa cầu Cực Lạc, tương ứng với hai thứ hoằng thệ do nương theo Đạo Đế và Diệt Đế mà phát ra. Vì thế, đạt được chẳng thoái chuyển nơi đại Bồ Đề đạo.

Hỏi: Nay phát nguyện thì chỉ có thể nói là “sẽ sanh”, sao lại bảo là “nay sanh?”

Đáp: Điều này cũng có hai nghĩa:

- Một là dựa trên cùng một kỳ hạn mà bảo là “nay”. Đời này phát nguyện trì danh thì lâm chung nhất định sanh về Tịnh Độ.

- Hai là dựa theo sát-na mà gọi là “nay”. Một niệm tương ứng thì sanh vào cõi kia trong một niệm ấy, niệm niệm tương ứng thì trong từng niệm đều sanh. Diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm. Như hai đầu cái cân, hễ đầu này chúc xuống thì đầu kia nâng lên cùng một lúc, cần gì phải đợi đến khi hết báo thân nơi Sa Bà mới sanh trong ao báu. Chỉ cần nay tín nguyện trì danh thì [nơi Cực Lạc] hoa sen rạng ngời, đài vàng hiện bóng, tức là đã không còn là người trong cõi Sa Bà nữa! Cực viên, cực đốn, khó nghĩ, khó suy, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng chắc thật mà thôi!

3. Khuyến hạnh lưu thông

Chánh kinh:

舍利弗. 如我今者. 稱讚諸佛不可思議功德. 彼諸佛等. 亦稱讚我不可思議功德. 而作是言. 釋迦牟尼佛. 能為甚難希有之事. 能於娑婆國土 五濁惡世. 劫濁. 見濁. 煩惱濁. 眾生濁. 命濁中. 得阿耨多羅三藐三菩提. 為諸眾生. 說是一切世間難信之法.

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẳng diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trước ác thế, kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp”.

Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi chư Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, mà nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật làm được chuyện rất khó, là có thể ở trong đời ác năm thứ trước là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng này.

Giải:

诸佛功德智慧, 虽皆平等, 而施化则有难易. 净土成菩提易, 浊世难. 为净土众生说法易, 为浊世众生难. 为浊世众生说渐法犹易, 说顿法难. 为浊世众生说余顿法犹易, 说净土横超顿法尤难. 为浊世众生说净土横超顿修顿证妙观, 已自不易, 说此无藉劬劳修证, 但持名号, 径登不退, 奇特胜妙超出思议第一方便, 更为难中之难. 故十方诸佛, 无不推我释迦偏为勇猛也. 劫浊者, 浊法聚会之时. 劫浊中, 非带业横出之行, 必不能度. 见浊者, 五利使, 邪见增盛. 谓身见, 边见, 见取, 戒取及诸邪见, 昏昧汨没, 故名为浊. 见浊中, 非不假方便之行, 必不能度. 烦恼浊者, 五钝使, 烦恼增盛. 谓贪, 瞋, 痴, 慢, 疑, 烦动恼乱, 故名为浊. 烦恼浊中, 非即凡心是佛心之行, 必不能度. 众生浊者, 见烦恼所感粗弊五阴和合, 假名众生, 色心并皆陋劣, 故名为浊. 众生浊中, 非欣厌之行, 必不能度. 命浊者, 因果并劣, 寿命短促, 乃至不满百岁, 故名为浊. 命浊中, 非不费时劫, 不劳勤苦之行, 必不能度. 复次只此信愿庄严一声阿弥陀佛, 转劫浊为清静海会, 转见浊为无量光, 转烦恼浊为常寂光, 转众生

浊为莲华化生, 转命浊为无量寿. 故一声阿弥陀佛, 即释迦本师於五浊恶世, 所得之阿耨多罗三藐三菩提法. 今以此果觉全体授与浊恶众生, 乃诸佛所行境界, 唯佛与佛能究尽, 非九界自力所能信解也. 诸众生, 别指五浊恶人. 一切世间, 通指四土器世间, 九界有情世间也.

Chư Phật công đức, trí huệ, tuy giai bình đẳng, nhi thi hóa tặc hữu nan dị. Tịnh Độ thành Bồ Đề dị, trước thế nan.

Vị Tịnh Độ chúng sanh thuyết pháp dị, vị trước thế chúng sanh nan.

Vị trước thế chúng sanh thuyết tiệm pháp do dị, thuyết đốn pháp nan.

Vị trước thế chúng sanh thuyết dư đốn pháp do dị, thuyết Tịnh Độ hoành siêu đốn pháp vu nan.

Vị trước thế chúng sanh, thuyết Tịnh Độ hoành siêu đốn tu đốn chứng diệu quán, dĩ tự bất dị. Thuyết thử vô tỵ cù lao tu chứng, đản trì danh hiệu, kính đảnh Bất Thoái, kỳ đặc thắng diệu, siêu xuất tư nghị, đệ nhất phương tiện, cánh vi nan trung chi nan.

Cổ thập phương chư Phật, vô bất thôi ngã Thích Ca, thiên vi dũng mãnh dã.

Kiếp Trước giả, trước pháp tụ hội chi thời. Kiếp Trước trung, phi đới nghiệp hoành xuất chi hạnh, tất bất năng độ.

Kiến Trước giả, Ngũ Lợi Sử tà kiến tăng thịnh, vị Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ, cập chư tà kiến. Hôn muội cốt một, cố danh vi Trước. Kiến Trước trung, phi bất giả phương tiện chi hạnh, tất bất năng độ.

Phiền Não Trước giả, Ngũ Độn Sử phiền hoặc tăng thịnh, vị tham, sân, si, mạn, nghi, phiền động não loạn, cố danh vi Trước. Phiền Não Trước trung, phi tức phạm tâm thị Phật tâm chi hạnh, tất bất năng độ.

Chúng Sanh Trước giả, kiến phiền não, sở cảm thô tế Ngũ Ấm hòa hợp, giả danh chúng sanh. Sắc, tâm tịnh giai lậu liệt, cố danh vi Trước. Chúng Sanh Trước trung, phi Hân Yếm chi hạnh, tất bất năng độ.

Mạng Trước giả, nhân quả tịnh liệt, thọ mạng đoản xúc, nãi chí bất mãn bách tuế, cố danh vi Trước. Mạng Trước Trung, phi bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh, tất bất năng độ.

Phục thứ, chỉ thử tín nguyện, trang nghiêm nhất thanh A Di Đà Phật, chuyển Kiếp Trước vi thanh tịnh hải hội, chuyển Kiến Trước vi vô lượng quang, chuyển Phiền Não Trước vi Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trước vi liên hoa

hóa sanh, chuyển Mạng Trược vì vô lượng thọ.

Có, nhất thanh A Di Đà Phật tức Thích Ca Bổn Sư u ngũ trược ác thế, sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Kim dĩ thử quả giác toàn thể, thọ dữ trược ác chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tin giải dã.

“Chư chúng sanh”, biệt chỉ ngũ trược ác nhân. “Nhất thiết thế gian”, thông chỉ tứ độ khí thế gian, cứu giới hữu tình thế gian dã.

Công đức và trí huệ của chư Phật tuy đều bình đẳng, nhưng thực hiện sự giáo hóa thì có dễ hay khó. Trong Tịnh Độ thành Bồ Đề dễ dàng, trong đời trược thì khó.

Vì chúng sanh trong Tịnh Độ thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh đời trược thuyết pháp khó khăn. Vì chúng sanh đời trược thuyết pháp Tiệm (*tu tấn dần dần*) còn dễ, nói pháp Đốn sẽ khó. Vì chúng sanh đời trược nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói Đốn pháp Tịnh Độ vượt ngang tam giới rất khó. Vì chúng sanh đời trược nói diệu quán Tịnh Độ đốn tu đốn chứng vượt ngang tam giới đã chẳng dễ dàng, nói pháp chẳng cần đến tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, mau chóng vượt lên Bất Thoái, kỳ lạ, đặc biệt, thù thắng, nhiệm mầu, vượt khỏi suy nghĩ, phương tiện bậc nhất này càng là điều khó nhất trong những điều khó. Vì thế, mười phương chư Phật không một vị nào chẳng suy tôn đức Thích Ca của chúng ta là bậc đặc biệt dũng mãnh.

Kiếp Trược là lúc các pháp như bản tự hội. Trong thuở Kiếp Trược, nếu chẳng có hạnh “mang theo nghiệp vượt thoát theo chiều ngang”, ắt chẳng thể độ được.

Kiến Trược là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và các tà kiến. Tối tăm, chìm đắm, nên gọi là Trược. Trong thời Kiến Trược, nếu chẳng cấy vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được.

Phiền Nã Trược là năm thứ Độn Sử phiền não mê hoặc tăng trưởng mạnh mẽ, tức là tham, sân, si, mạn, nghi gây phiền não, rối loạn, nên gọi là Trược. Trong thuở Phiền Nã Trược, nếu không dùng hạnh “tâm phàm chính là tâm Phật”, ắt chẳng thể độ được.

Chúng Sanh Trược là do Kiến Hoặc, cảm vờ Ngũ Ấm thô tệ hòa hợp, giả gọi là chúng sanh. Sắc lẫn tâm đều thô lậu, hèn kém, nên gọi là Trược. Trong thuở Chúng Sanh Trược, nếu không do hạnh Ưa Thích và Chán Lìa, ắt chẳng thể

độ được.

Mạng Trược là nhân và quả đều kém cỏi, tuổi thọ ngắn ngủi, thậm chí chẳng đầy trăm tuổi, nên gọi là Trược. Trong thuở Mạng Trược, mà chẳng dùng hạnh “chẳng tổn kiếp số, chẳng cần phải nhọc nhằn tu tập”, ắt chẳng thể độ được.

Lại nữa, chỉ dùng tín nguyện này để trang nghiêm, niệm một tiếng A Di Đà Phật, sẽ chuyển Kiếp Trược thành hải hội thanh tịnh, chuyển Kiến Trược thành vô lượng quang, chuyển Phiền Nảo Trược thành Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trược thành hóa sanh trong hoa sen, chuyển Mạng Trược thành vô lượng thọ.

Vì thế, một câu A Di Đà Phật chính là pháp mà đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay Ngài đem toàn thể sự giác ngộ nơi Phật quả truyền cho chúng sanh trong đời trược ác. Đây chính là cảnh giới thực hành của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới hồng thấu suốt cùng tận, chứ chúng sanh trong chín pháp giới cậy vào tự lực sẽ chẳng thể tin hiểu được.

Chữ “chư chúng sanh” chỉ riêng những kẻ ác trong đời ngũ trược. Chữ “nhất thiết thế gian” chỉ chung thế giới vật chất trong bốn cõi và hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới.

前劝信流通是诸佛付嘱, 此本师付嘱. 嘱语略别从通, 但云一切世间, 犹前诸佛所云汝等众生. 当知文殊, 迦叶等, 皆在所嘱也.

Tiền khuyến tín lưu thông, thị chư Phật phó chúc. Thử Bốn Sư phó chúc, chúc ngữ lược biệt tòng thông, dẫn vân “nhất thiết thế gian” do tiền chư Phật sở vân “nhữ đẳng chúng sanh”, đương tri Văn Thù, Ca Diếp đẳng, giai tại sở chúc dã.

Đoạn Khuyến Tín Lưu Thông trong phần trước là lời dặn bảo của chư Phật. Trong đoạn này là đức Bốn Sư dặn bảo. Trong lời dặn bảo riêng này, chỉ nói đại lược, nhưng ý nghĩa vẫn giống như trong phần dặn bảo chung [của mười phương chư Phật]. Trong phần trước, chư Phật đã nói “chúng sanh các người”, cho nên biết Văn Thù, Ca Diếp, v.v... đều thuộc trong số những người được đức Phật căn dặn.

Chánh kinh:

舍利弗. 當知我於五濁惡世. 行此難事. 得阿耨多羅三藐三菩提. 為一切世間. 說此難信之法. 是為甚難.

Xá Lợi Phát! Đương tri ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian, thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.

Này Xá Lợi Phát! Hãy nên biết: Ta ở trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó khăn này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thấy thế gian, nói pháp khó tin này, thật là rất khó.

Giải:

信愿持名一行, 不涉施为, 圆转五浊. 唯信乃入, 非思议所行境界. 设非本师来入恶世, 示得菩提, 以大智大悲, 见此, 行此, 说此, 众生何由稟此也哉! 然吾人处劫浊中, 决定为时所囿, 为苦所逼. 处见浊中, 决定为邪智所缠, 邪师所惑. 处烦恼浊中, 决定为贪欲所陷, 恶业所螫. 处众生浊中, 决定安於臭秽而不能洞觉, 甘於劣弱而不能奋飞. 处命浊中, 决定为无常所吞, 石火电光, 措手不及. 若不深知其甚难, 将谓更有别法可出五

浊, 烽燧宅里, 戏论纷然. 唯深知其甚难, 方肯死尽偷心, 宝此一行. 此本师所以极口说其难甚, 而深嘱我等当知也. 初普劝竟.

Tín nguyện trì danh nhất hạnh, bất thiệp thị vi, viên chuyển ngũ trước, duy tín nãi nhập, phi tư nghị sở hành cảnh giới. Thiết phi Bốn Sư, lai nhập ác thế, thị đắc Bồ Đề. Dĩ đại trí, đại bi, kiến thử, hành thử, thuyết thử, chúng sanh hà do bảm thử dã tai!

Nhiên ngô nhân xử Kiếp Trước trung, quyết định vị thời sở hữu, vị khổ sở bức, xử Kiến Trước trung, quyết định vị tà trí sở triền, tà sư sở hoặc.

Xử Phiền Nã Trước trung, quyết định vị tham dục sở hãm, ác nghiệp sở thích.

Xử Chúng Sanh Trước Trung, quyết định an ư xú uế, nhi bất năng đồng giác, cam ư liệt nhược, nhi bất năng phản phi.

Xử Mạng Trước trung, quyết định vị vô thường sở thốn, thạch hỏa, điện quang, thố thử bất cập.

Nhược bất thâm tri kỳ thậm nan, tương vị cánh hữu biệt pháp khả xuất ngũ trước, bông bột trạch lý, hý luận phân nhiên. Duy thâm tri kỳ thậm nan, phương khẳng tử tận thâm tâm, bảo thử nhất hạnh.

Thử Bốn Sư sở dĩ cực khẩu, thuyết kỳ nan thậm, nhi thâm chúc ngã đẳng đương tri dã.

Sơ phổ khuyến cánh.

Một hạnh tín nguyện trì danh, chẳng xen lẫn những hạnh nghiệp nào khác, chuyển biến trọn vẹn ngũ trước, chỉ có tin mới hồng chứng nhập, là cảnh giới chẳng thể do nghĩ bàn mà hồng thấu hiểu được. Nếu đức Bôn Sur chẳng vào trong đời ác, thị hiện chúng đắc Bồ Đề, do đại trí, đại bi, thấy điều này, hành pháp này, giảng pháp này, chúng sanh sẽ do đâu mà nhận lãnh được pháp này vậy thay?

Nhưng chúng ta sống trong Kiếp Trước, quyết định bị thời đại vây bủa, bị khổ não bức bách.

Sống trong Kiến Trước, chắc chắn bị tà trí trói buộc, bị tà sư mê hoặc.

Sống trong Phiền Não Trước, chắc chắn bị tham dục vây hãm, bị ác nghiệp cắn rứt.

Sống trong Chúng Sanh Trước, chắc chắn ở yên trong cảnh hôi nhơ mà chẳng thấu hiểu, cam lòng kém hèn, chẳng thể phấn chấn mạnh mẽ tiến lên.

Ở trong Mạng Trước, chắc chắn bị vô thường nuốt mất, [mạng người ngắn ngủi] như tia lửa xẹt do đập vào đá, như ánh chớp, trở tay chẳng kịp.

Nếu chẳng biết sâu xa [thoát ly Ngũ Trước] là cực khó, ắt sẽ ngỡ còn có một pháp nào khác để thoát khỏi Ngũ Trước, cứ hý luận rồi bời trong ngôi nhà lửa cháy bùng bùng. Chỉ có hiểu sâu xa [thoát ly Ngũ Trước] là rất khó thì mới chịu chết sạch tấm lòng mong ngóng so đo, quý báu một hạnh này.

Đây chính là lý do vì sao đức Bôn Sur cạn hết lời, bảo pháp này rất khó, lại còn tha thiết dặn dò chúng ta phải nên thấu hiểu.

[Đoạn lớn] thứ nhất [trong phần Lưu Thông] là Phổ Khuyến hết.

II. Kết Khuyến

Chánh kinh:

佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間。天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất, cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất và các vị Tỳ-kheo, hết thầy thế gian, trời, người, A Tu La, v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ,

lui ra.

Giải:

法门不可思议, 难信难知, 无一人能发问者. 佛智鉴机, 知众生成佛缘熟, 无问自说, 令得四益, 如时雨化, 故欢喜信受也. 身心怡悦名欢喜. 毫无疑惑名信. 领纳不忘名受. 感大恩德, 投身归命, 名作礼. 依教修持, 一往不退, 名而去.

Pháp môn bất khả tư nghị, nan tín, nan tri, vô nhất nhân năng phát vấn giả. Phật trí giám cơ, tri chúng sanh thành Phật duyên thực, vô vấn tự thuyết, linh đắc tứ ích, như thời vũ hóa. Cố “hoan hỷ tín thọ” dã.

Thân tâm di duyệt, danh “hoan hỷ”. Hào vô nghi ngại, danh “tín”. Lãnh nạp bất vong, danh “thọ”. Cảm đại ân đức, đầu thân quy mạng, danh “tác lễ”. Y giáo tu trì, nhất vãng bất thoái, danh “nhĩ khứ”.

Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết, không một ai có thể nêu câu hỏi. Đức Phật dùng trí huệ xét soi căn cơ, biết duyên thành Phật của chúng sanh đã chín, bèn không ai hỏi tự nói, khiến cho mọi người được bốn thứ lợi ích, giống như trận mưa đúng thời khiến cho muôn loài tang trưởng. Vì thế, [đại chúng] “hoan hỷ tín thọ” (*hoan hỷ tín nhận*).

Thân tâm vui sướng gọi là “hoan hỷ”. Chẳng nghi ngờ mảy may, gọi là “tín”. Lãnh nhận chẳng quên mất, gọi là “thọ” (*nhận*). Cảm kích ân đức lớn lao, gieo toàn thân quy mạng, gọi là “tác lễ”. Vâng theo lời dạy tu trì, thẳng tiến chẳng lui sụt, gọi là “nhĩ khứ”.



LỜI BẠT

蕩 益大師跋

經云：末法億亿人修行，罕一得道，唯依念佛得度。嗚呼！今正是其時矣。舍此不思議法門，其何能淑。旭出家時，宗乘自負，藐視教典。妄謂持名，曲為中下。後因大病，發意西歸。復研《妙宗》《圓中》二鈔，及云栖《疏鈔》等書，始知念佛三昧，實無上寶王，方肯死心執持名號，萬牛莫挽也。吾友去病，久事淨業，欲令此經大旨，辭不繁而炳著，請余為述要解。余欲普與法界有情同生極樂，理不可却。舉筆于丁亥九月二十有七，脫稿於十月初五，凡九日告成。所愿一句一字，咸作資糧。一見一聞，同階不退。信疑皆植道種，贊謗等歸解脫。仰唯諸佛菩薩攝受證明，同學友人隨喜加被。西有道人 蕩 益智旭閣筆故跋，時年四十有九。

NGẪU ÍCH ĐẠI SƯ BẠT

Kinh vân: “Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật đắc độ”. Ô hô! Kim chánh thị kỳ thời hỹ! Xả thử bất tư nghị pháp môn, kỳ hà năng thực?

Húc xuất gia thời, tông thừa tự phụ, miếu thị giáo điển, vọng vị trì danh, khúc vi trung hạ. Hậu nhân đại bệnh, phát ý Tây quy. Phục nghiên Diệu Tông, Viên Trung nhị sao, cập Vân Thê Sớ Sao đẳng thư, tri kỳ Niệm Phật tam-muội, thực vô thượng bảo vương, phương khăng tử tâm, chấp trì danh hiệu, vạn ngu mạt văn dã.

Ngô hữu Khứ Bệnh, cứu sự Tịnh nghiệp, dục linh thử kinh đại chỉ, từ bất phiến, nhi bình trước, thỉnh dư vị thuật Yếu Giải. Dư dục phổ dĩ pháp giới hữu tình đồng sanh Cực Lạc, lý bất khả khước, cử bút vu Đình Hối cứu nguyệt nhị thập hữu thất, thoát cáo ư thập nguyệt sơ ngũ, phàm cứu nhật cáo thành. Sở nguyện nhất cú, nhất tự, hàm tác tư lương, nhất kiến, nhất văn, đồng giai Bất Thoái. Tín nghị giai thực đạo chủng, tán báng đẳng quy giải thoát. Ngưỡng duy chư Phật, Bồ Tát, nhiếp thọ chứng minh, đồng học hữu nhân tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc các bút cố bạt, thời niên tứ thập hữu cửu.

LỜI BẠT CỦA NGÃU ÍCH ĐẠI SƯ

Kinh dạy: “Trong đời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm có một ai đắc đạo, chỉ có nương vào pháp Niệm Phật thì mới đắc độ”. Than ôi! Nay đúng nhằm thời ấy vậy. Bỏ pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này, thì còn cậy vào đâu để giải thoát cho được?

Húc tôi lúc xuất gia, tự phụ là người thuộc Thiền Tông, coi thường những kinh điển thuộc Giáo môn, nói xằng “phép trì danh là pháp quyền biến nhằm phù hợp căn tánh của những kẻ trung căn và hạ căn”. Về sau, do bệnh ngặt nghèo, mới phát tâm quy Tây. Lại nghiên cứu hai bộ Viên Trung Sao và Diệu Tông Sao, và sách Sớ Sao của ngài Vân Thê, mới biết Niệm Phật tam-muội quả thật là vua báu vô thượng, mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng, so đo, chấp trì danh hiệu, một vạn con trâu cũng không lôi lại được.

Bạn tôi là ông Khứ Bệnh, tu Tịnh nghiệp đã lâu, muốn cho tông chỉ của kinh này nêu tỏ rạng ngời mà lời lẽ giảng giải đơn giản, xin tôi viết lời giải thích những điểm trọng yếu. Tôi muốn làm cho hữu tình trong khắp pháp giới đều cùng sanh về Cực Lạc, xét theo lý chẳng thể chối từ được, bèn cầm bút viết từ ngày Hai Mươi Bảy tháng Chín năm Đinh Hợi (1647), đến ngày mùng Năm tháng Mười là hoàn thành, tổng cộng viết xong trong chín ngày. Kính mong mỗi một câu, mỗi một chữ đều là tư lương [cho người tu Tịnh nghiệp]. Ai thấy, ai nghe cũng đều đạt lên Bất Thoái. Người tin tưởng hay nghi ngờ, kẻ khen ngợi hay hủy báng đều cùng về giải thoát. Ngưỡng mong chư Phật, Bồ Tát nhiếp thọ, chứng minh, các bạn đồng học tùy hỷ gia bị.

*Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc gác bút.
Đề lời bạt này vào năm bốn mươi chín tuổi.*

